

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC HỌC PHẦN
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Đoàn Sỹ Tuấn
Đơn vị: Bộ môn lý luận chính trị**

NINH BÌNH, 2024

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC HỌC
PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Đoàn Sỹ Tuấn

Đơn vị: Bộ môn lý luận chính trị

Các thành viên:

1. Phan Thị Hồng Duyên	Tiến sỹ Triết học, BMLLCT
2. Lê Thị Lan Anh	Thạc sỹ Triết học, BMLLCT
3. Bùi Duy Bình	Thạc sỹ LLCT&PPDHLLCT, Phòng TC-TTr
4. Dương Trọng Hạnh	Thạc sỹ KTCT, Trung tâm Thư viện – Thiết bị

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu
(*họ tên, chữ ký*)

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(*họ tên, chữ ký*)

.....

.....

NINH BÌNH, 2024

MỤC LỤC

Danh mục các từ viết tắt trong đề tài	iii
Hệ thống bảng thống kê và sơ đồ trong đề tài	iv
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	3
3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài	11
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	11
4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài	11
4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài	11
5. Cách tiếp cận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của đề tài	11
5.1. Cách tiếp cận	11
5.2. Phương pháp nghiên cứu	11
6. Nội dung nghiên cứu	12
Chương 1:	13
CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ	13
1.1. Vấn đề lý luận cơ bản về biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư	13
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản: Biện pháp, Biện pháp dạy học; Hiệu quả; Hiệu quả dạy học; Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học; Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	13
1.1.2. Khái quát về Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư	16
1.2. Thực tiễn dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư	19
1.2.1. Khái quát về quá trình tổ chức dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư	19
1.2.2. Khái quát về việc áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư	21
Chương 2:	31
BIỆN PHÁP VÀ THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ	31
2.1. Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư	31
2.1.1. Đổi mới công tác lãnh đạo, quản lý dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam	31

2.1.2. Nâng cao nhận thức của GV, SV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	32
2.1.3. Đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực” trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	33
2.1.4. Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	50
2.1.5. Nâng cao tính tự giác, tinh thần tự học; coi trọng việc hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	82
2.1.6. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi theo định hướng bám sát chuẩn đầu ra của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	87
2.2. Thực nghiệm vận dụng biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư.....	91
2.2.1. Kế hoạch thực nghiệm	91
2.2.1.1. Mục đích thực nghiệm	91
2.2.1.2. Nội dung thực nghiệm	91
2.2.1.3. Đối tượng, địa điểm và thời gian thực nghiệm.....	92
2.2.2. Tiến hành thực nghiệm.....	92
2.2.2.1. Khảo sát trước thực nghiệm.....	92
2.2.2.2. Thực nghiệm lần 1	95
2.2.2.3. Thực nghiệm lần 2	97
2.2.2.4. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm	99
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	100
TÀI LIỆU THAM KHẢO	103
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN.....	113
PHỤ LỤC	114

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG ĐỀ TÀI

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CNTB	Chủ nghĩa tư bản
CNXH	Chủ nghĩa xã hội
ĐC ₁	Đối chứng 1
ĐC ₂	Đối chứng 2
TN ₁	Thực nghiệm 1
TN ₂	Thực nghiệm 2
GV	Giảng viên
SV	Sinh viên
LLCT	Lý luận chính trị
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
LL&PPDHLLCT	Lý luận và phương pháp dạy học Lý luận chính trị

HỆ THỐNG BẢNG THỐNG KÊ VÀ SƠ ĐỒ TRONG ĐỀ TÀI

Bảng 1.1. Đánh giá thái độ của SV trường Đại học Hoa Lư với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	23
Bảng 1.2. Đánh giá nhận thức của SV trường Đại học Hoa Lư về vai trò của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	23
Bảng 1.3. Đánh giá của SV trường Đại học Hoa Lư về hạn chế trong quá trình học tập Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.....	24
Bảng 1.4. Đánh giá của SV về việc tiếp thu nội dung bài học qua phương pháp dạy học chủ yếu được GV sử dụng trong dạy học học phần tại trường Đại học Hoa Lư.....	25
Bảng 1.5. Mức độ sử dụng các hình thức tổ chức dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư	26
Bảng 1.6. Mức độ tiếp cận các phương tiện dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của SV trường Đại học Hoa Lư	27
Bảng 1.7. Đánh giá của SV về kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư	27
Bảng 1.8: Thống kê kết quả tổ chức dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư	28
Bảng 2.1: Bảng điểm tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam lớp D14, mã số lớp độc lập 202301040 7110503 và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110502.	93
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ so sánh điểm tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam lớp D14, mã số lớp độc lập 202301040 7110503 và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110502.....	93
Bảng 2.2: Bảng điểm tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1 lớp D14, mã số lớp độc lập 202301040 70110501 và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110506	94
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ so sánh tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1 lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110501 và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110506.....	95
Bảng 2.3. Thống kê đánh giá kết quả học tập của SV lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1	96
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ so sánh kết quả học tập của SV lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1	96
Bảng 2.4. Thống kê đánh giá kết quả học tập của SV lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2	98

Sơ đồ 2.4. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của SV lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2	99
---------------------------------------------------------------------------------------------------	----

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

- Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và Đào tạo luôn quan tâm đến chất lượng, hiệu quả dạy học LLCT.

Trong quá trình đổi mới đất nước Đảng Cộng sản Việt Nam đã sớm có nhiều Văn bản, Nghị quyết, Chỉ thị chỉ đạo về nâng cao hiệu quả giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Các Văn bản, Nghị quyết, Chỉ thị có nội dung phong phú, khác nhau, nhưng đều tập trung nhấn mạnh sự đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng cơ bản, hệ thống; liên thông, cập nhật và hiện đại; thực tiễn, thiết thực; phù hợp với từng đối tượng SV... Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 09/10/2014 của Bộ chính trị “Về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”, lại nhấn mạnh: “Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Gắn lý luận với thực tiễn, cập nhật kiến thức mới, khắc phục sự trùng lặp, khép kín, thiếu liên thông giữa các chương trình, các cấp học, bậc học. Tăng cường giáo dục, rèn luyện kỹ năng thực hành, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn” [20]. Chỉ thị số 23-CT/TW của Ban Bí thư ngày 9/02/2018 “Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới”, nêu rõ quan điểm: “Học tập, nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương châm cơ bản, hệ thống, thực tiễn và hiện đại”...; “Xây dựng Chương trình học tập theo hướng phân biệt rõ cấp học và đối tượng học; bảo đảm tính liên thông, phân cấp rõ ràng, hạn chế tối đa sự chồng chéo, trùng lặp trong hệ thống các cơ sở đào tạo LLCT để nâng cao hiệu quả việc học tập, đào tạo, bồi dưỡng và tránh lãng phí về thời gian, kinh phí. Đổi mới nội dung giáo trình theo hướng giảng dạy, truyền thụ đầy đủ những nội dung cơ bản, cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cập nhật những học thuyết đương đại, vận dụng sáng tạo, tăng cường liên hệ thực tiễn” [21]. Như vậy, đổi mới, nhất là đổi mới chương trình, giáo trình, phương pháp dạy học,... các môn LLCT đã được Đảng Cộng sản Việt Nam hết sức quan tâm chỉ đạo. Theo đó, chương trình, giáo trình phải được đổi mới theo hướng cơ bản, hệ thống; liên thông, cập nhật và hiện đại; sáng tạo, tránh chồng chéo, trùng lặp, giáo điều; thực tiễn, thiết thực; phù hợp với đối tượng SV... Những chỉ dẫn mang tính chỉ đạo, định hướng trên đây của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được quán triệt, tổ chức thực hiện tốt trong đổi mới Chương

trình, giáo trình các môn LLCT, trong đó có Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện theo Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn số 3056/BGDĐT-GDDH chỉ rõ: Về phương pháp dạy học, cần khuyến khích hướng dẫn SV đọc tài liệu trước, chỉ giảng những vấn đề cơ bản và sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại trong giảng dạy các môn LLCT; tăng cường xêmina và tham quan thực tế. Tổ chức hội thảo, rút kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy từng học môn LLCT và khuyến khích các GV thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu về đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập các bộ môn LLCT nhằm từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và học tập các Học phần học này theo chương trình, giáo trình mới. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng nêu rõ: “Nội dung chương trình giáo dục và đào tạo còn nặng lý thuyết, nhẹ thực hành” [6]; nhấn mạnh cần phải “Đổi mới căn bản nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục LLCT theo hướng khoa học, sáng tạo, hiện đại và gắn lý luận với thực tiễn” [7].

- Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam có vị trí quan trọng, là một trong các học phần LLCT cơ bản có trong tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ở các trường đại học, trong đó có trường Đại học Hoa Lư.

Hiện nay, theo Hướng dẫn số: 3056/BGDĐT-GDDH, ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Thực hiện Chương trình, Giáo trình các môn LLCT”; Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các môn LLCT đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên LLCT”, Theo Quyết định Số: 271/QĐ-ĐHHL, ngày 30/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư, về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư, Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong năm học phần LLCT cơ bản có trong tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ở Trường Đại học Hoa Lư. Học phần có mục tiêu trang bị cho SV những hiểu biết cơ bản, có hệ thống về quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cung cấp những kiến thức cơ bản, chuyên sâu, hệ thống, cập nhật về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng đề ra chủ trương và lãnh đạo quần chúng nhân dân tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng XHCN ở Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Đánh giá những thành tựu và hạn chế của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng từ năm 1930 đến nay; tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo việc vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Từ đó giúp SV đánh giá được sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết

định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trên cơ sở đó phát triển kỹ năng khái quát và tổng hợp cho học viên về những vấn đề lý luận và thực tiễn diễn ra trong quá khứ cũng như hiện tại. Từ quá trình giảng dạy lịch sử, đặc biệt là coi trọng phương pháp lịch sử cụ thể, phát triển cho SV kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng cần phải đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể mới đảm bảo được tính khách quan, toàn diện... Góp phần bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo để giải quyết thực tiễn của cuộc sống, học tập và công tác; giữ vững lập trường quan điểm, trung thành với đường lối của Đảng; hăng hái, nhiệt tình và có trách nhiệm trong tham gia chỉ đạo thực tiễn, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới hiện nay; Tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng đồng thời cũng thấu hiểu, chia sẻ với những khó khăn, thách thức của Đảng trong quá trình chỉ đạo cách mạng gắn với bối cảnh lịch sử cụ thể của từng thời kỳ; SV học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động; có niềm tin, lý tưởng phẩm chất, đạo đức cách mạng; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường, thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 25/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

Vì vậy, nghiên cứu về dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là hết sức cần thiết, nhằm tìm ra các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư. Từ những lý do trên, chúng tôi lựa chọn: "***Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư***" làm đề tài NCKH.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Theo Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 8/2/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo LLCT: “Đào tạo LLCT là quá trình truyền thụ, tiếp thu hệ thống tri thức LLCT; củng cố thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nâng cao nhận thức và bản lĩnh chính trị, củng cố niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; nâng cao tầm nhìn, tư duy, phương pháp, kỹ năng lãnh đạo, quản lý và vận dụng thực tiễn cho đội ngũ cán bộ. LLCT là bộ phận quan trọng trong kho tàng lý luận của nhân loại, là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn qua nhiều thế hệ; là hệ thống tri thức về lĩnh vực chính trị, phản ánh mối quan hệ của các giai cấp trong việc giành và giữ chính quyền; thể hiện thái độ và lợi ích giai cấp đối với quyền lực Nhà nước trong xã hội có giai cấp. Đào tạo, dạy học LLCT nhằm trang bị cơ bản, hệ thống, thực

tiền và hiện đại, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước và kỹ năng vận dụng thực tiễn” [22]. Như vậy, đào tạo, dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là bộ phận hợp thành quan trọng, hữu cơ của công tác đào tạo, dạy học LLCT. Nghiên cứu về công tác đào tạo, dạy học LLCT, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều công trình khoa học, mà tiêu biểu là:

a. Những nghiên cứu về công tác đào tạo, dạy học LLCT nói chung, trong đó có Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

* Các văn bản của Đảng, Nhà nước đã đề cập đến vấn đề nghiên cứu ở dạng đánh giá và định hướng tổng quát như:

Thông báo số 214 – TB/TW ngày 3/5/1999 của Thường vụ Bộ chính trị (khoa VIII) về Đề án nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, học tập các bộ môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường Đại học, Cao đẳng; Nghị quyết 494/QĐ-TT ngày 24/6/2002 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án Một số biện pháp nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giảng dạy, học tập các bộ môn Mác– Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường Đại học, Cao đẳng, môn chính trị trong các trường THCN và dạy nghề; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới; Đề án "Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học và cao đẳng"(năm 2007); Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 1 tháng 8 năm 2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá X) về Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới; Nghị quyết Số 37-NQ/TW, ngày 09/12/2014 “*về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030*” của Bộ chính trị; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “*Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 09/2/2018 của Ban bí thư TW Đảng “*Về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*”; Nghị quyết Số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 “*Về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*” của Bộ chính trị; Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 18.1.2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng*”....

* Sách đã xuất bản

- Vũ Ngọc Am (2003), *Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở của trong giai đoạn hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội: Cuốn sách trình bày công tác giáo dục chính trị tư tưởng với việc nâng

cao tính tự giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Quá trình đổi mới nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên nhằm chống "diễn biến hoà bình".

- Nguyễn Duy Bắc (Chủ biên) (2004), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về dạy và học môn Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường đại học, Nxb CTQG, HN: Cuốn sách đã tập hợp những bài viết của các nhà nghiên cứu lý luận chuyên sâu, tập trung phân tích chất lượng dạy và học các môn LLCT. Các nhà khoa học thống nhất cho rằng nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy các môn Mác – Lênin và chất lượng học tập các học phần này làm nên bức tranh tổng thể chất lượng đào tạo các môn LLCT cho SV nước ta hiện nay.

- Ngô Văn Thọ (Chủ biên), (2008), Phương pháp giảng dạy LLCT (Chương trình bồi dưỡng chuyên đề dành cho GV giảng dạy các chương trình LLCT tại Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện), Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội: Trong cuốn sách các tác giả đã khái quát chung về lý luận chính trị và giáo dục lý luận chính trị; một số vấn đề tâm lý và giáo dục học trong giảng dạy học lý luận chính trị, phẩm chất nghề nghiệp, nghệ thuật diễn giảng, kiểm tra, đánh giá trong dạy học lý luận chính trị.

- Vũ Ngọc Am (2009), Một số vấn đề về phương pháp giảng dạy LLCT, Nxb Thông tấn, Hà Nội: Cuốn sách được coi như cẩm nang nghiệp vụ của những người làm công tác giáo dục LLCT nói chung và những người trực tiếp làm công tác giảng dạy LLCT nói riêng. Nội dung chủ yếu của cuốn sách gồm có ba phần chính, đặc biệt, trong phần thứ hai (phần trọng tâm của cuốn sách này) có một nội dung rất mới, đó là Đề cương một số bài giảng dành cho GV tham khảo.

- Phạm Huy Kỳ (2010), Lý luận và phương pháp nghiên cứu, giáo dục LLCT, Nxb Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội: Nội dung cuốn sách trình bày một số vấn đề lý luận và phương pháp của công tác nghiên cứu, giáo dục LLCT và công tác nghiên cứu, biên soạn, giáo trình lịch sử đảng bộ địa phương. Riêng phần lý luận và phương pháp giáo dục LLCT, cuốn sách chủ yếu tập trung trình bày lý luận và phương pháp dạy học LLCT - nội dung hoạt động chủ yếu trong hệ thống giáo dục LLCT của Đảng ta hiện nay.

- Trần Thị Anh Đào (Chủ biên), (2010), Công tác giáo dục LLCT cho SV Việt Nam hiện nay, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội: Sách gồm 3 chương: Chương 1. Một số vấn đề chung về công tác giáo dục LLCT cho SV Việt Nam; Chương 2. Thực trạng công tác giáo dục LLCT cho SV Việt Nam hiện nay; Chương 3. Phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nâng cao chất lượng công tác giáo dục LLCT cho SV Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn các tác giả đã tìm ra những giải pháp khả thi để góp phần hữu hiệu vào việc nâng cao chất lượng giáo dục

LLCT cho SV, nhằm đáp ứng nhu cầu càng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa...

Ngoài ra còn một số cuốn sách cũng đề cập đến chủ đề nghiên cứu của đề tài như: Lê Xuân Nam, Lê Thanh Sinh, Nguyễn Thanh, Lương Minh Cừ, Hoàng Trung (2002), (đồng chủ biên), Một số ý kiến trao đổi về phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác - Lênin ở đại học và cao đẳng, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, TP HCM; Một số ý kiến trao đổi về phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin ở các trường Đại học, Cao đẳng (2002), Ban triết học trường đại học Kinh tế quốc dân (chủ biên), Nxb Thành phố Hồ Chí Minh; TS. Lương Gia Ban (2002), Góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và đổi mới nội dung, chương trình các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2002), Nxb Chính trị quốc gia, HN; TS. Hồng Vinh, PGS.TS Đào Duy Khoát (Chủ biên) (2006), Hồ Chí Minh với Công tác tư tưởng, Nxb Chính trị quốc gia, HN; TS. Nguyễn Đăng Quang, Dạy và học các môn tư tưởng Hồ Chí Minh theo phương pháp tích cực (2007), Nxb CTQG, HN; TS. Phạm Tất Thắng, (2010), Công tác tư tưởng lý luận trong thời kỳ đổi mới: Thực trạng và giải pháp, Nxb CTQG, Hà Nội; TS. Phạm Tất Thắng, (2010), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn của công tác tư tưởng, lý luận, Nxb CTQG, Hà Nội; TS.

* Các công trình khoa học

- Đề tài KX 10-09D do PGS.TS Tô Huy Rứa nghiên cứu: Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo GV LLCT các trường đại học cao đẳng, HN, 1994. Đề tài đã đánh giá khái quát năng lực đào tạo lý luận Mác – Lênin của một số trường đại học tại Hà Nội, Học viện chính trị hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Đồng thời nhóm tác giả cũng đề xuất một khung chương trình tổng thể để đào tạo GV các môn lý luận Mác – Lênin.

- Đề tài KX 10-09 do GS. Phạm Tất Dong làm chủ nhiệm (1996): Đổi mới quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học Mác – Lênin – Kiến nghị và giải pháp, HN. Đề tài làm rõ thực trạng đào tạo và giảng dạy của đội ngũ khoa học Mác – Lênin, đồng thời đề xuất những chế độ, chính sách để phát triển đội ngũ này.

- Đề tài KX 10-08 do GS.TS Nguyễn Hữu Vui làm chủ nhiệm (2002): Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin ở Việt Nam- Những vấn đề chung, HN. Đề tài đã đánh giá thực trạng sử dụng phương pháp trong giảng dạy các môn khoa học Mác – Lênin hiện nay và đề ra những giải pháp cơ bản để đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học này.

- Đề tài KX 10 - 09B của TS Nguyễn Việt Chiến, "Đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh". Đề tài đánh giá thực trạng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay và đề ra các giải pháp cơ bản để đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đề tài cấp Bộ mã B.09-27 do PGS.TS Trần Thị Anh Đào (Chủ nhiệm đề tài), (2009), Giáo dục LLCT cho SV Việt Nam hiện nay. Công trình nghiên cứu đã làm rõ được những khái niệm LLCT, phân tích được vai trò của giáo dục LLCT đối với SV; tác giả đã nắm vững tâm sinh lý của SV, kết hợp lý luận và thực tiễn khảo sát đưa ra phân tích có cơ sở, cần thiết và thuyết phục; nhìn thẳng vào bức tranh thực tế: mặt tốt - xấu của SV để có những đánh giá và đưa ra những giải pháp, định hướng nâng cao giáo dục LLCT cho SV đúng đắn và mang tính khả thi cao.

- Ban Tuyên giáo Trung ương (10-2007), Đề tài nghiên cứu khoa học: “Tình hình giảng dạy, học tập các môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học, cao đẳng và chủ trương, giải pháp cho thời gian tới”. Đề tài đã nghiên cứu một cách tổng quát về đội ngũ giảng dạy các môn khoa học này với tư cách là một trong những yếu tố quan trọng, trực tiếp tác động đến chất lượng quá trình dạy và học. Nhóm nghiên cứu cho rằng, bên cạnh hàng loạt các ưu điểm về gia tăng học hàm, học vị trong đội ngũ, thì hạn chế lớn nhất của số đông đội ngũ này là sức ì lớn, chậm đổi mới tư duy, ngại trau dồi kiến thức, ít chịu tìm tòi phương pháp giảng dạy phù hợp với những đối tượng khác nhau, chậm đổi mới phương pháp giảng dạy. Đặc biệt, tâm lý coi các học phần Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần phụ, nhất là trong các trường kỹ thuật cũng là một trong những nguyên nhân cản trở đổi mới phương pháp.

Các luận văn Thạc sĩ liên quan đến đề tài nghiên cứu: Luận văn Thạc sĩ Triết học của Hoàng Thị Hương (2005), Vấn đề giáo dục lý luận Mác – Lê nin cho SV các trường cao đẳng sư phạm ở các tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam hiện nay, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, HN; Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam của Lương Minh Truyền, (2005), Chất lượng giáo dục LLCT trong các trường đào tạo sĩ quan hậu cần, kỹ thuật quân đội nhân dân Việt Nam ở phía Bắc giai đoạn hiện nay, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, HN; Luận văn Thạc sĩ Chính trị học của Nguyễn Ngọc Khanh, (2006),

Nâng cao chất lượng đào tạo LLCT cho cán bộ trong hệ thống chính trị cơ sở tỉnh Thái Nguyên hiện nay, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, HN, Luân văn Thạc sĩ Chính trị học của Trần Công Dương, (2011), Xây dựng văn hóa chính trị cho của SV đại học Thái Nguyên trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, HN...

* Các bài báo khoa học

TS. Lê Bình (2004), “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục LLCT” LLCT, HN; TS. Trần Văn Phòng (2004), “Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình hình thành triết học Mác”, LLCT, HN; PGS.TS. Đào Duy Quát (2006), “Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giáo dục LLCT trong tình hình mới”, Tạp chí Tư tưởng - Văn hoá, HN; TS. Vũ Thị Hoa (2006), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT tại học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh”, Tạp chí giáo dục Lý luận, HN; GS.TS. Mạch Quang Thắng (2008), “Phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về LLCT theo quan điểm của Hồ Chí Minh, Tạp chí Tuyên giáo; TS. Nguyễn Tiến Hoàng, (2009) “Vài nét về thực trạng và giải pháp tiếp tục tiếp tục đổi mới công tác nghiên cứu LLCT”, Tạp chí Tuyên giáo; TS. Nguyễn Công Hưng, (2010), “Đề thực hiện tốt chương trình đổi mới giáo dục lý luận Mác – Lênin ở trường Đại học và cao đẳng, Tạp chí Tuyên giáo; TS. Đặng Thị Nhiệt Thu (2010), “Đổi mới phương pháp giảng dạy LLCT trong các trường đại học và cao đẳng”, Tạp chí Khoa học chính trị, HN; Vũ Ngọc Am, (2011), “Hiệu quả và tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác giáo dục LLCT”, Tạp chí Tuyên giáo...

b. Những nghiên cứu trực tiếp về công tác đào tạo, dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở các trường đại học nói chung và trường Đại học Hoa Lư nói riêng.

Có nhiều công trình nghiên cứu về dạy học Học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (Nay là Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam). Có thể kể đến các công trình sau:

Sách chuyên khảo “*Áp dụng PP bản đồ tư duy (mindmap) trong giảng dạy và học tập học phần Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*” của tác giả Trần Thị Thu Hoài (chủ biên) xuất bản năm 2016, đã chỉ ra những nội dung cụ thể có thể áp dụng PPDHTC như bản đồ tư duy vào DH môn Học phần *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Đây là đóng góp không nhỏ của tập thể tác giả nhằm tích cực hóa quá trình Học phần *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, tác giả khẳng định:

Thảo luận nhóm cũng cần được kết hợp với bản đồ tư duy theo các bước như: Lập sơ đồ tư duy; báo cáo thuyết minh về sơ đồ tư duy; Thảo luận, chỉnh sửa và hoàn thiện; kết luận nội dung bài học.

Luận án tiến sĩ “*Phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam theo định hướng phát triển năng lực cho SV các trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh*” (2019) của tác giả Mai Thu Trang nghiên cứu, khẳng định thảo luận nhóm trong dạy học môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều ưu thế trong việc hình thành và phát triển năng lực cho SV, SV có nhiều cơ hội để lĩnh hội tốt các tri thức, nắm bắt được con đường đi đến tri thức, đồng thời rèn luyện kỹ năng, tư duy cũng như thái độ, phong cách làm việc khoa học một cách tích cực và hiệu quả, biết vận dụng tốt các kiến thức đã học vào giải quyết nhiệm vụ thực tiễn; mang lại chất lượng và hiệu quả dạy học cao hơn; khi ra trường SV có đủ các năng lực cần thiết để làm nghề và ít bị bỡ ngỡ trước thực tiễn...

Luận văn thạc sĩ “*Phương pháp trực quan trong dạy học môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học An Giang*” (2015), của tác giả Lâm Minh, khẳng định: Thông đề cập đến việc sử dụng phương pháp thảo luận nhóm như một hình thức tổ chức dạy học chính trên lớp, bên cạnh đó các hoạt động tham quan, học tập thực tế cần được thực hiện một cách thường xuyên hơn trong học tập học phần *Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*. Giảng viên cần căn cứ vào chương trình học tập học phần để sắp xếp, bố trí buổi tham quan cho phù hợp với nội dung giảng dạy. Các địa điểm tham quan tiêu biểu như: Bảo tàng chứng tích chiến tranh, Bảo tàng lịch sử cách mạng Việt Nam....

Ngoài ra còn nhiều bài báo, tạp chí viết về dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, như: “*Sử dụng phương pháp dạy học theo dự án vào giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở chương trình đại học hiện nay*”, tác giả Lê Thị Lan, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Tạp chí Giáo dục và xã hội, (2/2022, tr.21-25), cho rằng: Để rèn luyện những kỹ năng trên, một trong những phương pháp tích cực được sử dụng đó là PPDH theo dự án. Phương pháp này không chỉ được thực hiện và phát huy vai trò, tác dụng của nó trong giảng dạy các môn khoa học kỹ thuật mà còn có ưu thế trong các môn khoa học xã hội. Đối với môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, phương pháp này không chỉ rèn luyện nhiều kỹ năng mà còn kích thích sự hứng thú học tập của SV khi với tư cách là chủ dự án, họ chủ động khai thác, tìm hiểu, sắp xếp và trình bày nội dung kiến thức để hoàn thành dự án một cách tốt nhất. Vì thế, GV giảng dạy môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có thể khai thác phương pháp trên và vận dụng nó vào giảng dạy sẽ đem lại hiệu quả và đạt được mục tiêu đào tạo giúp phát triển SV một cách toàn diện. “*Đổi mới*

phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng tiếp cận năng lực SV”, tác giả Phan Thị Xuân Yến, Phạm Văn Phương, Trường Đại học Sài Gòn, Tạp chí Giáo dục và xã hội, (2/2022, tr.43-46), khẳng định đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá có vai trò quan trọng trong phát triển năng lực SV môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam theo hướng tiếp. “*Biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở các trường đại học*”, (2020) TS. Nguyễn Minh Hải, Trường Đại học Tây Nguyên, ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền, Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa, khẳng định: Tìm ra các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy học học phần là việc làm quan trọng, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Bài viết bước đầu tập trung đề xuất một số biện pháp góp phần nâng cao chất lượng dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở các trường đại học.

Theo Hướng dẫn số: 3056/BGDĐT –GDĐH, ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Thực hiện Chương trình, Giáo trình các Học phần LLCT*”; Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các Học phần LLCT đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên LLCT*”, thì việc dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư từ năm học 2019-2020 đã thực hiện theo chương trình, giáo trình mới. Từ đó đến nay, ở trường Đại học Hoa Lư, có các công trình tiêu biểu: Hướng dẫn ôn tập những nội dung trong Giáo trình môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Sách tham khảo, (Tác giả Đoàn Sỹ Tuấn - Đồng chủ biên), Nhà xuất bản Đại học Huế; ĐKXB: 3323-2022/ CXBIPH /1-56/ ĐHH; QĐXB số: 435/QĐ/ĐHH-NXB, 6/9/2022; Mã số ISBN: 978-604-337-769-9; “*Vấn đề tự học và hướng dẫn tự học cho SV trong dạy học môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư*” (2017), của tác giả Vũ Tuệ Minh, Đoàn Sỹ Tuấn, tạp chí Giáo dục và Xã hội (1/2017), tr. 225-229.; “*Một số biện pháp nâng cao tính thực tiễn trong dạy học môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư ở trường Đại học Hoa Lư*”, của tác giả Vũ Tuệ Minh, Dạy và Học ngày nay, (10/2018); Nâng cao chất lượng dạy học bài: “*Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ở Trường Đại học Hoa Lư*, của tác giả Đoàn Sỹ Tuấn, Tạp chí Giáo dục và xã hội. Mã số ISSN: 1859-3917, (10/2017) tr. 265-270...

Qua tổng quan cho thấy, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học về các môn LLCT, trong đó có Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều đó cho thấy mối quan tâm của các nhà nghiên cứu đối với chất lượng, hiệu quả dạy học các môn LLCT, trong đó có Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Cũng

đã có nhiều công trình trực tiếp nghiên cứu ở những góc độ khác nhau về dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, đến nay, việc nghiên cứu về dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam với tư cách là một đề tài khoa học theo chương trình, giáo trình mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì ở Trường Đại học Hoa Lư chưa có đề tài nghiên cứu khoa học nào.

3. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

Làm sáng tỏ một số vấn đề về dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và đề xuất biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học học phần ở Trường Đại học Hoa Lư. Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, đề tài có nhiệm vụ:

- Nghiên cứu, hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về biện pháp góp phần nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư.

- Vận dụng và thực nghiệm đánh giá hiệu quả các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu của đề tài

Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

4.2. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư (Theo chương trình mới, quy định trong Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các môn LLCT đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên LLCT*”).

5. Cách tiếp cận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu của đề tài

5.1. Cách tiếp cận

Nghiên cứu lý thuyết - thử nghiệm - ứng dụng

5.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Để thực hiện được nhiệm vụ nghiên cứu đã đề ra, đề tài còn sử dụng tổng hợp nhóm các phương pháp nghiên cứu sau:

+ Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận: Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa, nghiên cứu lý luận tổng kết thực tiễn nhằm thu thập các thông tin để xây dựng cơ sở lý luận của đề tài.

+ Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Phương pháp điều tra, phương pháp thực nghiệm.

6. Nội dung nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, đề tài gồm hai chương, cụ thể:

Chương 1:

Cơ sở lý luận và thực tiễn của biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư

Chương 2:

Biện pháp và thực nghiệm biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư

II. PHẦN NỘI DUNG

Chương 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

1.1. Vấn đề lý luận cơ bản về biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản: *Biện pháp, Biện pháp dạy học; Hiệu quả; Hiệu quả dạy học; Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học; Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*

1.1.1.1 Khái niệm biện pháp

Phương pháp và biện pháp có mối quan hệ gắn bó, biện chứng, hữu cơ với nhau. Giữa phương pháp và biện pháp có một số tiêu chí phân biệt chủ yếu như sau:

- Phương pháp là khái niệm dùng để chỉ những đường lối, cách thức mang tính hệ thống để giải quyết vấn đề. Biện pháp chính là cách thức mà chúng ta sử dụng để tác động lên đối tượng nhằm trực tiếp xử lý vấn đề.

- Phương pháp có bản chất khoa học và khách quan cao hơn biện pháp, còn biện pháp có tính kinh nghiệm và chủ quan hơn phương pháp. Bản chất và chân dung của mọi phương pháp đều khá ổn định dù ở nhiều chủ thể sử dụng khác nhau, trong những trường hợp áp dụng khác nhau, khi dựa vào những phương tiện và nguồn lực khác nhau để tiến hành. Dù ai dùng, ở lớp mấy, SV là những ai, với những nguồn lực gì, tại bài học hay đề tài nào, vào thời điểm nào, thì phương pháp thảo luận vẫn là nó, đúng như chân dung của nó đã được mô tả khoa học trong lý luận dạy học. Song biện pháp thì mỗi người một khác, mỗi lúc và mỗi nơi một khác.

- Phương pháp là cái chung, biện pháp là cái riêng. Phương pháp là sản phẩm của tư duy và nhận thức khoa học, có tính khái quát cao, có tiện, cấu trúc nội dung, tổ chức, quan hệ, các điều kiện vật lý và tâm lý trên lớp, thành phần SV, phong cách học tập của lớp, đặc biệt kể cả phong cách và tâm trạng của chính GV.

Quan niệm về biện pháp có nhiều ý kiến khác nhau. Trong cuốn Từ điển Tiếng Việt xuất bản năm 1997 các tác giả khẳng định: "Biện pháp là cách làm, cách giải quyết một vấn đề cụ thể". Theo Giáo sư Phan Trọng Ngọ: "Trong ba

thuật ngữ (giải pháp, phương pháp, biện pháp). Thuật ngữ biện pháp có nội hàm hẹp nhất, chỉ bao hàm cơ cấu kỹ thuật của phương pháp, mặt khác, có tính độc lập tương đối so với các yếu tố khác của phương pháp. Biện pháp là cách thức và quy trình triển khai thực hiện phương pháp trong thực tiễn, nó có vai trò quyết định đối với sự tồn tại trong hiện thực và hiệu quả của phương pháp". Trong cuốn "Phát huy tính tích cực học tập của SV như thế nào", tác giả I.FKhaRLaMôp cho rằng: Đặc trưng của dạy học nêu vấn đề là tạo tình huống có vấn đề và giải quyết vấn đề. Để giải quyết nhiệm vụ nhận thức phải áp dụng hệ thống thao tác logic nhất định, gọi là biện pháp. Rõ ràng trong quan niệm của tác giả biện pháp là cách thức, thao tác logic để giải quyết vấn đề cụ thể trong phương pháp.

Qua một số quan điểm trên đây, ta thấy các quan điểm đều có chung những nhận định về đặc trưng của biện pháp: Một là, biện pháp có nội hàm hẹp hơn phương pháp; Hai là, biện pháp là cách tiến hành, cách giải quyết một vấn đề cụ thể nào đó. Trên cơ sở đó chúng tôi cho rằng: Biện pháp là cách thức, kỹ thuật, thủ thuật hành động của con người trong các tình huống hoạt động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển một quá trình cụ thể.

1.1.1.2. Khái niệm biện pháp dạy học

Trong bất kỳ hoạt động nào của con người cũng gắn với phương pháp nhất định. Do đó, gắn với nó là một hệ thống các biện pháp. Trong lĩnh vực dạy học gắn với hệ thống phương pháp dạy học là hệ thống các biện pháp dạy học. Như vậy, biện pháp dạy học là hệ thống các cách thức tác động cụ thể của GV và SV vào đối tượng dạy học (nội dung dạy học), qua đó thực hiện được nhiệm vụ dạy học. Nói cách khác, biện pháp dạy học là cách thức sử dụng hay áp dụng riêng biệt hoặc phối hợp các yếu tố khác nhau trong dạy học như phương pháp, phương tiện, công cụ, tài liệu, tình huống, môi trường, thời gian, công nghệ, hành chính, quản lý, quan hệ giáo dục, các nhân tố tâm lý, xã hội của quá trình học tập và SV để tiến hành dạy học, giải quyết các nhiệm vụ dạy học. Xung quanh vấn đề biện pháp dạy học có mấy điểm cần lưu ý:

Thứ nhất, biện pháp dạy học là hệ thống cách thức tác động thực tiễn của GV và SV lên đối tượng dạy học. Vì vậy, biện pháp là sự hiện thực hoá sức mạnh của phương pháp, là cơ cấu kỹ thuật của phương pháp để thực hiện mục đích dạy

học. Không có biện pháp thì phương pháp trở nên trống rỗng, có biện pháp tốt, hiệu quả của phương pháp sẽ cao và ngược lại.

Thứ hai, có hệ thống biện pháp của người dạy và biện pháp của SV. Các biện pháp của người dạy và SV bị quy định bởi mục đích dạy học, nội dung dạy học, vị thế người dạy và SV trong môi quan hệ giữa người dạy và SV.

Thứ ba, cơ chế triển khai và trình độ các biện pháp quy định trình độ phương pháp dạy học và hiệu quả dạy học.

Thứ tư, hệ thống biện pháp dạy học là cấu trúc đa diện, nhiều tầng kết hợp với nhau thành một hệ thống hữu cơ. Trong đó, các biện pháp cụ thể kết hợp với nhau theo logic tuyến tính, tạo nên quy trình chặt chẽ. Vì vậy, trong thực tiễn dạy học phải xác định đầy đủ bình diện các biện pháp, đồng thời, phải thiết lập được quy trình thực hiện các biện pháp đó.

Có thể phân loại các biện pháp tùy theo cái lõi chủ yếu của chúng là gì. Theo cấp độ của biện pháp, chúng có những loại sau: 1/ Các biện pháp ngoại biên (vòng ngoài) dựa vào những nguyên tắc hay phương pháp tổ chức hành chính, quản lý, tài chính, xã hội, kinh tế, công nghệ, văn hóa nhằm bảo đảm hiệu quả tích cực hoá của quá trình dạy học, kể cả tính tích cực của GV trong dạy học; 2/ Các biện pháp nghiệp vụ, giới hạn trong quá trình dạy học, hay còn gọi là những biện pháp didactics. Đó là những biện pháp chung và cụ thể; 3/ Các biện pháp chuyên biệt, cũng nằm trong quá trình dạy học song chúng tương ứng với những nhiệm vụ và điều kiện chuyên biệt. Biện pháp mà chúng tôi hướng đến nghiên cứu trong phạm vi đề tài này không được xem xét dưới góc độ là các biện pháp ngoại biên, mà chủ yếu là các biện pháp được xem xét dưới góc độ nghiệp vụ, giới hạn trong quá trình dạy học và biện pháp chuyên biệt nằm trong quá trình dạy học song chúng tương ứng với những nhiệm vụ và điều kiện chuyên biệt.

1.1.1.3. Khái niệm hiệu quả và hiệu quả dạy học

Hiệu quả (tiếng Anh: Efficiency) được xác định bởi tỉ số giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả đó. Hiểu một cách chung nhất, hiệu quả là phạm trù kinh tế - xã hội, là một chỉ tiêu phản ánh trình độ của con người sử dụng các yếu tố cần thiết tham gia trong các hoạt động để đạt được kết quả với mục đích của mình. Đây là một khái niệm rộng, bao gồm tất cả lĩnh vực đời sống

xã hội (từ sản xuất, kinh doanh đến y tế, giáo dục, quốc phòng...), nó không chỉ đề cập đến hiệu quả kinh tế mà còn có hiệu quả xã hội. Khái niệm về hiệu quả có thể được hiểu và phân loại dưới phạm vi và góc độ khác nhau. Trên cơ sở đó, có thể hiểu hiệu quả dạy học là tỉ số giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả trong dạy học.

Hiệu quả dạy học là kết quả dạy học, nhưng được xem xét căn cứ vào mối quan hệ chung giữa sự đầu tư về mọi mặt và ảnh hưởng, tác dụng thực tế của dạy học. Hiệu quả dạy học bao gồm hiệu quả trong và hiệu quả ngoài. Hiệu quả trong là hiệu quả được đánh giá trong phạm vi dạy học. Hiệu quả ngoài được đánh giá từ phía xã hội đối với dạy học, nhà trường và cá nhân SV. Hiệu quả trong của dạy học được xem xét, đánh giá ở những cấp độ khác nhau: cá nhân SV, một nhà trường và toàn ngành dạy học. Xét ở cấp độ cá nhân SV, hiệu quả trong biểu hiện ở kết quả học tập và sự biến đổi nhân cách ở họ. Xét ở cấp độ một nhà trường hay toàn ngành giáo dục, hiệu quả trong biểu hiện trước hết ở hiệu suất đào tạo.

1.1.1.4. Khái niệm biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam mà chúng tôi hướng đến nghiên cứu trong phạm vi đề tài này là hiệu quả trong, là kết quả dạy học học phần, nhưng được xem xét căn cứ vào mối quan hệ chung giữa sự đầu tư về mọi mặt và ảnh hưởng, tác dụng thực tế của dạy học học phần.

Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là hiệu quả trong, là các biện pháp được xem xét dưới góc độ nghiệp vụ và chuyên biệt nằm trong quá trình dạy học; là hệ thống các cách thức tác động cụ thể của GV và SV vào đối tượng dạy học (nội dung dạy học), qua đó thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ dạy học; là kết quả dạy học học phần, nhưng được xem xét căn cứ vào mối quan hệ chung giữa sự đầu tư về mọi mặt và ảnh hưởng, tác dụng thực tế của dạy học học phần.

1.1.2. Khái quát về Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư

Về chương trình, giáo trình, quy chế đào tạo, phương thức đào tạo thực hiện trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần Lịch sử

Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư được dạy học theo Hướng dẫn số: 3056/BGDĐT –GDĐH, ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Thực hiện Chương trình, Giáo trình các môn LLCT”; Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các môn LLCT đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị”; Theo “Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư” (Ban hành kèm theo Quyết định số 435/QĐ-ĐHHL, ngày 30/8/2021, của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của nhà trường được thực hiện theo phương thức đào tạo, dạy học tín chỉ.

Về đề cương chi tiết Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bám sát các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và nhà trường về chương trình, giáo trình, quy chế đào tạo, đề cương chi tiết học phần, nhà trường đã chỉ đạo xây dựng đề cương chi tiết Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Nội dung của học phần: Trang bị cho SV sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp SV nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu của học phần: Một là, cung cấp những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng đề ra chủ trương và lãnh đạo quần chúng nhân dân tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, cách mạng XHCN ở Việt Nam từ năm 1930 đến nay; Đánh giá những thành tựu và hạn chế của cách mạng Việt Nam trong tiến trình cách mạng từ năm 1930 đến nay; tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo việc vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt

Nam. Hai là, thông qua nghiên cứu quá trình lịch sử và các sự kiện lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam, phát triển kỹ năng khái quát và tổng hợp cho học viên về những vấn đề lý luận và thực tiễn diễn ra trong quá khứ cũng như hiện tại; Từ quá trình giảng dạy lịch sử, đặc biệt là coi trọng phương pháp lịch sử cụ thể, phát triển cho SV kỹ năng phân tích, đánh giá các sự kiện, hiện tượng cần phải đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể mới đảm bảo được tính khách quan, toàn diện...; Góp phần bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo để giải quyết thực tiễn của cuộc sống, học tập và công tác. Ba là, giữ vững lập trường quan điểm, trung thành với đường lối của Đảng; hăng hái, nhiệt tình và có trách nhiệm trong tham gia chỉ đạo thực tiễn, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới hiện nay; Tự hào về truyền thống vẻ vang của Đảng đồng thời cũng thấu hiểu, chia sẻ với những khó khăn, thách thức của Đảng trong quá trình chỉ đạo cách mạng gắn với bối cảnh lịch sử cụ thể của từng thời kỳ; SV học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động; có niềm tin, lý tưởng phẩm chất, đạo đức cách mạng; tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Chuẩn đầu ra học phần: Nhớ các kiến thức cơ bản, cốt lõi của từng chương trong học phần; Xác định phương pháp, cách thức tiếp cận hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi của của từng chương trong học phần; Vận dụng những phương pháp, cách thức tiếp cận đó để nghiên cứu hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi của từng chương trong học phần; Phân tích những sáng tạo trong lý luận của Đảng ở từng chương của học phần; Đánh giá được ý nghĩa, giá trị cơ bản của chủ trương đường lối của Đảng trong từng chương của học phần; Có năng lực tự học, tự nghiên cứu, làm việc nhóm để nhận thức được đường lối chủ trương của Đảng trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; và liên hệ bản thân, biết lập kế hoạch hành động phù hợp, hiệu quả, thiết thực cho bản thân theo nội dung từng chương trong học phần; Làm việc theo nhóm tích cực và có hiệu quả, hình thành và phát triển một số kỹ năng: thuyết trình, tư duy, phản biện...

Về thời điểm, thời lượng thực hiện trong dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại

học Hoa Lư là một trong năm học phần LLCT cơ bản; được quy định có thời lượng: 02 tín chỉ.

1.2. Thực tiễn dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư

1.2.1. Khái quát về quá trình tổ chức dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư

Theo quy định của Thủ tướng chính phủ tại Quyết định số 494/QĐ-TTg, mỗi trường học và cao đẳng phải có khoa học bộ môn Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề có tổ bộ môn Chính trị, do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền trực tiếp chỉ đạo. Do đó, Tổ bộ môn chung (2003- 2005), Bộ môn khoa học Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2005 - 2007), Bộ môn LLCT (2007 - 2022) chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám Hiệu Trường CĐSP Ninh Bình, nay là Trường Đại học Hoa Lư. Theo Quyết định số 10/2014/QĐ-UBND, ngày 04/4/2014 tỉnh Ninh Bình ban hành quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, lao động tỉnh Ninh Bình, Bộ môn LLCT chịu trách nhiệm quản lý công tác dạy học các môn LLCT. Cán bộ làm nhiệm vụ quản lý dạy học học phần, GV dạy học học phần còn làm công tác kiêm nhiệm, trẻ về tuổi đời và tuổi nghề, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp còn hạn chế, bất cập. Do đó, cũng dẫn đến hạn chế, bất cập, khó khăn trong công tác lãnh đạo, quản lý, dạy học học phần.

Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động toàn Đảng và toàn dân tộc. Đảng, Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo rất quan tâm đến công tác dạy học chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng trong các nhà trường. Việc tuyên truyền, phổ biến sâu rộng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng trong các nhà trường, đặc biệt là thế hệ trẻ, trong đó có SV các trường đại học, cao đẳng được Đảng ta hết sức quan tâm, chú trọng. Trước năm 2003-2004, môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư, khi đó là Trường CĐSP Ninh Bình, được thực hiện theo Chương trình môn

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam dùng trong các trường đại học và cao đẳng ban hành theo Quyết định số 2054/QĐ-CT-HS ngày 31/8/1991 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm học 2003-2004, đến trước năm học 2007-2008, môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được giảng dạy tại trường Đại học Hoa Lư, khi đó là Trường CĐSP Ninh Bình, Chương trình môn Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam, được thực hiện theo Quyết định Số: 47/2003/QĐ-BGDĐT, ngày 22/10/2003, của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình môn: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trình độ cao đẳng. Theo Quyết định Số: 407/QĐ-TTg ngày 09/4/2007, của Thủ tướng Chính phủ, trường Đại học Hoa Lư được thành lập trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Bình. Ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT, quy định chương trình các môn LLCT. Từ năm học 2008-2009, đến trước năm học 2018-2019, Chương trình môn Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Khi đó gọi là môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam), được thực hiện theo Quyết định số: 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từ năm học 2019-2020, đến nay, môn Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam, được thực hiện theo Chương trình môn Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành theo Quyết định số: 4890/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Như vậy, từ năm 2000 đến nay, môn Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam được giảng dạy ở Trường Đại học Hoa Lư 24 năm (Trong đó, 7 năm ở Trường CĐSP Ninh Bình - khi chưa nâng cấp; 17 năm ở Trường Đại học Hoa Lư - khi trường nâng cấp), với nhiều lần thay đổi về chương trình, giáo trình học phần.

Đội ngũ cán bộ, GV dạy học học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước được kiện toàn, bổ sung, phát triển. Khi mới đưa học phần vào giảng dạy, nhà trường từ năm 2000 - đến 2008, chỉ có 01 GV chuyên ngành Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 2008 - đến nay, nhà trường tuyển dụng thêm 02 GV chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến nay 2/2 chiếm 100% GV chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có trình độ thạc sĩ. Ngoài ra, Nhà trường cũng tăng cường tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng những GV có chuyên ngành, chuyên môn gần, có thể tham gia đảm nhiệm dạy học học phần như

LL&PPDHLLCT. Hiện nay, có một đội ngũ GV dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tương đối đủ về số lượng, đảm bảo về năng lực, chất lượng dạy học học phần. Nhưng cũng phải thẳng thắn thừa nhận, là trường đại học địa phương, cách xa các trung tâm đào tạo lớn về GV dạy học học phần, nên việc học tập để nâng cao trình độ của GV gặp không ít khó khăn, GV ít có điều kiện tiếp cận được những vấn đề mới cả trên lĩnh vực chuyên môn tri thức và phương pháp dạy học bộ môn.

Trường Đại học Hoa Lư là trường đại học địa phương, tuyển sinh trong cả nước, nhưng cơ bản SV vào học là con em trong tỉnh với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội còn nhiều khó khăn. Trong mấy năm gần đây, chất lượng đầu vào có nhiều cải thiện đáng kể, song cũng còn nhiều SV có học lực trung bình, trung bình khá, phong trào thi đua trong nghiên cứu, học tập của SV còn nhiều hạn chế. Nhà trường đào tạo SV thuộc nhiều chuyên ngành, khối ngành khác nhau: khối ngành sư phạm (Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT), khối ngành kinh tế (Kế toán, quản trị kinh doanh...), khối ngành khoa học xã hội và nhân văn (Việt Nam học; Du lịch...). Công tác quản lý SV trong quá trình học tập học phần dưới góc độ quản lý chuyên môn ở nhà trường bên cạnh ưu điểm, tính cực là chủ yếu, có mặt chưa sâu sát, hiệu quả...

Như vậy, nghiên cứu về công tác lãnh đạo, quản lý bộ môn; về chương trình, mục tiêu, nội dung; đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, giáo trình; đội ngũ cán bộ, GV và SV học tập học phần, ta thấy, công tác dạy học học phần ở nhà trường vừa có những điểm chung với các trường, vừa mang tính đặc thù. Những điểm chung, đặc thù đó, ảnh hưởng, chi phối không nhỏ đến hiệu quả dạy học học phần. Nghiên cứu tính tích cực học tập của SV, đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả trong dạy học học phần ở nhà trường không thể không tính đến.

1.2.2. Khái quát về việc áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư

Trong những năm qua, trường Đại học Hoa Lư đã tiến hành nhiều biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm học 2014-2015, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trường Đại học Hoa Lư đã chỉ đạo thực hiện chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín

chỉ đối với tất cả các chương trình đào tạo, các học phần trong đó có học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, đến nay, trải qua các lần kiểm định chương trình đào tạo, Nhà trường luôn chỉ đạo cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung, phát triển các chương trình đào tạo, đề cương chi tiết các học phần, trong đó có Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Chẳng hạn, Nhà trường đã ban hành Nghị quyết 203/NQ-ĐU, 18/01/2022, của Đảng uỷ trường Đại học Hoa Lư về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của Trường Đại học Hoa Lư giai đoạn 2021-2026; Kế hoạch 164/KH-ĐHHL, 14/12/2021 của Hiệu Trưởng trường Đại học Hoa Lư, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo năm 2022; Thông báo Số 737/TB-ĐHHL, 19/12/2022 của Hiệu Trưởng trường Đại học Hoa Lư, về việc rà soát Bộ quy trình quản lý hoạt động xây dựng, chỉnh sửa, cập nhật chương trình, CDR các ngành đào tạo và hoạt động tuyển sinh; Kế hoạch 194/KH-ĐHHL, 16/08/2024 của Hiệu Trưởng trường Đại học Hoa Lư, về Rà soát, cập nhật, điều chỉnh và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư... Bộ môn LLCT đã triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học như: Đề xuất với Nhà trường cho cán bộ, GV tham gia các buổi tập huấn do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hằng năm, đề xuất cử GV đi học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; phân công chuyên môn hợp lý, bố trí GV đúng chuyên môn hoặc GV có chuyên môn gần tham gia dạy học học phần; thường xuyên tổ chức trao đổi, thảo luận, thống nhất chuyên môn; triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn, phương pháp dạy học, học phần; tiến hành đổi mới hình thức, phương pháp, kiểm tra, đánh giá, tăng cường ứng dụng CNTT trong dạy học học phần....

Để đánh giá về việc sử dụng và hiệu quả sử dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư, nhóm tác giả tiến hành khảo sát thu được số liệu như sau:

a. Thực trạng nhận thức của SV trường Đại học Hoa Lư về Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Khi khảo sát về thái độ của SV của trường Đại học Hoa Lư về Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tác giả nhận được kết quả như trong bảng 1.1.

Bảng 1.1. Đánh giá thái độ của SV trường Đại học Hoa Lư với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

TT	Mức độ	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Rất thích	20	11.4
2	Thích	33	18.9
3	Bình thường	75	42.9
4	Không thích	47	26.9

Theo bảng 1.1, với câu hỏi “Anh/chị cho biết mức độ yêu thích của anh/chị đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam?” có tới 26.9% SV lựa chọn ở mức “không thích”, 42.9% SV lựa chọn ở mức “bình thường”. Trong khi đó, số SV lựa chọn ở mức “rất thích” và “thích” có tổng là 30.3%. Điều này cho thấy rất nhiều SV còn thờ ơ, chưa thấy hứng thú với học phần này.

Khi khảo sát nhận thức của SV về vai trò của học phần với câu hỏi: “Anh/chị cho biết vai trò của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhận thức và hành động của bản thân?”, kết quả thu được thể hiện trong bảng 1.2.

Bảng 1.2. Đánh giá nhận thức của SV trường Đại học Hoa Lư về vai trò của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

TT	Nội dung	Số phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Rèn luyện tư duy chính trị, lập trường, tư tưởng, lý tưởng cách mạng	25	14.3
2	Nắm được chủ trương, đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ	37	21.1
3	Góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, yêu nước, bản lĩnh cách mạng của Đảng và dân tộc	28	16.0
4	Tất cả các ý trên	85	48.6

Bảng 1.2 cho thấy, có SV 48.6% đã nhận thức đúng, toàn diện về vai trò của học phần, ý thức được mục tiêu học phần. Tuy nhiên, vẫn còn hơn nửa số SV (51.4%) được hỏi chưa nhận thức đúng, toàn diện về vai trò của học phần, đều ý thức được mục tiêu mà học phần mang đến. Cụ thể còn 14.3% SV được hỏi cho rằng học phần này chỉ trang bị cho SV rèn luyện tư duy chính trị, lập trường, tư

tưởng, lý tưởng cách mạng, 21.1% cho rằng học phần này chỉ giúp SV nắm được chủ trương, đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ, 16.0% nhận thức học phần chỉ góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, yêu nước, bản lĩnh cách mạng của Đảng và dân tộc.

Điều tra về hạn chế gặp phải của SV khi học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tác giả đặt câu hỏi: “Anh/chị cho biết những khó khăn gặp phải khi học tập Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam?”, kết quả được thể hiện trong bảng 1.3.

Bảng 1.3. Đánh giá của SV trường Đại học Hoa Lư về hạn chế trong quá trình học tập Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

TT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Chương trình, giáo trình còn dài, dàn trải	75	42.9
2	Nội dung học phần nhàm chán, khó ghi nhớ	67	38.3
3	Hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy thiếu phù hợp, hấp dẫn	79	45.1
4	Chưa phát huy được tính tự giác, tinh thần tự học của SV	65	37.1
5	Cách thức kiểm tra, đánh giá chưa phù hợp	37	21.1
6	Ý kiến khác	0	0

Theo Bảng 1.3, chương trình, giáo trình; nội dung học phần; hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy; tính tự giác, tinh thần tự học của SV đang là vấn đề chủ yếu khiến cho SV khó tiếp cận và hứng thú với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong đó, có 38.3% số lượt SV được hỏi đánh giá về nội dung của học phần này là nhàm chán, khó ghi nhớ; có 42.9% số lượt SV được hỏi đánh giá về chương trình, giáo trình còn dài, dàn trải; đặc biệt có 45.1% số lượt SV được hỏi cho rằng hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy thiếu phù hợp, hấp dẫn; có 37.1% số lượt SV được hỏi đánh giá quá trình dạy học học phần chưa phát huy được tính tự giác, tinh thần tự học của SV. Về cách thức kiểm tra, đánh giá có 21.1% số lượt SV được hỏi cho rằng chưa phù hợp.

b. Thực trạng tổ chức dạy và học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư

* Về việc tiếp thu nội dung bài học qua phương pháp giảng dạy chủ yếu trong quá trình dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của SV

Trong việc tổ chức dạy học bất kỳ học phần nào, phương pháp giảng dạy được sử dụng là yếu tố quan trọng giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả cho hoạt động dạy học. Đổi mới phương pháp giảng dạy luôn là một trong những nhiệm vụ thường xuyên được các GV thực hiện nhằm phát huy được tính tích cực nhận thức của SV. Đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, việc sử dụng một cách linh hoạt các phương pháp giảng dạy tạo ra sự lôi cuốn, sống động cho học phần. Thực tế khảo sát đánh giá của SV về việc tiếp thu nội dung bài học qua phương pháp giảng dạy chủ yếu được GV sử dụng trong dạy học học phần tại trường Đại học Hoa Lư được thể hiện trong bảng 1.4.

Bảng 1.4. Đánh giá của SV về việc tiếp thu nội dung bài học qua phương pháp giảng dạy chủ yếu được GV sử dụng trong dạy học Học phần tại trường Đại học Hoa Lư

TT	Phương pháp sử dụng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Thuyết trình	117	66.86%
2	Vấn đáp	26	14.86%
3	Giải quyết vấn đề	17	9.71%
4	Thảo luận nhóm	15	8.57%
5	Đóng vai	0	0%
6	Trò chơi	0	0%
7	Dự án	0	0%
8	Khác:.....	0	0%

Như vậy, các phương pháp được SV tiếp cận nhiều khi giảng dạy học phần Lịch sử Đảng cho SV trường Đại học Hoa Lư chủ yếu vẫn là các phương pháp truyền thống, các phương pháp khác thường ít hoặc không được sử dụng. Các buổi học trên lớp chủ yếu sử dụng phương pháp thuyết trình, có sử dụng đan xen với các phương pháp khác như vấn đáp, giải quyết vấn đề, thảo luận nhóm. Bên cạnh đó, các phương pháp mới, hiện đại như đóng vai, trò chơi, dự án... hầu như không được sử dụng, trong khi Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần hoàn toàn có thể ứng dụng các phương pháp đó trong dạy và học.

** Về sử dụng các hình thức tổ chức dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*

Trường Đại học Hoa Lư hiện nay đang tổ chức đào tạo Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam theo phương thức đào tạo tín chỉ. Khi được hỏi về các hình thức tổ chức dạy học, hầu hết SV đều cho thấy hình thức tổ chức dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư hiện nay là bài lớp và tự học. Cụ thể việc sử dụng các hình thức tổ chức dạy và học học phần này được thể hiện trong bảng 1.5.

Bảng 1.5. Mức độ sử dụng các hình thức tổ chức dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư

TT	Hình thức tổ chức dạy và học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bài lớp	137	78.3%
2	Tự học	23	13.1%
3	Tham quan	0	0%
4	Giao lưu	0	0%
5	Hoạt động ngoại khóa	0	0%
6	Hỗ trợ, giúp đỡ riêng	15	8.6%
7	Khác:.....	0	0

Theo bảng 1.5, ngoài hai hình thức tổ chức dạy học truyền thống là bài lớp và tự học được sử dụng chủ yếu (với 91.4% SV được hỏi đã sử dụng và đã tiếp cận) thì còn có hình thức “Hỗ trợ, giúp đỡ riêng” (với 8.6% SV được hỏi đã sử dụng và đã tiếp cận). Tuy nhiên, hình thức này mới chỉ được áp dụng trong quá trình thảo luận đối với mỗi nhóm SV và chưa mang tính chất cá biệt, thường xuyên cao. Các hình thức tổ chức dạy học khác như tham quan, giao lưu, hoạt động ngoại khóa... hầu như chưa được sử dụng. Đây là một hạn chế của vấn đề tổ chức dạy học học phần này.

** Về sử dụng các phương tiện dạy học trong giảng dạy Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*

Các phương tiện dạy học được sử dụng để dạy và học trong Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam bao gồm: Phấn, bảng, giáo trình, máy tính, máy chiếu... Thực trạng về sử dụng các phương tiện dạy và học trong học phần này được thể hiện trong bảng 1.6.

Bảng 1.6. Mức độ tiếp cận các phương tiện dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của SV trường Đại học Hoa Lư

T	Các phương tiện giảng dạy	Số phiếu	Mức độ
1	Phấn, bảng, giáo trình	175	100.0%
2	Máy tính, máy chiếu, và các tài liệu tham khảo khác	85	48.6%
4	Video phục vụ cho nghiên cứu bài giảng, phần giảng do GV cung cấp	0	0%
5	Các địa chỉ mạng chính thống do GV cung cấp để SV khai thác học liệu, tài liệu trong quá trình học tập	0	0%
6	Khác:.....	0	0%

Theo bảng 1.6, các thiết bị chủ yếu được SV tiếp cận trong quá trình học tập Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư là phấn, bảng, giáo trình (100% lượt SV đều được tiếp cận và sử dụng các thiết bị hỗ trợ này); 48.6% lượt SV xác định quá trình giảng dạy có sử dụng máy tính, máy chiếu, và các tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó, bảng thống kê cho thấy video phục vụ cho nghiên cứu bài giảng, phần giảng do GV cung cấp; các địa chỉ mạng chính thống do GV cung cấp để SV khai thác học liệu, tài liệu trong quá trình học tập làm cho học phần trở nên lôi cuốn, sinh động hơn, đồng thời tạo điều kiện cho SV có thể sáng tạo, áp dụng kỹ năng công nghệ thông tin trong quá trình học tập chưa được thực hiện, quan tâm, coi trọng.

** Về đánh giá của SV về kiểm tra, đánh giá học tập trong Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*

Kiểm tra, đánh giá là yếu tố phản ánh chất lượng của quá trình dạy và học. Vì vậy, quá trình này cần được thực hiện một cách khách quan, trung thực. Thực trạng của công tác này được đánh giá trong bảng 7 như sau:

Bảng 1.7. Đánh giá của SV về kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư

TT	Nội dung	Số lượng	Mức độ
1	Bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá về nội dung kiến thức của SV	85	48.6%

2	Bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá cả về nội dung kiến thức và kỹ năng vận dụng của SV	57	32.6%
3	Bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá về nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV	33	18.9%
4	Phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá	170/175	97.1%
5	Khác:.....	0	0

Theo số liệu Bảng 1.7, cho thấy việc phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá đã được GV phụ trách giảng dạy học phần Lịch sử Đảng quan tâm. Tuy nhiên, việc đánh giá vẫn chưa toàn diện, nghiêng về phía đánh giá về nội dung kiến thức của SV. Điều đó được thể hiện: Có 48.6% lượt SV được hỏi, cho rằng bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá về nội dung kiến thức của SV; 32.6% lượt SV được hỏi, cho rằng bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá về nội dung kiến thức và kỹ năng vận dụng của SV; 18.9% lượt SV được hỏi, cho rằng bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá về kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV.

c. Thực trạng kết quả tổ chức dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư

THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM												
Năm học	Mã trường	Môn học	Số sinh viên đạt loại kết quả học tập đánh giá theo quy chế đào tạo 43, 57				Số sinh viên đạt loại kết quả học tập đánh giá theo quy chế đào tạo 08					Ghi chú
			Giỏi	Khá	TB	TB Yếu	Xuất sắc	Giỏi	Khá	TB	Yếu	
2014-2015	DNB	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	2.58	32.83	43.56	21.46						
2015-2016	DNB	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	13.02	11.16	50.70	25.12						
2016-2017	DNB	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	7.87	28.84	41.57	21.72						
2017-2018	DNB	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	17.09	25.64	45.73	11.54						
2018-2019	DNB	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	15.08	22.11	42.21	20.60						
2019-2020	DNB	Lịch sử ĐCS Việt Nam										
2021-2022	DNB	Lịch sử ĐCS Việt Nam					1.22	3.66	6.71	31.71	56.71	
2022-2023	DNB	Lịch sử ĐCS Việt Nam					7.69	22.53	23.63	30.22	15.93	

Bảng 1.8: Thống kê kết quả tổ chức dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư

Dựa vào bảng 1.8 cho thấy: Số lượng SV học môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Trước năm học 2019-2020 là môn Đường lối cách mạng của Đảng

Cộng sản Việt Nam), có kết quả xếp loại học phần trung bình, loại yếu là khá cao (chiếm tới 65.5%). Trong đó, trung bình hằng năm loại trung bình là 40.8%, loại yếu là 24.7%. Tỷ lệ SV xếp loại học phần loại xuất sắc, loại giỏi khá khiêm tốn. Trung bình hằng năm loại giỏi có 11.8%, xếp loại xuất sắc có 4.5%. Điều đó cho thấy, chất lượng, hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn nhiều hạn chế, bất cập.

Tóm lại, trong những năm qua, việc dạy học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam (hiện nay gọi là Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam) ở trường Đại học Hoa Lư, về cơ bản đã đảm bảo được nội dung, chương trình, phù hợp với yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, đóng góp một phần đáng kể vào mục tiêu chung của chương trình đào tạo. Đội ngũ GV đã bám sát nội dung chương trình, đào sâu nghiên cứu, thường xuyên tìm tòi, đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp với yêu cầu mới của xã hội, gắn lý luận với thực tiễn. Việc học tập học phần bước đầu có những chuyển biến tích cực; SV đã chủ động tiếp thu bài giảng, tích cực tương tác với GV, xây dựng và củng cố niềm tin vững chắc cho SV vào Đảng, Nhà nước. Tiến hành nhiều cuộc hội thảo, trao đổi về chuyên môn, đổi mới phương pháp dạy học. Chất lượng đội ngũ GV đã được cải thiện, GV đã chủ động đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực “lấy SV làm trung tâm”. Hình thức kiểm tra, đánh giá đã có những thay đổi rõ rệt, khắc phục những tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy ngày một tốt hơn... Tuy nhiên công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập học phần ở trường Đại học Hoa Lư vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế, chưa thực sự đáp ứng tốt những yêu cầu mới của thực tiễn. Chương trình học phần chưa thực sự tinh gọn, tạo sự kết nối giữa GV và SV, giữa nội dung trong sách với cuộc sống, giữa lý luận và thực tiễn. Giáo trình, lượng kiến thức của học phần chưa được tinh gọn, còn dàn trải, trong khi thời lượng dạy học học phần quá hạn hẹp (02 TC). Về phía GV, còn thiếu so với nhu cầu, nhiều GV phải đảm nhận một khối lượng giờ khá lớn, thời gian đầu tư cho chuyên môn, nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Nội dung dạy học đôi khi còn thiên về lý luận, chưa đảm bảo tính hệ thống, cơ bản, hiện đại, thiết thực của nội dung tri thức. Giảng viên chưa thực sự đầu tư nhiều cho nghiên cứu chuyên

môn, sử dụng phương pháp dạy học tích cực, linh hoạt và đa dạng, phương tiện dạy học hiện đại phù hợp với học phần; chưa tạo ra, hoặc có tạo ra nhưng cũng không duy trì lâu dài những điều kiện để lôi cuốn, thu hút SV vào sự say mê, nhiệt tình học tập. Về phía SV, bên cạnh những SV tích cực học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt thì vẫn còn một số SV chưa thấy được tầm quan trọng, vị trí và vai trò của học phần đối với đời sống nên có biểu hiện thái độ chưa thực sự đúng đắn đối với học phần, cho rằng đây là học phần phụ, nên miễn cưỡng, bắt buộc, gò ép, thờ ơ, ỷ lại, thụ động. Nhiều SV thiếu tích cực, chủ động trong học tập, chưa tích cực tự học, tự nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo. Điều này dẫn đến chất lượng học tập của SV thấp, không nắm vững nội dung học phần, không đáp ứng các yêu cầu, điều kiện chuẩn đầu ra và mục tiêu của học phần.

Chương 2:

BIỆN PHÁP VÀ THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

2.1. Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư

Khi đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư phải dựa trên các nguyên tắc đảm bảo mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, đặc thù tri thức học phần, tính hệ thống, tương tác...

2.1.1. Đối mới công tác lãnh đạo, quản lý Học phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Lãnh đạo là quá trình ảnh hưởng, truyền cảm hứng, động lực, tạo ra và ủng hộ sự đổi mới, hướng dẫn các thành viên trong tổ chức hoặc nhóm để đạt được các mục tiêu chung nhằm hiện thực hoá tầm nhìn phát triển. Quản lý là quá trình lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và kiểm soát các nguồn lực (nhân lực, tài chính, vật chất) để đạt được các mục tiêu cụ thể của tổ chức. Lãnh đạo, quản lý chuyên học phần phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam là toàn bộ quá trình ảnh hưởng, truyền cảm hứng, động lực, tạo ra và ủng hộ sự đổi mới; lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và kiểm soát các nguồn lực hướng dẫn các thành viên trong nhóm chuyên môn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ giáo dục, dạy học, nghiên cứu khoa học của nhóm chuyên môn. Đối mới công tác lãnh đạo, quản lý chuyên học phần phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư cần tập trung vào các vấn đề cơ bản như sau:

- Nâng cao trình độ, năng lực của người làm công tác lãnh đạo, quản lý chuyên môn Học phần phần Lịch Sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Người làm công tác lãnh đạo, quản lý chuyên môn học phần phải có hiểu biết chuyên sâu về chuyên môn và phương pháp dạy học học phần; nắm được những thuận lợi và khó khăn cơ bản của GV, SV trong quá trình tổ chức dạy học học phần; biết nghiên cứu để cùng với GV, SV phát huy thuận lợi, khắc phục được những khó khăn cơ bản trong quá trình tổ chức dạy học.

- Phát huy vai trò của người lãnh đạo, quản lý gây ảnh hưởng, truyền cảm hứng, động lực, tạo ra và ủng hộ, dẫn dắt sự đổi mới, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển của nhóm chuyên môn phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch, hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ phát triển của nhóm chuyên môn.

- Kiên trì, kiên quyết tạo ra sự đồng thuận, thống nhất trong nhận thức và hành động của nhóm chuyên môn trong triển khai các hoạt động chuyên môn, triển khai các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học học phần.

- Đẩy mạnh việc hội thảo, trao đổi, thảo luận thống nhất chuyên môn, đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp dạy học gắn với từng chương/bài theo hướng thiết thực, hiệu quả với các hình thức, bước đi phù hợp.

- Tăng cường ứng dụng sự hỗ trợ của công nghệ thông tin trong lãnh đạo, quản lý chuyên học phần phân; coi trọng công tác tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, kiểm tra, giám sát trong quản lý chuyên môn học phần và tổ chức thực hiện áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học học phần ở trường Đại học Hoa Lư.

2.1.2. Nâng cao nhận thức của GV, SV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Nhìn chung, cán bộ, GV, SV Trường Đại học Hoa Lư đã có nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò của các học phần lý luận chính trị nói chung, Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng trong chương trình đào tạo. Song, ở một bộ phận SV, GV vẫn còn có biểu hiện xem nhẹ các học phần này. Do đó, phải nhanh chóng khắc phục tình trạng này, có giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao nhận thức của GV, SV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của học phần này. Để nâng cao nhận thức của GV, SV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của học phần này, cần triển khai theo hướng:

- Tiếp tục quán triệt và tổ chức triển khai hiệu quả: Chỉ thị Số: 20-CT/TW, Số: 20-CT/TW của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Hướng dẫn số: 3056/BGDĐT-GDDH, ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Thực hiện Chương trình, Giáo trình các môn LLCT*”; Quyết định

số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “*Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các môn LLCT đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị*”; Quy chế Đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Lư (Ban hành kèm theo Quyết định số 435/QĐ-ĐHHL ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)

- Làm rõ vai trò Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam; xác định được những đóng góp nổi bật của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình lịch sử cách mạng Việt Nam và thế giới.

- Làm rõ tầm quan trọng của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong kết cấu các học phần LLCT, trong các chương trình đào tạo của Nhà trường.

- Làm rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chức năng, nội dung cơ bản của học phần và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, chức năng, nội dung cơ bản của học phần.

- Tạo ra sự gắn kết giữa tri thức học phần với thực tiễn sinh động, phong phú trong xã hội, lao động gắn với sản xuất, lý luận với rèn luyện, thực tiễn, thực hành để làm rõ những giá trị thiết thực, hữu ích của học phần đối với SV.

2.1.3. Đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực” trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đang được sử dụng trong dạy học ở các trường đại học được viết với số trang lớn, lên tới 435 trang. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có khối lượng kiến thức lớn bao gồm các trục kiến thức cơ bản là: Tri thức phong phú về lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam; Hệ thống các Cương lĩnh, chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, hiện thực hoá cương lĩnh, chủ trương, đường lối cách mạng; những kết quả, bài học kinh nghiệm của Đảng trải qua nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn, kéo dài từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đến nay. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật công nghệ và các phương tiện báo chí, truyền thông tạo điều kiện cho SV có thể tiếp cận thuận lợi khối lượng tri thức Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phong phú, đa dạng; nhà trường, thầy/cô giáo, quá trình học tập trên lớp không còn là nơi duy nhất đem đến tri thức

về học phần cho SV. Mặt khác, sự thay đổi thường xuyên, nhanh chóng của thực tiễn sống động làm cho "tuổi thọ" tri thức trở nên rút ngắn, nhiều kiến thức trong giáo trình trở thành tri thức của "ngày hôm qua", mà chưa được cập nhật, bổ sung kịp thời. Vì vậy, trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam phải đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực”. Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “dạy chính trị thì mệnh mông mà không thiết thực, học rồi không dùng được”; “Huấn luyện lý luận cho những cán bộ cao cấp, đến nay hoặc chưa làm, hoặc làm không đúng, lý luận và thực tế không ăn khớp với nhau, dạy theo cách học thuộc lòng”[12; tr.309], “trong lúc học lý luận, phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị, có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. Thế là “lý luận thiết thực, có ích”[13; tr.331-332]. Lý luận không phải tự nghĩ ra chủ quan từ đầu óc tư biện mà là lý luận có sức nặng của thực tiễn, sinh khí của nó trong thực tiễn, bắt nguồn từ thực tiễn. Hồ Chí Minh khẳng định: kinh nghiệm (lý luận) và thực tế phải đi cùng nhau. Học tập trong nhà trường, trong sách vở chưa đủ, phải học trong cuộc sống, lăn lộn với công việc thực tế và phải không ngừng học hỏi trong quần chúng, học ở người khác.

2.1.3.1. Đảm bảo kiến thức “cơ bản” trong dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam bằng thực hiện biện pháp tinh giản nội dung dạy học

Đảm bảo kiến thức “cơ bản” trong dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần thực hiện biện pháp tinh giản nội dung dạy học. Tinh giản nội dung dạy học là “làm đơn giản hoá về khối lượng và mức độ khó của một nội dung dạy học để phù hợp với khả năng nhận thức của SV”. Tinh giản nội dung dạy học có hai loại, tinh giản nội dung dạy học theo chiều rộng làm đơn giản hoá về khối lượng nội dung dạy học để phù hợp với khả năng nhận thức của SV và tinh giản nội dung theo chiều sâu làm đơn giản hoá mức độ khó của nội dung dạy học để phù hợp với khả năng nhận thức của SV. Giá trị tích cực của biện pháp tinh giản nội dung dạy học là: Kiến thức được tinh giản, cô đọng. SV tiếp thu bài học một cách tích cực, chủ động, sáng tạo, vừa nắm được các thao tác tư duy, các cách thức tinh giản nội dung học tập, vừa nắm được nội dung học tập một cách rõ ràng, dễ hiểu. Để đảm bảo tính cơ bản, sâu sắc, thiết thực nội dung dạy học GV phải biết và

hướng dẫn cho SV cách khái quát, phân loại, chọn lọc kiến thức điển hình, hữu ích từ giáo trình. Quy trình thực hiện: Bước 1: Xác định cấu trúc tri thức của nội dung dạy học; Bước 2: Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm, tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học; Bước 3: Xác định những tri thức thứ yếu có thể “lướt qua” và những tri thức đóng vai trò trung tâm cần được “nhấn mạnh” để đảm bảo nội dung cơ bản.

VD1: Vận dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học Mục 1: Bối cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, Phần I "Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930), trong Chương 1. [1, tr. 36-58]

Bước 1: Xác định cấu trúc tri thức của nội dung dạy học: Ngoài những nội dung cơ bản như: Bối cảnh quốc tế (CNTB chuyển từ CNTB tự do cạnh tranh, sang CNTB độc quyền, đế quốc; Cách mạng tháng 10 Nga 1917; Quốc tế cộng sản ra đời 3/1919) và dân tộc (Việt Nam trở thành thuộc địa nửa, phong kiến; cơ cấu kinh tế biến đổi, làm cho kết cấu giai cấp thay đổi; các phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp nhưng đều thất bại), trong giáo trình còn trình bày rất nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể khác.

Bước 2: Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm, tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học

Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm. Bối cảnh quốc tế (CNTB chuyển từ CNTB tự do cạnh tranh, sang CNTB độc quyền, đế quốc; Cách mạng tháng 10 Nga 1917; Quốc tế cộng sản ra đời 3/1919) và dân tộc (Việt Nam trở thành thuộc địa nửa, phong kiến; cơ cấu kinh tế biến đổi, làm cho kết cấu giai cấp thay đổi; các phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp nhưng đều thất bại) và những tác động của các bối cảnh quốc tế và dân tộc đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Xác định tri thức đóng vai trò thứ yếu: Nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử liên quan đến bối cảnh quốc tế và dân tộc.

Bước 3: Trong giảng dạy trên lớp GV “lướt qua” những tri thức thứ yếu và “nhấn mạnh” những tri thức đóng vai trò trung tâm, tạo dựng tính hệ thống, đi sâu vào những tri thức cơ bản, hiện đại, thiết thực:

Lướt qua những tri thức thứ yếu có thể “lướt qua”: Nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử được trình bày trong giáo trình.

Tập trung nghiên cứu những tri thức đóng vai trò trung tâm:

* Bối cảnh lịch sử

a. *Bối cảnh thế giới*

- Nắm rõ bản chất cơ bản của 3 vấn đề: CNTB chuyển từ CNTB tự do cạnh tranh, sang CNTB độc quyền, đế quốc; Cách mạng tháng 10 Nga 1917; Quốc tế cộng sản ra đời (3/1919)

- Dẫn dắt, chỉ dẫn tác động của 3 vấn đề: CNTB chuyển từ CNTB tự do cạnh tranh, sang CNTB độc quyền, đế quốc; Cách mạng tháng 10 Nga 1917; Quốc tế cộng sản ra đời (3/1919) đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

b. *Bối cảnh dân tộc*

- Nắm rõ bản chất cơ bản của 3 vấn đề: Việt Nam trở thành thuộc địa nửa, phong kiến; cơ cấu kinh tế biến đổi, làm cho kết cấu giai cấp thay đổi; các phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp nhưng đều thất bại

- Dẫn dắt, chỉ dẫn tác động của 3 vấn đề: Việt Nam "mất nước" - trở thành thuộc địa nửa, phong kiến; cơ cấu kinh tế biến đổi, làm cho kết cấu giai cấp thay đổi; các phong trào yêu nước diễn ra mạnh mẽ, sôi nổi, rộng khắp nhưng đều thất bại.. đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bằng cách đó, dưới sự dẫn dắt, giảng giải của GV, SV sẽ nắm những điều kiện lịch sử khách quan cơ bản của ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ đó, tránh cho SV đi vào những chi tiết lịch sử cụ thể, mà quên đi điều kiện lịch sử thế giới và dân tộc cơ bản tác động đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Mặt khác, qua đó, sẽ hình thành tư duy logic cho SV, giúp SV thấy rõ được những tác động của các điều kiện lịch sử thế giới và dân tộc cơ bản đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

VD2: Vận dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học nội dung: Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược 1946 đến năm 1954, trong Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) [1, tr. 128-180]

Bước 1: Xác định cấu trúc tri thức của nội dung dạy học: Ngoài những nội

dung cơ bản như: "Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950, Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ 1951 đến 1954", trong giáo trình còn trình bày rất nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể khác.

Bước 2: Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm, tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học

* Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm:

- Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1946 - 1954): Nội dung cơ bản của đường lối kháng chiến được tập trung trong các văn bản: Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc; Chỉ thị tình hình và chủ trương; Chỉ thị hòa để tiến; Chỉ thị toàn dân kháng chiến; Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Trường Chinh và sau này là *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam* được Đại hội thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và chính sách của Đảng tháng 2/1951.

- Những thành quả, thắng lợi cơ bản của việc thực hiện đường lối đó: Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947; Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950; Chiến dịch Đông-Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954...

* Xác định tri thức đóng vai trò thứ yếu: Nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử liên quan đến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ được trình bày trong giáo trình.

Bước 3: Trong giảng dạy trên lớp GV “lướt qua” những tri thức thứ yếu và “nhấn mạnh” những tri thức đóng vai trò trung tâm, tạo dựng tính hệ thống, đi sâu vào những tri thức cơ bản, hiện đại, thiết thực:

* Lướt qua những tri thức thứ yếu có thể “lướt qua”: Nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử liên quan đến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ được trình bày trong giáo trình.

* Tập trung nghiên cứu những tri thức đóng vai trò trung tâm:

- Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1946 - 1954):

a. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1951): Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc; Chỉ thị tình hình và chủ trương; Chỉ thị hòa để tiến; Chỉ thị toàn dân kháng chiến; Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của đồng chí Trường Chinh:

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta là chính nghĩa, chống lại cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của thực dân Pháp. Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn. Đây là hình thức tiếp tục sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, vì nền tự do dân chủ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới. Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam dựa trên sức mạnh toàn dân, tiến hành kháng chiến toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, cụ thể:

+ *Kháng chiến toàn dân* là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân, phải xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đoàn kết toàn dân tộc tích cực tham gia cuộc kháng chiến. Trong đó Quân đội nhân dân và các lực lượng vũ trang là lực lượng làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

+ *Kháng chiến toàn diện* là cuộc chiến tranh về tổng thể, toàn diện giữa các bên tham chiến. Vì vậy, cuộc kháng chiến của ta được Đảng và Hồ Chí Minh xác định phải đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định.

+ *Kháng chiến lâu dài* là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng trong bối cảnh so sánh lực lượng ban đầu giữa ta và địch quá chênh lệch. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta. Thời gian được xác định là lực lượng vật chất để chuyển hóa nhỏ thành lớn, yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không phải là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước tiến nhảy vọt, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

+ *Kháng chiến dựa vào sức mình là chính*, là sự kế thừa tư tưởng chiến lược “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta nổ ra trong điều kiện quốc tế bất lợi, phe đế quốc chủ nghĩa hung hăng hiếu chiến; Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, phải dựa vào nguồn nội lực của

dân tộc. Đồng thời, trong kháng chiến không để bị bao vây, cô lập mà cần thiết phải tìm được các nguồn lực ủng hộ của quốc tế, trước hết là các nước các nước láng giềng, phe xã hội chủ nghĩa, các lực lượng tiến bộ và phát huy cao độ ngoại lực khi có điều kiện. Trong đó tự lực, độc lập về đường lối kháng chiến là yếu tố quan trọng hàng đầu; phát huy tinh thần bất khuất, lòng yêu nước thiết tha, ý thức dân tộc tự cường, tự quyết, tự chủ của nhân dân Việt Nam là nhân tố quyết định.

b. Đẩy mạnh kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1951 - 1954): *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam* được Đại hội thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và chính sách của Đảng tháng 2/1951: Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản được phản ánh trong *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam* được Đại hội thông qua. Cương lĩnh chính trị mới của Đảng nêu rõ:

+ *Về tính chất của cách mạng Việt Nam*: “Xã hội Việt Nam hiện nay gồm có ba tính chất: dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến”[8; tr.433]. “nhưng mâu thuẫn chủ yếu lúc này là mâu thuẫn giữa tính chất dân chủ nhân dân và tính chất thuộc địa”, "Do đó cách mạng Việt Nam có hai đối tượng. Đối tượng chính hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược... Đối tượng phụ hiện nay là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động”.

+ *Xác định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng Việt Nam là*: đánh đuổi bọn đế quốc, giành độc lập, thống nhất cho dân tộc; xóa bỏ di tích phong kiến, nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân. Ba nhiệm vụ đó khăng khít với nhau. Nhiệm vụ chính là hoàn thành giải phóng dân tộc.

+ *Xác định lực lượng của cách mạng Việt Nam*: gồm các giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc... với nền tảng là công, nông và lao động trí thức. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng.

+ *Xác định các giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam*: Cách mạng Việt Nam là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là một quá trình lâu dài trải qua ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất hoàn thành giải phóng dân tộc; giai đoạn hai là xóa bỏ những tàn tích phong kiến, giai đoạn thứ ba là xây dựng cơ sở vật chất tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn ấy mật thiết liên hệ xen lẫn nhau. Nhưng mỗi giai đoạn có nhiệm vụ trung tâm.

- Những thành quả, thắng lợi cơ bản của việc thực hiện đường lối đó: Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947; Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950; Chiến dịch Đông-Xuân 1953-1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954...

+ Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947: Sau 75 ngày đêm chiến đấu, quân và dân ta đã bẻ gãy tất cả các mũi tiến công của giặc Pháp, cơ quan đầu não và căn cứ địa được giữ vững; bộ đội chủ lực nhanh chóng trưởng thành; lực lượng kháng chiến được tôi luyện. Chiến thắng Việt Bắc Thu Đông 1947 đã đánh bại mưu đồ đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, mở ra giai đoạn mới của cuộc kháng chiến chống Pháp.

+ Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950 diễn ra gần 30 ngày đêm liên tục, từ ngày 16/9 đến 17/10/1950, trải dài dọc theo tuyến biên giới Việt-Trung từ thị xã Cao Bằng đến Đình Lập (giáp Móng Cái). Đây là chiến dịch quân sự lớn đầu tiên do ta chủ động mở, là chiến dịch hết sức quan trọng, đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Cuộc chiến đấu của quân và dân ta diễn ra vô cùng anh dũng và quyết liệt, quân ta đã giành thắng lợi to lớn, “đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây”. Chiến thắng Biên giới mở ra cục diện mới tạo điều kiện thuận lợi phát triển lực lượng ta về mọi mặt, cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn mới. Và đối với Pháp đây là “một thất bại to lớn nhất mà Pháp vấp phải ở thuộc địa”, kế hoạch Rove bị phá vỡ, làm lung lay ý chí xâm lược của thực dân Pháp.

+ Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954: Đầu năm 1954, mặt trận Điện Biên Phủ được Pháp-Mỹ xây dựng thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, pháo đài khổng lồ không thể công phá. Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị và chỉ thị của Hồ Chủ tịch, Quân đội ta đã tập trung khoảng 5 vạn quân với mọi nỗ lực và quyết tâm cao nhất bao vây chặt quân địch ở Điện Biên Phủ. Để bảo đảm chắc thắng, Đại tướng Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã quyết đoán, kịp thời chuyển hướng phương châm tác chiến từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”, “đánh chắc thắng”. Kết quả: sau 55 ngày đêm chiến đấu Chiến dịch Điện Biên Phủ đã toàn thắng về ta, một chiến thắng "lùng lẫy năm châu chấn động địa cầu". Chiến dịch đánh dấu sự thất bại thảm hại của chủ nghĩa thực dân Pháp, của quân đội Pháp và hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế

quốc, thực dân trong thế kỷ XX. Thắng lợi ở Điện Biên Phủ “là cột mốc lịch sử bằng vàng” trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân”.

VD3: Vận dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học Phần I "Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986), trong Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay) [1, tr. 238-260]

Bước 1: Xác định cấu trúc tri thức của nội dung dạy học: Ngoài những nội dung cơ bản như: Đảng lãnh đạo hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH (1975-1986); Đảng lãnh đạo cả nước bảo vệ Tổ quốc (1975-1986); Đảng lãnh đạo các bước đột phá đổi mới kinh tế (1975-1986), trong giáo trình còn trình bày cụ thể nhiều vấn đề, nhiều chi tiết cụ thể. Chẳng hạn, liên quan đến Đại hội IV (tháng 12/1976), Đại hội V (tháng 3/1982), trong giáo trình trình bày nhiều vấn đề, chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử gắn với 2 Đại hội trên.

Bước 2: Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm, tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học

Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm. Nghiên cứu khái quát về Phần I "Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)" được trình bày trong giáo trình, ta thấy phần này để nhận thức được nội dung bài học, SV cần tập trung nghiên cứu, xác định, làm rõ 02 vấn đề: - Đường lối lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986), được tập trung thể hiện trong các Văn kiện đại hội, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương cơ bản nào?; Mốc thời gian và nội dung cơ bản của các Văn kiện đại hội, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương...đó; - Trên cơ sở trên đây, tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ các nội dung và vấn đề căn bản sau: Đảng lãnh đạo hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước; Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH (1975-1986); Đảng lãnh đạo cả nước bảo vệ Tổ quốc (1975-1986); Đảng lãnh đạo các bước đột phá đổi mới kinh tế (1975-1986).

Xác định tri thức đóng vai trò thứ yếu: Nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử.

Bước 3: Trong giảng dạy trên lớp GV “lướt qua” những tri thức thứ yếu và “nhấn mạnh” những tri thức đóng vai trò trung tâm, tạo dựng tính hệ thống, đi sâu vào những tri thức cơ bản, hiện đại, thiết thực:

* Lướt qua những tri thức thứ yếu có thể “lướt qua”: Nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử được trình bày trong giáo trình.

* Tập trung nghiên cứu những tri thức đóng vai trò trung tâm:

Thứ nhất, đường lối lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986), được tập trung thể hiện trong các Văn kiện đại hội, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương cơ bản nào?; Mốc thời gian và nội dung cơ bản của các Văn kiện đại hội, Nghị quyết Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương...đó.

- Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa III (tháng 8/1975) chủ trương hoàn thành thống nhất nước nhà; Chỉ thị số 228-CT/TW ngày 3/01/1976 của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng khóa III nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử...

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976) phản ánh đường lối chung của cách mạng XHCN và đường lối xây dựng nền kinh tế XHCN trong giai đoạn mới của nước ta; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) khẳng định nước ta ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH; phải cụ thể hóa đường lối chung của cách mạng XHCN và đường lối xây dựng nền kinh tế XHCN, vạch ra chiến lược kinh tế, xã hội cho chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa XHCN...

- Hội nghị Trung ương 6, khóa IV (tháng 8/1979) được là bước đột phá đầu tiên đổi mới kinh tế của Đảng, Chỉ thị số 100-CT/TW (tháng 01/1981) của Ban Bí thư; Hội nghị Trung ương 6 (tháng 7/1984); 7 (tháng 12/1984); 8 (tháng 6/1985), khóa V là bước đột phá thứ hai trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng; Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (tháng 8/1986) là bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế của Đảng...

Thứ hai, trên cơ sở trên đây, tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ các nội dung và vấn đề căn bản sau: Đảng lãnh đạo hoàn thành thống nhất đất nước về

mặt nhà nước; Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH (1975-1986); Đảng lãnh đạo cả nước bảo vệ Tổ quốc (1975-1986); Đảng lãnh đạo các bước đột phá đổi mới kinh tế (1975-1986).

Sử dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học trên đây sẽ đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực” trong dạy học, làm cho SV dễ tiếp cận, tiếp cận hiệu quả nội dung bài học, với một tinh thần nhẹ nhàng, thoải mái, tích cực, phấn khởi.

2.1.3.2. Đảm bảo tính “hệ thống” của kiến thức trong dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Tính “hệ thống” của kiến thức trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được tập thể hiện trên các phương diện cơ bản, chủ đạo đó là: Mối quan hệ hệ thống, logic về mặt chất liệu nội dung của đối tượng nghiên cứu học phần (Sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, các sự kiện lịch sử Đảng, *Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn và quá trình chỉ đạo, tổ chức* thực tiễn trong tiến trình cách mạng, hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử); kết trúc logic trình bày văn bản khoa học trong giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; và quá trình tổ chức triển khai nội dung bài giảng học phần của GV trong quá trình dạy học trên lớp.... Tính “hệ thống” của kiến thức trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam qua các phương diện trên được thể hiện xuyên suốt trong từng bài, giữa các bài của học phần và toàn bộ học phần.

VD1: Đảm bảo tính “hệ thống” của kiến thức trụ cột, cơ bản, cốt lõi nhất trong toàn bộ Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [1, tr. 35-435].

Bước 1: Giới thiệu khái quát về nội dung giáo trình: Ngoài Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, gồm 03 chương cơ bản: Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay)

Bước 2: Từ nội dung giáo trình được khái quát trên đây, GV dẫn dắt SV, để SV nắm bắt những nội dung, chủ đề chính, cốt lõi cần tập trung đi sâu nghiên cứu theo một trật tự, trình tự, logic nhất định.

- Bối cảnh lịch sử khách quan và vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự đời Đảng Cộng sản Việt Nam; quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945);

- Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975);

- Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay).

Bước 3: Từ những nội dung, chủ đề chính, cốt lõi cần tập trung đi sâu nghiên cứu theo một trật tự, trình tự, logic nhất định trên đây, GV thiết lập sơ đồ hoá, biểu thị quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bằng cách đó, SV sẽ nắm được các mốc thời gian và các đường lối lãnh đạo cơ bản, những thắng lợi to lớn, căn bản của Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Từ đó, sẽ hình thành tính “hệ thống” của kiến thức trong toàn bộ Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho SV.

VD2: Đảm bảo tính “hệ thống” của kiến thức theo “chiều dọc” trong từng chương của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để đảm bảo tính “hệ thống” của kiến thức trong từng chương của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, GV phải có cái nhìn, nắm bắt được linh hồn, bản chất, cốt lõi của toàn bộ từng chương của học phần. Chẳng hạn, đảm bảo tính “hệ thống” của kiến thức trong chương 1 của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) [1, tr. 35-125].

Bước 1: Chương này, trong giáo trình trình bày tới 90 trang từ (trang 35-125), vì vậy, để đảm bảo tính “hệ thống” của khối kiến thức cơ bản trong chương 1 của học phần, GV nhấn mạnh, chương này chỉ nghiên cứu 02 vấn đề cơ bản:

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời: Đảng Cộng sản Việt Nam trong bối cảnh, điều kiện nào? và nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là gì?

Hai là, Quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945): Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo 03 cao trào cách mạng; lãnh đạo quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược; lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Bước 2: GV, hướng dẫn SV biết chắc lọc những nội dung cơ bản trong giáo trình học phân để đi sâu làm rõ những nội dung cơ bản trên đây theo trình tự logic nhất định.

Bước 3: GV, hướng dẫn SV đặt nội dung tri thức của chương 1 vào hệ thống nội dung tri thức của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, để SV thấy được tính hệ thống của tri thức toàn học phần.

Cách làm trên đây sẽ đảm bảo tính “hệ thống” của khối kiến thức cơ bản, trụ cột, cốt lõi trong từng chương của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp SV có cái nhìn hệ thống, xuyên suốt về mỗi chương, đồng thời bước đầu xác định, định vị được vị trí của chương đó trong khối kiến thức toàn học phần.

VD3: Đảm bảo tính “hệ thống” của kiến thức theo “chiều ngang” giữa các chương của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, trên nền tảng đã tiếp cận kiến thức theo “chiều dọc” mỗi chương : Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay)

Bước 1: GV chỉ ra những nội dung cơ bản, xuyên suốt mà Chương 1, Chương 2, Chương 3 đều nghiên cứu, tập trung làm rõ đó là: Hoàn cảnh lãnh đạo; Nội dung lãnh đạo; Kết quả, ý nghĩa lãnh đạo.

Bước 2: GV hướng dẫn SV nghiên cứu, tiếp cận các vấn đề: Hoàn cảnh lãnh đạo; Nội dung lãnh đạo; Kết quả, ý nghĩa lãnh đạo theo "chiều dọc" mỗi chương.

Bước 3: GV hướng dẫn SV nghiên cứu, tiếp cận: Hoàn cảnh lãnh đạo; Nội dung lãnh đạo; Kết quả, ý nghĩa lãnh đạo theo "chiều ngang" giữa các chương.

- Hoàn cảnh Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Hoàn cảnh Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1954; 1954 - 1975); Hoàn

cảnh Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay)

- Nội dung Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Nội dung Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1954; 1954 - 1975); Nội dung Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay)

- Kết quả, ý nghĩa Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); Kết quả, ý nghĩa Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1954; 1954 - 1975); Kết quả, ý nghĩa Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay).

Cách làm trên đây sẽ đảm bảo tính “hệ thống” của kiến thức đồng dạng giữa các chương của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp SV hình thành, phát triển tư duy logic, hệ thống, có cái nhìn hệ thống, xuyên suốt về khối kiến thức đồng dạng giữa các chương của học phần.

2.1.3.3. Đảm bảo tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được tập thể hiện trên các phương diện cơ bản, chủ đạo đó là: Sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn của học phần; Sự cập nhật của hệ thống tri thức học phần với những kết quả, những thành tựu nghiên cứu khoa học mới nhất của học phần; Sự cập nhật, gắn bó của hệ thống tri thức học phần với thực tiễn sinh động đang đổi thay hằng ngày; Sự truyền tải nội dung tri thức học phần bằng những công cụ, phương tiện, thiết bị hiện đại, đem lại hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ dạy học học phần; Giá trị, ý nghĩa, tính hữu ích của khối kiến thức học phần với việc học tập, rèn luyện, với thực tiễn nghề nghiệp, thực tiễn cuộc sống của SV...

VD1: Đảm bảo tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945): Làm rõ giá trị cốt lõi

của Cương lĩnh Chính trị (2/1930) với các Cương lĩnh khác của Đảng Cộng sản Việt Nam [1; tr.35-125]

Bước 1: Khái quát những nội dung cơ bản nhất, bản chất nhất, cốt lõi nhất của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (2/1930).

Bước 2: Đặt Cương lĩnh chính trị đầu tiên (Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng (2/1930) với hệ thống các Cương lĩnh chính trị của Đảng ta sau này: Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 10 năm 1930); Chính cương Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2 năm 1951); Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (tháng 6 năm 1991); Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)

Bước 3: Chỉ ra sức sống của những nội dung cơ bản nhất, bản chất nhất, cốt lõi nhất của Cương lĩnh chính trị đầu tiên (Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng (2/1930) với hệ thống các Cương lĩnh chính trị của Đảng ta sau này. Chẳng hạn, nội dung cơ bản nhất, bản chất nhất, cốt lõi nhất của cách mạng Việt Nam mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên (tức Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng), 2/1930 đã vạch ra là ĐLDT gắn liền với CNXH; đó cũng chính là quy luật vận động cơ bản, đặt nền móng cho các Cương lĩnh chính trị của Đảng ta sau này.

Bằng cách làm đó, SV sẽ thấy được tính khoa học và cách mạng, sức sống, sự trường tồn, đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên (Chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt của Đảng (2/1930). Qua đó, đảm bảo tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

VD2: Đảm bảo tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) [1; tr.127-235]

Bước 1: GV hướng dẫn SV nghiên cứu, tìm hiểu, nắm bắt những nội dung cơ bản nhất, bản chất nhất, cốt lõi nhất của Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975). Đây là việc làm không phải dễ dàng, vì đây là chương chứa đựng một khối lượng tri thức lớn, phản ánh một giai đoạn lãnh đạo đất nước trong bối cảnh quốc tế

phức tạp với thời gian khá dài 30 năm (1945 - 1975), được trình bày trong giáo trình với hơn 100 trang (từ trang 127-235)...Nhưng nếu không hướng dẫn SV nghiên cứu, tìm hiểu, nắm bắt những nội dung cơ bản nhất, bản chất nhất, cốt lõi nhất của Chương thì cũng khó đảm bảo tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học chương này, trong học phần.

Bước 2: Bám sát những nội dung cơ bản nhất, bản chất nhất, cốt lõi nhất của Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), GV cho SV tiếp cận với các Video, Clip, trích đoạn bộ phim, sách báo chọn lọc, điền hình để thấy được sự lãnh đạo của Đảng ta đối với hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước.

Bước 3: Kết hợp với việc phân tích, bình luận, GV dẫn dắt tạo ra sự gắn kết giữa nội dung các Video, Clip, trích đoạn bộ phim, sách báo chọn lọc, điền hình với những nội dung cơ bản nhất, bản chất nhất, cốt lõi nhất của Chương 2. Bằng cách đó, SV sẽ tiếp cận nội dung tri thức bài học một cách hiện đại, thiết thực, hữu ích, hứng khởi, nhẹ nhàng, sinh động, tránh nhàm chán, mệt nhọc, căng thẳng. Trên cơ sở đó, đảm bảo tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học chương học, trong học phần.

VD3: Đảm bảo tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay) [1; tr.235-435], thuộc Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:

Bước 1: GV hướng dẫn SV nghiên cứu, tìm hiểu, nắm bắt những nội dung cơ bản nhất, bản chất nhất, cốt lõi nhất của Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay), thuộc Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bước 2: GV hướng dẫn SV nghiên cứu, tìm hiểu, nắm bắt cơ sở khoa học của những chủ trương, đường lối Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Chẳng hạn, chỉ ra cơ sở khoa học của những chủ trương, đường lối kinh tế của Đảng như xác định Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong

thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; CNH-HĐH là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; phát triển kinh tế đối ngoại với đường lối đa phương hoá, đa dạng hoá, kết hợp giữa xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ kết hợp với tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và hội nhập quốc tế ...

Bước 3: GV hướng dẫn SV nghiên cứu, tìm hiểu, nắm bắt những thành tựu, những kết quả nổi bật nhất, quan trọng nhất của những chủ trương, đường lối kinh tế của Đảng ta trên đây: “Trải qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, thực lực của nền kinh tế tăng lên; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì hợp lý. Việt Nam chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường; đồng thời, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu nghèo nàn, bị chiến tranh tàn phá, khủng hoảng kinh tế - xã hội, quy mô nền kinh tế nhỏ bé, năm 2023 quy mô nền kinh tế đạt khoảng 430 tỷ USD, đứng thứ 35 thế giới, tăng hơn 95 lần so với năm 1986; tỷ lệ hộ theo chuẩn nghèo đa chiều còn 2,9%. Bên cạnh đó, từ một nền kinh tế đóng cửa khép kín, Việt Nam thành một nền kinh tế có mức độ hội nhập toàn cầu khi trở thành đối tác thương mại lớn thứ 22 toàn cầu, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2023 đạt gần 700 tỷ USD, thu hút lượng đầu tư lớn từ nước ngoài đạt 23 tỷ USD, đây là mức đầu tư cao nhất của Việt Nam từ trước đến nay, ngay cả khi các thị trường lớn bị thu hẹp và chuỗi cung ứng toàn cầu còn nhiều đứt gãy. Cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đô thị, nông thôn được đầu tư xây dựng tăng lên đáng kể, nhất là đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu. Việt Nam ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội; là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh so với các nước trong khu vực và thế giới, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình trên thế giới”[23]. Bằng cách đó, góp phần đảm bảo tính “hiện đại, thiết thực” của kiến thức trong dạy học Chương 3; giúp SV tiếp cận được những tri thức cập nhật, thời sự; thấy được những thành tựu kinh tế của sự nghiệp đổi mới bắt đầu từ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, củng cố niềm tin của SV vào tính đúng đắn khoa học của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta.

2.1.4. Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.4.1. Đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ

Một trong các mục tiêu trung tâm, cốt lõi của của công tác đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ hiện nay là thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới phương pháp dạy học sử dụng các phương pháp dạy học tích cực và nâng cao tính tích cực học tập của SV. Lý luận dạy học hiện đại đã chỉ rõ đặc trưng của các phương pháp dạy học tích cực là: Dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động học tập của SV; Dạy và học chú trọng rèn luyện phương pháp tự học; Tăng cường học tập cá thể, phối hợp với học tập hợp tác; Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò. Từ đặc trưng của các phương pháp dạy học tích cực, cho thấy, để nâng cao tính tích cực học tập của SV, thì việc đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, dạy học theo hệ thống tín chỉ là tất yếu. Trong đó, cần chú trọng việc tổ chức các hoạt động học tập của SV. Từ dạy học thụ động sang dạy học tích cực, GV không còn đóng vai trò đơn thuần là người truyền đạt kiến thức, GV trở thành người *gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn, trọng tài, thiết kế, tổ chức, hướng dẫn* các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để SV tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ theo yêu cầu của chương trình. Người GV chính là đạo diễn và cũng chính là kiến trúc sư, vừa thiết kế, vừa thi công, vừa mang tính khoa học vừa đạt đến trình độ nghệ thuật cao. Khoa học ở chỗ GV phải bảo đảm nội dung, chương trình, mục tiêu đào tạo... Nghệ thuật chính là GV phải tùy từng đối tượng viên, đặc điểm cụ thể của lớp học mà có phương pháp giảng dạy linh hoạt sao cho phù hợp, đáp ứng được yêu cầu mới, đạt chất lượng, hiệu quả cao. Như vậy, trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư, cần phải đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, dạy học theo hệ thống tín chỉ; chú trọng việc tổ chức các hoạt động học tập của SV.

Đổi mới hình thức tổ chức dạy học; thiết kế bài giảng học phần theo hướng tổ chức các hoạt động học tập cho SV; tạo điều kiện tối đa cho SV tham gia vào các hoạt động học tập. Trong hoạt động chuẩn bị bài giảng, việc GV chú trọng đổi

mới thiết kế bài giảng học phần là một trong những biện pháp góp phần đổi mới hình thức tổ chức dạy học, nâng cao tính tích cực học tập của SV, nâng cao hiệu quả dạy học. Trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam việc thiết kế đề cương bài giảng theo hình thức thiết kế các hoạt động học tập của SV cần phải thể hiện rõ:

- Hoạt động học tập phải tiến hành đa dạng, linh hoạt, nhưng phải tránh được bố trí các hoạt động dạy học dàn trải, mà phải bố trí các hoạt động dạy học hướng trọng tâm vào trục kiến thức cơ bản, cốt lõi của bài học; giải quyết được những vấn đề cơ bản đáp ứng chuẩn đầu ra, mục tiêu của học phần.

- Chuỗi hoạt động học của SV thể hiện tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng. Các hoạt động học xoay quanh việc giải quyết câu hỏi/vấn đề chính của bài giảng đặt ra, chú trọng gắn kết lí luận học phần với thực tiễn.

- Mỗi hoạt động học gắn với những nhiệm vụ học tập giao cho SV, thể hiện rõ nội dung, phương thức hoạt động và kết quả đạt được mà SV phải hoàn thành.

- Các hoạt động học phải thể hiện rõ mục tiêu, phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học và phương tiện, thiết bị công nghệ dạy học... được sử dụng để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Các hoạt động học cần thể hiện rõ phương án kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của SV. Có thể sử dụng một số câu hỏi/ bài tập/ nhiệm vụ học tập để kiểm tra, đánh giá năng lực học tập của SV trên lớp và hoạt động thực tiễn, trải nghiệm.

Thông qua đổi mới hình thức tổ chức dạy học; tổ chức các hoạt động học tập cho SV; thiết kế bài giảng học phần theo hướng tổ chức các hoạt động học tập cho SV; tạo điều kiện tối đa cho SV tham gia vào các hoạt động học tập, SV sẽ tập trung, chú ý hơn trong học tập; tham gia tích cực vào quá trình học tập, tìm tòi tri thức, phương pháp, cách thức học tập; kết quả học tập do tham gia tích cực vào các hoạt động học tập và tự học, đem lại niềm vui, sự tự tin, làm chủ trong học tập của SV.

2.1.4.2. Đổi mới phương pháp dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Phương pháp là “Lề lối và cách thức phải theo để tiến hành công tác với kết quả tốt nhất”, và nếu “Học không có phương pháp thì dầu giùi mài hết năm, hết đời cũng chỉ mất công không”[18]. Hồ Chí Minh là người rất quan tâm đến phương pháp giáo dục, và đặt ra yêu cầu đối với giáo viên phải thường xuyên đổi mới thì mới hoàn thành được nhiệm vụ. Người viết: “giáo viên cũng phải tiến bộ cho kịp thời đại thì mới làm được nhiệm vụ. Chớ tự túc, tự mãn, cho là giỏi rồi thì dừng lại. Mà dừng lại là lùi bước, là lạc hậu, mình tự đào thải trước. Cho nên phải cố gắng học tập để cải tạo mình, cải tạo tư tưởng của mình, cải tạo con em và giúp vào việc cải tạo xã hội”[14; tr.266]

Ngày nay, thế giới có nhiều thay đổi, xu thế phát triển của thời đại đặt ra những yêu cầu cao đối với chất lượng nguồn nhân lực, đòi hỏi phải đổi mới giáo dục một cách toàn diện. Vì vậy, GV phải đổi mới phương pháp dạy học theo hướng tích cực, “lấy SV là trung tâm”, dạy học phải hướng vào SV. Đặt SV vào vị trí trung tâm của quá trình giáo dục, vai trò chủ động, tích cực, sáng tạo của SV được phát huy, nhưng vai trò chủ đạo của GV không bị hạ thấp, yêu cầu đối với người dạy không hề giảm nhẹ, trái lại, GV càng phải có trình độ cao về chuyên môn, nghiệp vụ mới có thể đóng vai trò là người gợi mở, hướng dẫn, tổ chức, cố vấn, người trọng tài cho các hoạt động tìm tòi, tranh luận của SV luôn giữ vai trò chủ đạo trong quá trình sư phạm. Đúng như A. Dixtevec đã nói: “*Người giáo viên bình thường mang chân lý đến cho trò, người giáo viên giỏi biết dạy cho trò đi tìm chân lý*”.

Thực tiễn dạy học cho thấy, không có phương pháp nào là phương pháp vạn năng, phù hợp cho tất cả, tối ưu mọi quá trình dạy học, mọi học phần, cho tất cả mọi người. Vì vậy, trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, đổi mới phương pháp dạy học là việc làm cần thiết, thường xuyên, nhưng vận dụng phương pháp phải phù hợp với từng đối tượng dạy học. Sử dụng linh hoạt đồng bộ nhiều phương pháp như: Sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp nâng cao được tính tích cực học tập của SV như: Thuyết trình theo kiểu thuật chuyện, mô tả, phân tích, “luận chiến”- phê phán; phương pháp đàm thoại tìm tòi; giải quyết vấn đề; nghiên cứu trường hợp; thảo luận nhóm, xêmina... Trong quá trình đổi mới phương pháp dạy học học phần cần quan tâm, chú ý một số vấn đề sau:

- Người dạy phải nắm vững đối tượng dạy học, phải biết được trình độ, sở trường, tâm lý SV, xác định SV cần những tri thức gì, đang thiếu những mảng kiến thức nào, để người dạy trang bị, cung cấp cho SV trong phạm vi học phần.

- Người dạy phải chuẩn bị bài giảng, thiết kế các phương pháp dạy học phù hợp thật chu đáo, cẩn thận. Để SV có được hứng thú với bài giảng và sẵn sàng, tích cực trả lời những câu hỏi của GV đặt ra, thì GV phải chuẩn bị giáo án của mình thật khoa học và hấp dẫn, phải làm cho SV có hứng thú đối với học phần; từ đó buộc SV phải tham khảo tài liệu, chủ động nắm bắt nội dung học phần nhằm lĩnh hội kiến thức nhanh hơn.

- Người dạy phải giúp cho SV thấy được vị trí trung tâm của mình trong quá trình học. Dạy học phải sát đối tượng, gắn lý luận với thực tiễn; vận dụng lý thuyết để giải thích các vấn đề trong thực tế để gây hứng thú, gợi sự tò mò, khám phá của SV; thường xuyên hợp tác, hướng dẫn, định hướng và trang bị cho SV những kỹ năng, phương pháp phù hợp để SV có thể chủ động, tích cực tìm tòi, lĩnh hội tri thức; có phương thức đánh giá điểm quá trình hợp lý, tránh sự cào bằng trong đánh giá, có sự phân hóa trình độ SV.

- Tránh nhàm lẫn, đồng nhất đổi mới phương pháp giảng dạy với phương pháp sử dụng các phương tiện công nghệ hiện đại vào trong quá trình dạy học, xem như việc sử dụng thành thạo một phương tiện công nghệ nào đó như trình chiếu Powerpoint, kỹ thuật sử dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến,... là đổi mới phương pháp giảng dạy. Như PGS.TS Đinh Ngọc Thạch, chỉ rõ: “Phương pháp lễ cổ nhiên không đồng nhất với thủ pháp, với phương tiện truyền đạt tri thức. Một số người tự hào về việc thành thạo sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại trong giảng dạy, hoặc biết cách trình bày vấn đề rõ ràng, “ý nào ra ý đó”, giúp SV “hiểu bài ngay trên giảng đường”. Nhưng những cách thức đó không thể gọi là phương pháp được. Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy không nằm ở việc trang bị những phương tiện hỗ trợ hiện đại, mà ở chính khả năng mài sắc tư duy và sức mạnh của sự truyền dẫn tư tưởng đến SV và gợi mở nơi họ ý thức sáng tạo và giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra”[11].

a. Đổi mới phương pháp thuyết trình – theo hướng sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp nâng cao được tính tích cực học tập của SV ...

Phương pháp thuyết trình là phương pháp chủ yếu được GV sử dụng trong dạy học. Phương pháp thuyết trình cho phép GV truyền đạt có hiệu quả những nội dung lý luận tương đối khó, trừu tượng, phức tạp, chứa đựng nhiều thông tin mà SV không dễ dàng tự tìm hiểu được. Phương pháp thuyết trình cho phép GV trình bày một mô hình mẫu của tư duy logic về cách đề cập và lý giải một vấn đề khoa học, về cách dùng ngôn ngữ để diễn đạt những nội dung tri thức phức tạp, trừu tượng một cách rõ ràng, chính xác và súc tích. Từ hình mẫu tư duy khoa học của thầy giáo sẽ giúp cho SV phát triển trí tuệ, hình thành phương pháp nhận thức mới đáp ứng một trong những yêu cầu cơ bản của bậc đào tạo đại học là học phương pháp tư duy. Phương pháp thuyết trình còn cho phép trong một thời gian hạn chế GV có thể truyền đạt một lượng thông tin lớn cùng một lúc cho nhiều SV. Đồng thời, GV có thể nhanh chóng đưa những thành tựu khoa học mới nhất và những sự kiện kinh tế chính trị đang nảy sinh để bổ sung cho nội dung bài giảng thêm phong phú, sâu sắc. Mục đích nhiệm vụ của giảng dạy môn kinh tế chính trị không chỉ nhằm trang bị cho SV những kiến thức, tư duy kinh tế; thế giới quan, phương pháp luận khoa học, mà còn giáo dục niềm tin và tình cảm sâu sắc trong quá trình lĩnh hội tri thức. Với phương pháp thuyết trình cho phép GV tiếp xúc trực tiếp với SV, truyền cho các em những tư tưởng, tình cảm lành mạnh, cao đẹp của mình, thông qua đó niềm tin và hoài bão được nhân lên. Mặt khác, bằng sự “thần kì” của ngôn ngữ thể hiện qua ngữ điệu, âm thanh khi giảng bài, người GV có khả năng lôi cuốn, kích thích sự tập trung chú ý, phát triển trí nhớ và óc tưởng tượng của SV. Chính vì vậy, phương pháp thuyết trình đã và đang được sử dụng thường xuyên, rộng rãi trong quá trình giảng dạy môn kinh tế chính trị. Tuy nhiên, phương pháp thuyết trình theo kiểu truyền thống cũng đã bộc lộ những hạn chế của nó, cản trở đến hiệu quả nhận thức những tri thức khoa học nói chung và những tri thức Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng. Vì vậy, muốn nâng cao hiệu quả trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thì sự cần thiết phải đổi mới phương pháp thuyết trình. Đổi mới phương pháp thuyết trình trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam không có nghĩa là thay đổi phương pháp thuyết trình bằng phương pháp hoàn toàn khác biệt mà làm cho phương pháp này có nội dung phong phú hơn, phát triển hơn, phát huy khả năng tư duy tiếp cận tri

thức Học phân Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở SV; làm cho SV có hứng thú hơn khi tiếp xúc nội dung mỗi bài giảng của GV.

Nội dung của biện pháp: Đổi mới phương pháp thuyết trình – theo hướng sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp nâng cao được tính tích cực học tập của SV...

Thuyết trình theo kiểu thuật chuyện. Hình thức này xuất phát từ yêu cầu của quá trình nhận thức, nó đòi hỏi trong quá trình giảng dạy, GV phải đưa ra những biểu tượng cụ thể về những sự kiện và hiện tượng có thể phản ánh được những nội dung của Học phân Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó chính là cơ sở của sự bền vững trong nhận thức. Trong Học phân Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tri giác và biểu tượng của SV được hình thành trong quá trình học tập nhờ vào sự tổng kết những câu chuyện, sử dụng đồ dùng trực quan và tất cả phương thức cụ thể hóa.. Trong đó hình thức thuyết trình theo thuật kể chuyện là việc GV có thể dựa vào những sự kiện kinh tế xã hội, câu chuyện hoặc tác phẩm “văn học, phim ảnh...” làm tư liệu để khái quát, xây dựng lí luận, rút ra kết luận... Ngày nay, nhờ sự phát triển của kinh tế, khoa học, kĩ thuật và các phương tiện thông tin đã tạo tạo điều kiện cho GV kinh tế chính trị sử dụng nội dung các tài liệu sách, báo, tư liệu, phim... để làm phong phú bài giảng và khắc sâu kiến thức cho SV.

Ví dụ 1: Khi dạy học Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)[1; tr.35-125], Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), GV có thể chiếu hoặc giới thiệu cho các em xem các Video, clip, bộ phim, phản ánh về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, về sự lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền, về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước vô cùng phong phú, đa dạng trên các phương tiện truyền thông được chọn lọc kỹ càng, sau đó, đưa ra những dẫn dắt, nhận định, đánh giá gắn với nội dung học tập để làm tăng sự hấp dẫn với SV trong quá trình dạy học học phần.

- Phim tài liệu *Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh - Biên niên sử truyền hình*, dài 90 tập, Bộ phim là một biên niên sử bằng truyền hình về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ khi chuẩn bị thành lập (trước năm 1930) cho đến nay.NSND, đạo diễn Lê Thi - tổng đạo diễn bộ phim và sách điện tử “Việt Nam thời đại Hồ

Chí Minh - Biên niên sử truyền hình”. Bộ sách điện tử tổng hợp “Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh - Biên niên sử truyền hình” là một pho tư liệu lịch sử, được biên soạn một cách có hệ thống, đầy đủ, xuyên suốt quá trình phát triển của dân tộc ta từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, mở ra thời đại Hồ Chí Minh - thời đại rực rỡ nhất trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

- “Sao Tháng Tám”- bộ phim thành công nhất về Cách mạng tháng Tám (1945) tính đến thời điểm hiện tại, của cô đạo diễn, NSND Trần Đức. Bộ phim phản ánh thành công những ngày sôi sục trước cách mạng tháng Tám năm 1945 và nạn đói kinh hoàng năm ấy. Bộ phim giúp khán giả hiểu được cuộc sống lầm than của dân ta mà không trang viết nào tái hiện chân thực bằng. Ở đó có những con người gầy còm, những mái nhà tranh liêu xiêu, cây đa, hồ nước hoang sơ, vắng bóng người, những con đường đất đầy lá cây, mái chợ quê liêu xiêu lợp bằng những bó rạ khô, những chiếc nón mê rách tươm chẳng còn nổi vành nón, những khu phố Pháp cũ còn nguyên dáng vẻ phồn hoa, sang trọng hay nhà máy điện chạy than với những chiếc xe goòng chở than đẩy bằng tay... Người đói vật vờ như những cái bóng khắp các hang cùng, ngõ hẻm, với tiếng khóc, tiếng rên, tiếng kêu ai oán.

- *Việt Nam: Cuộc chiến mười nghìn ngày* (tiếng Anh: *Vietnam: The Ten Thousand Day War*) là bộ phim tài liệu 13 tập về Chiến tranh Việt Nam, được sản xuất năm 1980 bởi đạo diễn Michael Maclear. Bộ phim này được phát sóng tại Canada trên kênh truyền hình CBC, tại Hoa Kỳ, và tại Anh trên Kênh 4 nói về cuộc chiến tranh hết sức sai lầm và phi nghĩa của Chính phủ Mỹ đối với VN. Bộ phim phản ánh khá đầy đủ và hay nhất, sống động và trung thực nhất về chiến tranh Việt Nam trong suốt 30 năm.

- *Vietnam: A Television History* (*Việt Nam: Thiên lịch sử truyền hình*) dài 13 tập của tác giả Stanley Karnow, do hãng thông tấn PBS (Public Broadcasting Service - Mỹ) sản xuất. 13 tập của phim tài liệu *Vietnam: A Television History* (*Việt Nam: Thiên lịch sử truyền hình*) gồm các chủ đề: Cội rễ của cuộc chiến, Cuộc chiến tranh lần thứ nhất, Viên quan phong kiến của Mỹ, Tổng thống Johnson vào cuộc, Nước Mỹ chịu trách nhiệm, Kẻ thù của nước Mỹ, Tết Mậu Thân 1968,

Việt Nam hóa chiến tranh, Campuchia và Lào, Hòa bình trong tầm tay, Cuộc chiến trong lòng nước Mỹ, Đoạn cuối con đường hầm và Di sản chiến tranh.

- "*Những hình ảnh chưa biết về cuộc chiến tranh Việt Nam*" là những thước phim tư liệu quý giá, chân thực về một trong những cuộc chiến khốc liệt nhất thế kỷ 20, chiến tranh Việt Nam, chưa từng được công bố. Không nhân vật cụ thể, không dàn dựng, không kỹ xảo điện ảnh. Tập 1: Bí mật cuộc chiến; Tập 2: Bí mật vũ khí; Tập 3: Bí mật con người, Daniel Costelle đọc lời bình. Bộ phim do báo chí và truyền hình Mỹ thực hiện từ những năm 1960-1970. Tất cả có ba tập phim tư liệu do Trung tâm Nghe nhìn quốc gia Pháp (INA) và Đài Truyền hình quốc gia Pháp mua lại từ kho tư liệu của Mỹ. Đài truyền hình VN đã mua lại từ Pháp bản quyền phát sóng ba tập phim này.

- *Bộ phim tài liệu "Mùa đông 1991"*. Bộ phim gồm 10 tập: Tập 1 "Thay đổi thế giới", tập 2 "Ánh sáng Tháng Mười", tập 3 "Đại hội XX - bom hạt nhân nổ giữa Hồng Trường", tập 4 "Xét lại và chống xét lại", tập 5 "Thời đại Xô viết vinh quang", tập 6 "Muôn mặt chiến tranh", tập 7 "Khởi đầu của những cuộc cải cách", tập 8 "Những nguyên tắc bất di bất dịch", tập 9 "Liên Xô sụp đổ" và tập 10 "Việt Nam vững bước". Công ty Media 21 và Đài truyền hình TP Hồ Chí Minh (HTV) hợp tác sản xuất.

Thuyết trình-mô tả, phân tích: Thuyết trình dưới hình thức mô tả có phân tích là chỉ ra những đặc điểm, khía cạnh, các mặt riêng biệt của hiện tượng và quá trình kinh tế cùng các mối liên hệ của chúng. Trên cơ sở đó đưa ra những chứng cứ logic, lập luận chặt chẽ để rút ra bản chất của các hiện tượng. Việc mô tả-phân tích trong giảng dạy kinh tế chính trị có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như sử dụng: công thức, sơ đồ, mô hình hóa, số liệu thống kê... *Ví dụ 1*, thông qua việc thuyết trình mô tả, phân tích quá trình lãnh đạo của Đảng ta qua các thời kỳ: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - đến nay), chúng ta có thể chỉ ra bản chất quy luật vận động cơ bản của cách mạng Việt Nam; đường lối chiến lược, chủ đạo và những thắng lợi to lớn, cơ bản của cách mạng nước dưới sự lãnh đạo của

Đảng Cộng sản Việt Nam. *Ví dụ 2*, thông qua việc thuyết trình mô tả, phân tích những điều kiện (khách quan và chủ quan) dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta có thể chỉ ra tính tất yếu khách quan của sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh với quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. *Ví dụ 3*, thông qua việc thuyết trình mô tả, phân tích quá trình lãnh đạo của Đảng ta trong đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng 8/1945, chúng ta có thể chỉ ra sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng trong năm bất bình thường và thời cơ cách mạng, để đấu tranh giành chính quyền, đưa đến thành công của Cách mạng tháng 8/1945.

Thuyết trình dưới hình thức “luận chiến”- phê phán. Tính giai cấp, tính Đảng của quá trình giảng dạy Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam luôn gắn liền với việc phê phán những quan điểm tầm thường, phản động, phản khoa học của giai cấp tư sản, các thế lực thù địch. Chẳng hạn, khi phân tích nhận định của các thế lực thù địch, phản động cho rằng cách mạng tháng 8/1945 là sự "ăn may" của lịch sử, do khoảng trống quyền lực tạo ra, chứ không phải do sự lãnh đạo của Đảng mà tạo nên thắng lợi; hay quan điểm cho rằng Đảng ta chỉ có vai trò trong đấu tranh, kháng chiến, giải phóng dân tộc, còn hiện nay trong xây dựng và phát triển đất nước thì Đảng ta không còn vai trò tích cực, nên dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986-1996), và ngày nay đang là lực cản, rào cản phát triển của đất nước, làm cho đất nước tụt hậu...; hay có quan điểm cho rằng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay đã lạc hậu, lỗi thời, không còn phù hợp... Vì vậy, khi giảng dạy những vấn đề này GV cần chỉ ra những sai lầm, thiếu cơ sở khoa học của luận điểm trên.

b) Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Phương pháp đàm thoại là phương pháp trong đó người dạy đặt ra hệ thống câu hỏi để SV trả lời, hoặc SV có thể tranh luận với nhau và với cả người dạy; qua đó SV lĩnh hội được nội dung bài học. Phương pháp đàm thoại có nhiều hình thức. Căn cứ vào mục đích sư phạm của phương pháp đàm thoại, người ta phân biệt: Đàm thoại gợi mở, đàm thoại tổng kết, đàm thoại củng cố, đàm thoại kiểm tra. Căn cứ vào tính chất hoạt động nhận thức, người ta phân biệt: Đàm thoại tái

hiện, đàm thoại giải thích – minh họa, đàm thoại tìm tòi – phát hiện. Phương pháp đàm thoại tìm tòi là một hình thức của phương pháp đàm thoại còn được gọi là đàm thoại phát hiện, giải quyết vấn đề hay đàm thoại Orixtic. Phương pháp đàm thoại tìm tòi là phương pháp tổ chức đối thoại, trao đổi ý kiến tranh luận giữa người dạy với cả lớp hoặc giữa SV với nhau, nhằm giải quyết một vấn đề xác định thông qua đó SV được củng cố, mở rộng, bổ sung kiến thức, có được tri thức mới, cách nhận thức mới, cách giải quyết vấn đề mới. Trong đó, giáo viên dùng một hệ thống câu hỏi được sắp xếp một cách hợp lý để hướng SV từng bước phát hiện ra bản chất của sự vật, tính quy luật của hiện tượng đang tìm hiểu, kích thích sự ham muốn hiểu biết. Phương pháp đàm thoại phát hiện được vận dụng rộng rãi trong dạy học nhất là đối với những nội dung học tập phức tạp, đòi hỏi phải nghiên cứu, tìm tòi, khám phá, phát hiện. Giá trị tích cực của phương pháp này là: Trong đàm thoại tìm tòi, người dạy là người tổ chức sự tìm tòi, SV là người tự lực phát hiện kiến thức mới. Người học được giáo viên đặt vào vị trí tự lực tìm tòi chân lý. Kết thúc quá trình đàm thoại tìm tòi, giáo viên khéo léo bổ sung, phát triển, hoàn thiện vấn đề trên cơ sở, nền tảng ý kiến trao đổi, tranh luận của SV. Từ đó SV không những nắm được nội dung chủ yếu của bài học mà còn học được cả phương pháp nhận thức, cách giải quyết một vấn đề nhận thức và cách diễn đạt tư tưởng bằng ngôn ngữ nói. Đồng thời, SV hứng thú, tự tin, có niềm vui sướng của sự nhận thức và khám phá, sự phát triển về tư duy, vì thấy kết luận mà giáo viên vừa nêu có đóng góp quan trọng của chính mình. Như vậy, phương pháp đàm thoại tìm tòi có tác dụng kích thích, bồi dưỡng tính tích cực, độc lập, sáng tạo, tinh thần tự học, tự nghiên cứu khám phá, năng lực tìm tòi, phát hiện các vấn đề khoa học cho SV; giúp SV tự kiểm tra, tự đánh giá kết quả học tập của chính mình và người dạy thu nhận được những tín hiệu ngược từ kết quả học tập của SV để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

Trong chương trình, giáo trình, nội dung học phần có nhiều vấn đề, nhiều nội dung phức tạp, trừu tượng SV không thể tiếp cận ngay được, đòi hỏi phải có quá trình tìm tòi, nghiên cứu, phát hiện, giải quyết vấn đề mới đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ học tập. Trong xu thế đổi mới giáo dục nói chung, đổi mới dạy học các môn lý luận chính trị nói riêng, đổi mới phương pháp dạy học Học phần Lịch sử

Đảng Cộng sản Việt Nam được đặt ra như một yêu cầu khách quan. Vì vậy, cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi để khai thác những giá trị tích cực của nó góp phần nâng cao chất lượng dạy học học phần. Mặt khác, SV ở nhà trường là người có năng lực trí tuệ, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và rộng mở, có năng lực giải quyết những nhiệm vụ trí tuệ ngày một khó khăn, có nhu cầu khám phá, hiểu biết và học tập. Tuy nhiên, trong học tập học phần hiện nay, còn một bộ phận chưa thực sự tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu, tìm tòi, khám phá học phần. Tóm lại, yêu cầu về chương trình, giáo trình, nội dung học phần; về đổi mới phương pháp dạy học và đặc điểm SV trong học tập học phần ở nhà trường đòi hỏi phải vận dụng các phương pháp dạy học tích cực, trong đó có đàm thoại tìm tòi nhằm nâng cao chất lượng dạy học học phần trong điều kiện nhà trường đang triển khai thực hiện chuyển đổi phương thức đào tạo.

Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có nhiều khâu như: Lựa chọn nội dung; xây dựng hệ thống câu hỏi; thiết kế đề cương bài giảng vận dụng phương pháp; tổ chức trong thực tiễn dạy học... Quy trình vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học học phần, được xây dựng như sau:

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi.

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học nội dung đã được lựa chọn.

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn dạy học học phần.

Đây là ba bước “then chốt” quy trình thống nhất biện chứng của sự vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học học phần. Thực hiện đúng quy trình sẽ đảm bảo tính khoa học, sự thành công của vận dụng trong dạy học học phần.

VD1: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong nghiên cứu Phần II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975), Chương 3: Đảng lãnh đạo

cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay), [1; tr.128-235]

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi: Phần II. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học nội dung đã được lựa chọn.

Câu 1: Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) được chia làm mấy thời kỳ? Tên gọi mỗi thời kỳ là gì?

1. Lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam- Bắc (1954-1965)
2. Lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng cả nước (1965-1975)

Câu 2: Trong mỗi thời kỳ đó, sự lãnh đạo của Đảng được thể hiện ở những nội dung cơ bản nào? Những nội dung cơ bản được thể hiện trong các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết nào của Đảng? Nêu các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết nào của Đảng và nội dung cốt lõi, nổi bật của các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết đó.

* Trong mỗi thời kỳ đó, sự lãnh đạo của Đảng được thể hiện ở những nội dung cơ bản nào?

1. Lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam- Bắc (1954-1965)
 - a. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960
 - b. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1961-1965
2. Lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng cả nước (1965-1975)
 - a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng
 - b. Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ thế chiến lược tiến công đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ 1965-1968
 - c. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng

miền Nam, thống nhất Tổ quốc 1969-1975

* Nêu các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết nào của Đảng và nội dung cốt lõi, nổi bật của các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết đó.

1. Lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam- Bắc (1954-1965): Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), (7-1954); Nghị quyết Bộ Chính trị, 9-1954; Hội nghị lần thứ 7, 3-1955 và lần thứ 8 (8-1955) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II); Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), 9-1956; Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), tháng 12-1957; Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), 11-1958; Lê Duẩn đã dự thảo *Đường lối cách mạng miền Nam*; Đại hội lần thứ III của Đảng 9-1960.

2. Lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng cả nước (1965-1975): Hội nghị lần thứ 11 (3.1965); 12 (12.1965) Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Hội nghị Bộ Chính trị đợt 1 (từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974) và đợt 2 (từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975) đã bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Câu 3: Khái quát những thắng lợi, thành quả và bài học kinh nghiệm cách mạng cơ bản đạt được trong quá trình thực hiện các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết nào của Đảng tương ứng với từng thời kỳ.

- Thắng lợi của phong trào Đồng khởi 1960; Chiến thắng Ấp Bắc (1-1963); Chiến lược “Chiến tranh đơn phương”, “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn bị phá sản.

- Chiến thắng ở Núi Thành (5-1965), Vạn Tường (8-1965), Plâyme (11-1965)..., đánh bại hai cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968. Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam từ ngày 13-5-1968 tại Pari. Cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Paris đã kéo dài gần 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn đã kết thúc vào ngày 27-1-1973 với việc ký kết “Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam”. Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”; “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ phá sản.

- Cuộc tổng tiến công và nổi dậy đã diễn ra trong 55 ngày đêm từ ngày 10-3 đến ngày 30-4-1975: Chiến dịch Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn dạy học học phần.

VD2: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong nghiên cứu Đường lối đổi mới của Đảng ta trên lĩnh vực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) [1; tr.128-235]

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay)

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học nội dung đã được lựa chọn.

Câu 1: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) được tập trung thể hiện trên các phương diện cơ bản nào? (1. Xây dựng đường lối chính trị; 2. Đổi mới hệ thống chính trị về xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; 3. Đảng tiếp tục nhấn mạnh vấn đề đoàn kết dân tộc và phát huy dân chủ XHCN; 4. Đổi mới chính trị phải tiến hành đồng thời với đổi mới kinh tế và các lĩnh vực khác)

Câu 2: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) thể hiện trên các phương diện xây dựng đường lối chính trị được thể hiện như thế nào?

Câu 3: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) thể hiện trên các phương diện đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước, xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được thể hiện như thế nào?

Câu 4: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) thể hiện trên các phương diện nhấn mạnh vấn đề đoàn kết dân tộc và phát huy dân chủ XHCN được thể hiện như thế nào?

Câu 5: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) thể hiện trên các phương diện đổi mới chính trị phải tiến hành đồng thời với đổi mới kinh tế và các lĩnh vực khác được thể hiện như thế nào?

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam với định hướng như trên trong thực tiễn dạy học học phần.

VD3: Vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong nghiên cứu Đường lối đổi mới của Đảng ta trên lĩnh vực kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) [1; tr.128-235]

Bước 1: Lựa chọn nội dung dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay)

Bước 2: Thiết kế trong đề cương bài giảng Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi vào dạy học nội dung đã được lựa chọn.

Câu 1: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) được tập trung thể hiện trên các phương diện cơ bản nào? (1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN; 2. Công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước; 3. Phát triển kinh tế kinh tế đối ngoại)

Câu 2: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) thể hiện trên các phương diện phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN được thể hiện như thế nào?

Câu 3: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) thể hiện trên các phương diện công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước được thể hiện như thế nào?

Câu 4: Đường lối đổi mới của Đảng trên lĩnh vực kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam (1996-nay) thể hiện trên các phương diện phát triển kinh tế kinh tế đối ngoại được thể hiện như thế nào?

Bước 3: Tổ chức thực hiện đề cương bài giảng Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam với định hướng như trên trong thực tiễn dạy học học phần.

Tóm lại, qua thực tiễn vận dụng phương pháp đàm thoại tìm tòi trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở nhà trường, cho thấy những giá

trị tích cực của phương pháp đàm thoại tìm tòi bước đầu được phát huy trong dạy học học phần: SV và GV có điều kiện đi sâu khám phá giải quyết được những nội dung cơ bản, phức tạp, trừu tượng; SV trở nên hưng phấn, tích cực, chủ động, sáng tạo hơn; không chỉ tiếp cận được nội dung mà còn phương pháp học tập hiệu quả; GV trở thành người định hướng, hướng dẫn, điều khiển, thiết kế quá trình học tập hiệu quả. Từ kết quả đó, quá trình dạy học học phần, tiếp cận được triết lí dạy học hiện đại, GV dạy cách học, phương pháp học; SV không chỉ học nội dung tri thức mà còn học cách học, phương pháp học; cách dạy, phương pháp dạy của GV. Điều này rất cần thiết trong quá trình đào tạo, nhất là trong đào tạo SV sư phạm của nhà trường.

c) Vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học học phần

Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề là phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực tư duy, khả năng nhận biết và giải quyết vấn đề. Học được đặt trong một tình huống có vấn đề, đó là tình huống chứa đựng mâu thuẫn nhận thức, thông qua việc giải quyết vấn đề, giúp SV lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức. Dạy học giải quyết vấn đề là con đường cơ bản để phát huy tính tích cực nhận thức của SV, có thể áp dụng trong nhiều hình thức dạy học với những mức độ tự lực khác nhau của SV. Các tình huống có vấn đề là những tình huống khoa học chuyên môn, cũng có thể là những tình huống gắn với thực tiễn. Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề là phương pháp GV đặt ra hoặc giúp SV phát hiện một hay hệ thống vấn đề học tập, đưa SV vào tình huống có vấn đề, sau đó GV phối hợp cùng SV giải quyết vấn đề, đi đến những kết luận cần thiết. Phương pháp dạy học nêu vấn đề có các hình thức chủ yếu là: Trình bày nêu vấn đề, nêu vấn đề một phần, nêu vấn đề toàn phần, nêu vấn đề có tính giả thuyết, nêu vấn đề so sánh, tổng hợp. Giá trị tích cực của phương pháp dạy học giải quyết vấn đề là có giá trị nổi trội trong việc kích thích, nâng cao tính tích cực học tập của SV; SV bị lôi cuốn vào tình huống có vấn đề và quá trình giải quyết tình huống có vấn đề; qua đó không chỉ nắm được nội dung kiến thức mà còn nắm được phương pháp, cách thức, kỹ năng giải quyết tình huống có vấn đề; SV có được sự thỏa mãn nhu cầu, niềm vui của khám phá và cảm giác thành công trong học tập; phát triển năng lực tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề của SV, giúp SV đạt mục tiêu dạy học...

Điều kiện của dạy học giải quyết vấn đề có hiệu quả là: 1) Tuân thủ logic

tiên trình dạy học nêu vấn đề: Tạo tình huống có vấn đề, giải quyết vấn đề, kết luận vấn đề. 2) Phải xây dựng được tình huống có vấn đề thỏa mãn các điều kiện: phải tồn tại dưới hình thức bài toán nhận thức; phải có quan hệ với chủ thể hành động, phải tạo được niềm tin và kích thích được tính tích cực, hứng thú giải quyết vấn đề của chủ thể. 3) Kỹ năng dẫn dắt, điều khiển SV phát hiện và giải quyết tình huống có vấn đề.

VD1: Vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Phần I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930); Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) [1; 35-58]

Bước 1: Đặt vấn đề: Trọng tâm trong bước này là tạo tình huống vấn đề; phân tích tình huống; nhận biết, trình bày vấn đề cần giải quyết. Ở bước này, GV đưa ra vấn đề cần trình bày. Phần lớn các trường hợp là đặt ra cho SV câu hỏi có vấn đề, để kích thích sự chú ý, tư duy của SV. Nội dung câu hỏi có vấn đề, tức là bức xúc, “chọc tức” tư duy, hiểu biết của SV càng nhiều thì giá trị kích thích, nâng cao tính tích cực học tập đối với SV càng cao. Trong câu hỏi đó chứa đựng mâu thuẫn giữa kiến thức cũ và mới, giữa cái đã biết và chưa biết.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3.2.1930) là sự kiện lịch sử cực kỳ trọng đại, một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đánh dấu một mốc son chói lọi trên con đường phát triển của dân tộc ta. Chứng minh sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) là một tất yếu lịch sử khách quan?

Bước 2: Nghiên cứu và giải quyết vấn đề: So sánh với các nhiệm vụ đã giải quyết; Tìm các cách giải quyết mới; Hệ thống hoá, sắp xếp các phương án giải quyết. Trong bước này, giảng viên có thể tiếp tục thuyết trình để giải quyết vấn đề đã nêu ra hoặc có thể tiếp tục nêu những câu hỏi ngắn để dẫn dắt sinh viên trả lời.

Câu 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) là một tất yếu lịch sử khách quan được thể hiện trên các phương diện, khía cạnh cơ bản nào? (1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) là đòi hỏi của thực tiễn lịch sử quốc tế và dân tộc; 2. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) tuân theo quy luật khách quan ra đời của Đảng cộng sản; 3. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) phù hợp với xu thế thời đại và nguyện vọng của nhân dân ...)

Câu 2: Tại sao nói, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) là đòi hỏi của thực tiễn lịch sử quốc tế và dân tộc? Vì:

Bối cảnh quốc tế

- Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu. PTGPDT phát triển rộng khắp đã tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

- Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 và sự ra đời Quốc tế Cộng sản (3/1919) đã cổ vũ và lãnh đạo phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, đặc biệt là nhân dân các nước thuộc địa.

Bối cảnh trong nước

- Năm 1858, Pháp nổ súng xâm lược đất nước Việt Nam và dần thiết lập ách thống trị của chúng tại đất nước ta, đã tạo ra mâu thuẫn gay gắt nhất thời điểm bấy giờ, đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với bộ máy thống trị của Pháp. Các phong trào đấu tranh nhằm giành lại độc lập dân tộc theo khuynh hướng phong kiến và tư sản diễn ra hết sức mãnh liệt, tiêu biểu là: Phong trào Cần Vương (1885-1896), cuộc khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang) (1884), phong trào Đông Du (1904) do Phan Bội Châu đứng đầu, phong trào Duy Tân (1906) do Phan Châu Trinh đứng đầu. Tuy nhiên các phong trào này đều thất bại.

Thất bại của các phong trào trên đã chứng tỏ những giai cấp và hệ tư tưởng cũ không đủ khả năng để lãnh đạo nhân dân đến với sự thành công hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc ở Việt Nam. Cách mạng Việt Nam bắt đầu rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc cả về đường lối thực hiện cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng. Sự thất bại của các phong trào giải phóng dân tộc, đánh đuổi thực dân ra khỏi đất nước ta cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX đã chứng tỏ để hoàn thành nhiệm vụ dân tộc, chúng ta cần đi theo một con đường khác, một con đường mới phù hợp hơn với hoàn cảnh đất nước và hoàn cảnh thế giới lúc bấy giờ. Ngoài ra, cần phải có một giai cấp với đủ tư cách đại biểu cho quyền lợi của dân tộc, của nhân dân, có đủ uy tín và năng lực để lãnh đạo cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ đi đến thành công, hoàn thành sứ mệnh lịch sử của dân tộc. Như vậy, sự ra đời

của Đảng là đòi hỏi khách quan của thực tế lịch sử lúc bấy giờ, không phải tự nhiên mà có, cũng không phải muốn là được.

Câu 2: Tại sao nói, sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) tuân theo quy luật khách quan ra đời của Đảng cộng sản? Vì:

Quy luật ra đời của Đảng Cộng Sản: quy luật ra đời của Đảng Cộng Sản là sự kết hợp phong trào công nhân và Chủ nghĩa Mác – Lênin

Quy luật ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam: Đảng ra đời là quy luật tất yếu của sự vận động phong trào công nhân từ tự phát đến tự giác khi nó được trang bị lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin cùng với sự phát triển mạnh mẽ của phong trào yêu nước Việt Nam. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một quá trình vận động hoàn toàn khách quan, hợp quy luật của lịch sử.

Câu 3: Tại sao nói, sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) phù hợp với xu thế thời đại và nguyện vọng của nhân dân? Vì:

Đảng ra đời đáp ứng được khát vọng lớn lao của toàn thể cần lao, soi đường dẫn lối cho nhân dân ta vững bước tiến lên con đường thắng lợi trong cuộc cách mạng phản đế, phản phong.

Trong quá trình vận động cách mạng, với tôn chỉ mục đích rõ ràng Đảng Cộng sản Việt Nam nhanh chóng giành được vị thế lãnh đạo và được sự ủng hộ rộng rãi của quảng đại quần chúng nhân dân lao động.

Bước 3: Kết luận vấn đề: Phân tích các phương án; Đánh các phương án; Quyết định; Giải quyết. Trong bước này, trên cơ sở những quan điểm vấn đề giảng viên thuyết trình ở trên hoặc sinh viên tham gia trình bày, giảng viên khái quát hóa nội dung để trả lời câu hỏi chính.

Như vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, tồn tại và phát triển là do đòi hỏi của thực tiễn lịch sử quốc tế và dân tộc; tuân theo quy luật khách quan ra đời của Đảng cộng sản; phù hợp với xu thế thời đại và nguyện vọng của nhân dân..., cần có một tổ chức chính trị Đảng Cộng sản lãnh đạo để đánh đổ thực dân phong kiến, xây dựng một xã hội mới, chứ không phải Đảng áp đặt hay đòi hỏi cho mình mà được.

VD2: Vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Mục 2. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành

lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930); Phần I, Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) [1; 49-58]

Bước 1: Đặt vấn đề: Tạo tình huống vấn đề; phân tích tình huống; nhận biết, trình bày vấn đề cần giải quyết. Ở bước này, GV đưa ra vấn đề cần trình bày.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (2/1930), ngoài những tác động của điều kiện khách quan, có vai trò chủ quan to lớn của Nguyễn Ái Quốc. Vậy, Nguyễn Ái Quốc có vai trò to lớn, cơ bản như thế nào đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

Bước 2: Nghiên cứu và giải quyết vấn đề: So sánh với các nhiệm vụ đã giải quyết; Tìm các cách giải quyết mới; Hệ thống hoá, sắp xếp các phương án giải quyết.

Vai trò to lớn, cơ bản như thế nào đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam được tập trung thể hiện trên các vấn đề cơ bản sau?

** Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam - Con đường Cách mạng vô sản.*

Trong 10 năm (1911 - 1920) thâm nhập thực tiễn rộng lớn đã giúp Nguyễn Ái Quốc yêu nước nhận thức rõ hơn về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân. Bắt gặp lý tưởng của Chủ nghĩa Mác - Lênin: Người đã tìm thấy con đường cứu nước giải phóng cho dân tộc - con đường cách mạng vô sản; nhận thấy sự cần thiết, tất yếu khách quan của việc thành lập Đảng cộng sản.

** Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng.*

- *Về tư tưởng:*

+ Thành lập Hội liên hiệp thuộc địa (1921), sáng lập tờ báo *Người cùng khổ*, viết nhiều bài báo đăng trên các tờ báo khác nhau.

+ Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương (1922). Vừa nghiên cứu lý luận, vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, dưới nhiều phương thức phong phú.

- *Về chính trị:*

+ Xác định nhiệm vụ của CMGPDT: Người khẳng định rằng, con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là *giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản.

+ Xác định mối quan hệ của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc

địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; xác định mối quan hệ chặt chẽ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở “chính quốc”.

+ Xác định vai trò của GCND đối với CM: phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cách mạng.

+ Xác định vai trò của Đảng Cộng sản, Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh.

- *Về tổ chức:*

+ Sau khi lựa chọn con đường cứu nước Nguyễn Ái Quốc xúc tiến các công việc tổ chức thành lập chính đảng Cộng sản. Tháng 2-1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong *Tâm tâm xã*, lập ra nhóm *Cộng sản đoàn*

+ Tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên* tại Quảng Châu (Trung Quốc), nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội xuất bản tờ báo *Thanh niên*; tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, phái người về nước vận động, lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị; xuất bản sách *Đường Cách mệnh*.

* *Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản.*

- Cuối năm 1929, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ dẫn tới sự ra đời của ba tổ chức cộng sản. Tuy nhiên, sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều nhận là đảng cách mạng chân chính, do đó không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức.

- Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, Nguyễn Ái Quốc đã chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất để lập ra Đảng Cộng Sản Việt Nam (từ ngày 06/01/1930 đến ngày 07/02/1930).

* *Người đã soạn thảo và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.*

- Cương lĩnh đã xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam với nhiều nội dung rất quan trọng: mục tiêu của cách mạng, nhiệm vụ cách mạng, lực lượng cách mạng, phương pháp tiến hành cách mạng, quan hệ quốc tế, vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam. Từ đó, đã xác định đường lối chiến lược và sách của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp, nhiệm vụ và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

Bước 3: Kết luận vấn đề: Trong bước này, trên cơ sở những quan điểm vấn đề giảng viên thuyết trình ở trên hoặc sinh viên tham gia trình bày, giảng viên khái quát hóa nội dung để trả lời câu hỏi chính.

Nguyễn Ái Quốc có vai trò to lớn, cơ bản đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, điều đó được tập trung thể hiện: *1. Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam - Con đường Cách mạng vô sản; 2. Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng; 3. Chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản; 4. Soạn thảo và thông qua Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.*

VD3: Vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [1; 49-58]

Bước 1: Đặt vấn đề: Tạo tình huống vấn đề; phân tích tình huống; nhận biết, trình bày vấn đề cần giải quyết. Ở bước này, GV đưa ra vấn đề cần trình bày.

Sau khi nghiên cứu, học tập Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn (1946-1954); theo Anh (Chị), sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng được tập trung thể hiện như thế nào?

Bước 2: Nghiên cứu và giải quyết vấn đề: So sánh với các nhiệm vụ đã giải quyết; Tìm các cách giải quyết mới; Hệ thống hoá, sắp xếp các phương án giải quyết.

- Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn (1946-1954) được thể hiện ở những nội dung cơ bản nào?

- Sự lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn (1946-1954) được thể hiện trong các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết và các văn bản khác như thế nào?

- Nội dung tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Đảng ta thể hiện trong các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết và các văn bản khác như thế nào?

Bước 3: Kết luận vấn đề: Trong bước này, trên cơ sở những quan điểm vấn

đề giảng viên thuyết trình ở trên hoặc sinh viên tham gia trình bày, giảng viên khái quát hóa nội dung để trả lời câu hỏi chính: Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược giai đoạn (1946-1954) được thể hiện ở những nội dung cơ bản nào?

VD4: Vận dụng phương pháp giải quyết vấn đề trong dạy học Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [1; 49-58]

Bước 1: Đặt vấn đề: Tạo tình huống vấn đề; phân tích tình huống; nhận biết, trình bày vấn đề cần giải quyết. Ở bước này, GV đưa ra vấn đề cần trình bày.

Sau khi nghiên cứu, học tập Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giai đoạn (1954-1975); theo Anh (Chị), sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng được tập trung thể hiện như thế nào?

Bước 2: Nghiên cứu và giải quyết vấn đề: So sánh với các nhiệm vụ đã giải quyết; Tìm các cách giải quyết mới; Hệ thống hoá, sắp xếp các phương án giải quyết.

- Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giai đoạn (1954-1975) được thể hiện ở những nội dung cơ bản nào?

- Sự lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giai đoạn (1954-1975) được thể hiện trong các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết và các văn bản khác như thế nào?

- Nội dung tư tưởng chỉ đạo cơ bản của Đảng ta thể hiện trong các Văn kiện, Chỉ thị, Nghị quyết và các văn bản khác như thế nào?

Bước 3: Kết luận vấn đề: Trong bước này, trên cơ sở những quan điểm vấn đề giảng viên thuyết trình ở trên hoặc sinh viên tham gia trình bày, giảng viên khái quát hóa nội dung để trả lời câu hỏi chính: Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược giai đoạn (1954-1975) được thể hiện ở những nội dung cơ bản nào?

d) Vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học học phần

Phương pháp nghiên cứu trường hợp là phương pháp dạy học, trong đó SV tự lực nghiên cứu một tình huống trong thực tiễn và giải quyết các vấn đề của tình huống đặt ra. Trọng tâm của phương pháp nghiên cứu trường hợp là việc phân tích và giải quyết các vấn đề của một trường hợp (tình huống) được lựa chọn trong

thực tiễn.

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần có nội dung gắn bó chặt chẽ với thực tiễn sinh động đang đổi thay hàng ngày. Trong thực tiễn dạy học hiện nay, dạy học giải quyết vấn đề thường chú ý đến những vấn đề khoa học chuyên môn mà ít chú ý hơn đến các vấn đề gắn với thực tiễn. Tuy nhiên, nếu chỉ chú trọng việc giải quyết các vấn đề nhận thức trong khoa học chuyên môn thì SV vẫn chưa được chuẩn bị tốt cho việc giải quyết các tình huống thực tiễn. Vì vậy, bên cạnh dạy học giải quyết vấn đề, lý luận dạy học còn xây dựng quan điểm dạy học theo tình huống, nghiên cứu trường hợp. Vì vậy, vận dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học học phần là rất phù hợp. Trường hợp tốt là phương tiện chuyển tải một mảng thực tế vào phòng để SV và GV cùng học. Những trường hợp như vậy có tác dụng rất lớn, sử dụng thực tiễn để tích cực hóa hoạt động học tập của SV. Giá trị tích cực của phương pháp nghiên cứu trường hợp là phương pháp dạy học có giá trị trong việc kích thích, nâng cao tính tích cực học tập của SV, tích cực hóa động cơ SV; tạo điều kiện cho việc xây dựng tình huống nhằm gắn lý thuyết với thực tiễn; tạo điều kiện cho SV thảo luận nhóm và cộng tác làm việc; phát triển các năng lực then chốt chung như năng lực quyết định, năng lực giải quyết vấn đề, tính sáng tạo của SV; góp phần thực hiện một trong các mục tiêu then chốt của học phần gắn lý thuyết với thực hành, thực hành hóa lý thuyết học phần.

Điều kiện của dạy học theo phương pháp nghiên cứu trường hợp có hiệu quả là: 1) Tuân thủ logic tiến trình phương pháp nghiên cứu trường hợp: Tìm các trường hợp giả định hay thực tế có liên quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài giảng; GV định hướng cho SV nghiên cứu, giải quyết trường hợp. 2) Phải huy động, động viên, khuyến khích được tối đa SV tham gia giải quyết trường hợp. 3) Coi trọng vai trò của người điều khiển và cách dẫn dắt buổi giải quyết trường hợp. Nếu không điều khiển và cách dẫn dắt tốt, có thể có những thành viên “quá tích cực”, số khác thụ động.

Sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có thể theo các bước:

Bước 1: Tìm các trường hợp giả định hay thực tế có liên quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài giảng.

Bước 2: Giảng viên định hướng cho SV nghiên cứu, giải quyết trường hợp. Sau đó GV kết luận, chốt lại kiến thức của bài.

Ví dụ 1: Khi dạy Chương 1, Phần II, “Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền”; mục 4) “Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945” [1; tr.119-125]; giảng viên có thể sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học nội dung này theo các bước như sau:

Bước 1: Tìm các trường hợp giả định hay thực tế có liên quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài giảng.

Dựa vào nội dung C Chương 1, Phần II, “Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền”; mục 4) “Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945”, giảng viên có thể đưa ra trường hợp: Khi nghiên cứu về Cách mạng Tháng Tám năm 1945 có quan điểm cho rằng “Cách mạng Tháng Tám là thứ quả ngọt trời cho”, hoặc “là sự ăn may, ngẫu nhiên của lịch sử!”...; diễn ra trong bối cảnh xuất hiện “khoảng trống quyền lực”; “những người làm cách mạng chỉ tiến công vào một cánh cửa chính trị khép hờ...tạo ra chứ không phải là do sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương”

1/ Anh (chị) cho biết cơ sở lịch sử của quan điểm: “Cách mạng Tháng Tám là thứ quả ngọt trời cho”, hoặc “là sự ăn may, ngẫu nhiên của lịch sử!”...; diễn ra trong bối cảnh xuất hiện “khoảng trống quyền lực”; “những người làm cách mạng chỉ tiến công vào một cánh cửa chính trị khép hờ.

2/ Anh (chị) cho biết ý kiến của mình trước quan điểm trên? Nếu nhất trí hoặc không nhất trí với khẳng định trên, thì lý do Anh (Chị) đưa ra là gì?

3/. Anh (chị) cho biết nội dung tư tưởng cơ bản của đoạn trích dẫn dưới đây: "William J. Duiker, một nhà sử học Mỹ có khá nhiều nghiên cứu về Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tách biệt rõ những “hoàn cảnh ngẫu nhiên” thuận lợi cho Cách mạng Tháng Tám với nhân tố chủ quan đóng vai trò quyết định thuộc về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. William J. Duiker cho rằng: “Nhưng chỉ riêng các điều kiện khách quan thì không làm nên một cuộc cách mạng, và ở đây công lao thuộc về những người Cộng sản. Họ đã có thể chớp lấy thời cơ được mở ra vô cùng thuận lợi vào lúc kết thúc cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Ở các xứ thuộc địa khác, khoảng trống ấy (tức thời cơ - TG) có thể được

lấp đầy bởi lực lượng dân tộc chủ nghĩa không Cộng sản. Nhưng ở Việt Nam, các phần tử dân tộc chủ nghĩa đã không thể đứng lên chấp nhận thách thức (...). Chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương sở hữu ý thức về sự kịp thời và thấu hiểu được sự tinh tế có tính chiến lược của hoàn cảnh để vùng lên đúng lúc. Điểm cuối cùng này mới là quan trọng” [19; tr.100-101].

4/. Là giáo viên trong tương lai, Anh (chị) có thể đưa ra ý kiến, sáng kiến gì để thế hệ trẻ hiện nay hiểu đúng giá trị lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, không thể “nhầm lẫn” hoặc cố tình đánh tráo khái niệm “nghệ thuật chớp thời cơ” tài tình của Đảng ta với “sự ăn may của lịch sử”?

Bước 2: Giảng viên định hướng cho sinh viên nghiên cứu, giải quyết trường hợp. Sau đó giảng viên kết luận, chốt lại kiến thức của bài.

Ở bước này, giảng viên giúp sinh viên nhớ lại những kiến thức đã có liên quan đến nội dung trường hợp, đồng thời tích hợp với những kiến thức bản thân để giải quyết trường hợp. Chẳng hạn, với ví dụ trên ta có thể làm như sau:

1/. Dựa trên giáo trình môn học và gợi mở, hướng dẫn của giảng viên, sinh viên từng bước tìm ra cơ sở lịch sử của quan điểm: “Cách mạng Tháng Tám là thứ quả ngọt trời cho” (?!), hoặc “là sự ăn may, ngẫu nhiên của lịch sử!” (?!)...; diễn ra trong bối cảnh xuất hiện “khoảng trống quyền lực”; "những người làm cách mạng chỉ tiến công vào một cánh cửa chính trị khép hờ (?!)"...?

2/. Giảng viên gợi mở, hướng dẫn sinh viên từng bước cho biết ý kiến của mình trước quan điểm trên? Nếu nhất trí hoặc không nhất trí với khẳng định trên, thì lý do Anh (Chị) đưa ra là gì?

3/. Giảng viên gợi mở, hướng dẫn để sinh viên cho biết nội dung tư tưởng cơ bản của đoạn trích dẫn dưới đây: "William J. Duiker, một nhà sử học Mỹ có khá nhiều nghiên cứu về Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tách biệt rõ những “hoàn cảnh ngẫu nhiên” thuận lợi cho Cách mạng Tháng Tám với nhân tố chủ quan đóng vai trò quyết định thuộc về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương. William J. Duiker cho rằng: “Nhưng chỉ riêng các điều kiện khách quan thì không làm nên một cuộc cách mạng, và ở đây công lao thuộc về những người Cộng sản. Họ đã có thể chớp lấy thời cơ được mở ra vô cùng thuận lợi vào lúc kết thúc cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương. Ở các xứ thuộc địa khác, khoảng trống

ấy (tức thời cơ - TG) có thể được lấp đầy bởi lực lượng dân tộc chủ nghĩa không Cộng sản. Nhưng ở Việt Nam, các phần tử dân tộc chủ nghĩa đã không thể đứng lên chấp nhận thách thức (...). Chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương sở hữu ý thức về sự kịp thời và thấu hiểu được sự tinh tế có tính chiến lược của hoàn cảnh đề vung lên đúng lúc. Điểm cuối cùng này mới là quan trọng”[19; tr.100-101].

4/ Giảng viên gợi mở, hướng dẫn sinh viên từng bước đưa ra ý kiến, sáng kiến gì để thế hệ trẻ hiện nay hiểu đúng giá trị lịch sử của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, không thể “nhầm lẫn” hoặc cố tình đánh tráo khái niệm “nghệ thuật chớp thời cơ” tài tình của Đảng ta với “sự ăn may của lịch sử”?

Ví dụ 2: Khi dạy Chương 3, Phần II, “Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)”;
mục 1) “Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội 1986-1996” [1; tr.260-272]; giảng viên có thể sử dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp trong dạy học nội dung này theo các bước như sau:

Bước 1: Tìm các trường hợp giả định hay thực tế có liên quan phù hợp với mục tiêu, nội dung bài giảng.

Việc tìm các trường hợp này có thể thông qua sách, báo, website, liên hệ tri thức lý luận với thực tiễn... Trường hợp có thể được trình bày dưới dạng viết, một đoạn phim, một mẫu kịch ngắn, nhưng thông dụng nhất là dạng viết.

Dựa vào nội dung Chương 3, Phần II, “Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)”;
mục 1) “Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội 1986-1996” [1; tr.260-272], giảng viên có thể đưa ra trường hợp: Đại hội VI đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986. Đại hội nhấn mạnh “Những sai lầm nói trên là sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện”¹.

1/ Anh (chị) cho biết "những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện" mà Đảng ta nhắc đến cơ bản ở đây là gì?

2/ Anh (chị) cho biết ý kiến của mình trước khẳng định trên của Đảng? Nếu

nhất trí hoặc không nhất trí với khẳng định trên, thì lý do Anh (Chị) đưa ra là gì?

3/. Anh (chị) có thể đưa ra ý kiến, sáng kiến gì để Đảng ta không lặp lại "những sai lầm nghiêm trọng" trên đây trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế hiện nay?

Bước 2: Giảng viên định hướng cho sinh viên nghiên cứu, giải quyết trường hợp. Sau đó giảng viên kết luận, chốt lại kiến thức của bài.

Ở bước này, giảng viên giúp sinh viên nhớ lại những kiến thức đã có liên quan đến nội dung trường hợp, đồng thời tích hợp với những kiến thức bản thân để giải quyết trường hợp. Chẳng hạn, với ví dụ trên ta có thể làm như sau:

1/. Dựa trên giáo trình môn học và gợi mở, hướng dẫn của giảng viên, sinh viên từng bước tìm ra "những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện" mà Đảng ta nhắc đến cơ bản ở đây là gì?

2/. Giảng viên gợi mở, hướng dẫn sinh viên từng bước tìm ra các nguyên nhân cơ bản, cốt lõi dẫn đến "những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện" của Đảng?

3/ Từ những biểu hiện và nguyên nhân cơ bản dẫn đến "những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược và về tổ chức thực hiện" của Đảng đã tìm được, giảng viên gợi mở, hướng dẫn để sinh viên cho biết ý kiến của mình (nhất trí hoặc không nhất trí) trước khẳng định trên?;

4/. Giảng viên gợi mở, hướng dẫn để sinh viên có thể đưa ra ý kiến, kiến nghị, sáng kiến đóng góp để Đảng ta không lặp lại "những sai lầm nghiêm trọng" trên đây trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập quốc tế hiện nay? Đây chính là những giải pháp giảng viên cần gợi mở để sinh viên đưa ra cách thức và quan điểm xử lý trường hợp trên.

đ) Vận dụng tri thức liên ngành trong dạy học học phần

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, chính trị. Nó có mối liên hệ hữu cơ với các khoa học khác như Triết học Mác- Lênin, Kinh tế chính trị Mác- Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tư tưởng Hồ Chí Minh, Văn học, Lịch sử... Do đó, cần vận dụng tri thức liên ngành làm "mềm hóa" kiến thức, tăng mức độ tin cậy, chính xác của các quan điểm trình bày; làm cho văn phong trình bày thêm biến hóa, linh hoạt; tạo nên sự

hấp dẫn, tập trung chú ý, chủ động, sáng tạo, hào hứng, thoải mái, hưng phấn trong học tập. Quy trình vận dụng tri thức liên ngành trong dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cần triển khai theo các bước:

Bước 1: Xác định, lựa chọn nội dung cần vận dụng tri thức liên ngành.

Bước 2: Sắp xếp tri thức liên ngành được lựa chọn phù hợp với nội dung kiến thức để hướng SV nghiên cứu, tìm hiểu.

Bước 3: Thực hiện sự kết nối tri thức liên ngành với nội dung bài giảng, kết hợp với phân tích, bình luận, khái quát vấn đề.

Ví dụ 1: Khi dạy học Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) [1, tr. 36-70], để giới thiệu về Hội nghị thành lập Đảng, làm mềm hóa và tăng sức hấp dẫn với người học:

Bước 1: Xác định, lựa chọn nội dung cần vận dụng tri thức liên ngành: Hội nghị thành lập Đảng

Bước 2: Sắp xếp tri thức liên ngành được lựa chọn phù hợp với nội dung kiến thức để hướng SV nghiên cứu, tìm hiểu: Bối cảnh dân tộc Việt Nam, thời gian, địa điểm diễn ra Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam từ ngày 03-07/02/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Bước 3: Thực hiện sự kết nối tri thức liên ngành với nội dung bài giảng, kết hợp với phân tích, bình luận, khái quát vấn đề:

- Bối cảnh dân tộc Việt Nam, thời gian, địa điểm diễn ra Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam từ ngày 03-07/02/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), GV có thể đưa ra những trích đoạn:

“Quê hương từng mảnh phân chia/Hàng ngàn thủ cấp đầm đìa máu tuôn/Gióng Rồng Tiên một cội nguồn/Cành luôn liền gốc, lá luôn liền cành/Gốc bền vững, lá tươi xanh/Trước cơn giông bão, lá - cành xác xơ/Một cơ hội, một thời cơ/Lá xanh phát triển, cành tơ hình thành/Đảng Cộng sản được khai sinh/Giờ tổng khởi nghĩa liệt oanh khởi đầu” [17];

“Người thực hiện chủ trương quốc tế/Quyết ngăn ngừa chia rẽ bên trong/Người triệu tập về ngay Hương Cảng/Giữa Cửu Long các Đảng họp bàn/Lập nên Cộng sản Việt Nam/Vạch ra đường lối, chính cương rõ ràng/Muôn lòng một

cung đàn hợp tấu/ Năm ba mươi ghi dấu sơn hà/Tháng hai nắng hừng mừng ba/Từ trong gian khổ Đảng ta ra đời” [15];

“Năm hai mươi của thế kỷ hai mươi/Tôi sinh ra nhưng chưa được làm người/Nước đã mất, cha đã làm nô lệ/Ôi những ngày xưa mưa xứ Huế, mưa sao buồn vậy hỡi mưa rơi!/?Ngẩng đầu lên không thấy mặt trời/Đất lai láng những là nước mắt... Từ vô vọng mênh mông đêm tối/Người đã đến chói chang nắng đội/Trong lòng tôi ôi Đảng thân yêu” [35];

“Nhu đứa trẻ sinh nằm trên cỏ/Không quê hương, sương gió toi bời/Đảng ta sinh ở trên đời/Một hòn máu đỏ nên Người hôm nay”².

- Người chủ trì: Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam từ ngày 03-07/02/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), GV có thể đưa ra những trích đoạn: “Đừng dẹt nhé chuyện thần kỳ về Bác/Chữ thần kỳ Bác riêng tặng nhân dân/Đảng ta lập ra gian khổ muôn phần/Lập ra Đảng là một người giản dị/ Người nguyện sống trọn cuộc đời chiến sĩ/Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra” [16].

Ví dụ 2: Khi dạy học Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) [1, tr. 36-70], để giới thiệu về Cách mạng Tháng Tám năm 1945, làm mềm hóa và tăng sức hấp dẫn với người học:

Bước 1: Xác định, lựa chọn nội dung cần vận dụng tri thức liên ngành: Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Bước 2: Sắp xếp tri thức liên ngành được lựa chọn phù hợp với nội dung kiến thức để hướng SV nghiên cứu, tìm hiểu: Ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Bước 3: Thực hiện sự kết nối tri thức liên ngành với nội dung bài giảng, kết hợp với phân tích, bình luận, khái quát vấn đề:

- Trong bài Đất nước - Nhà thơ Nguyễn Đình Thi viết: “Súng nổ rung người giận dữ/Người lên như nước vỡ bờ/Nước Việt Nam từ máu lửa/Rũ bùn đứng dậy sáng lòa” [24];

- Trong bài Huế tháng Tám - Nhà thơ Tố Hữu viết: “Gió ơi gió! Hãy làm giông làm tố/Cuốn tung lên cờ đỏ máu thơm tươi/Vàng vàng bay, đẹp quá, sao sao ơi/Ta ngã vật trong dòng người cuộn thác...”; “Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy/ Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi! Hãy bay lên sông núi của ta ơi/Nước mắt ta

trào húp mí tràn môi/Cổ ta ré trảm trận cười, trận khóc/Ta ôm nhau, hôn nhau từng mái tóc/Hả hê chưa, ai bịt được mồm ta/Ta hét huyên thuyên, ta chạy khắp nhà/Ai dám cấm ta say, say thần thánh/Ngực lép bốn nghìn năm, trưa nay cơn gió mạnh/Thổi phồng lên. Tim bỗng hóa mặt trời/Có con chim nào trong tóc nhảy nhót hót chơi/Nó hót cái gì vui vui nghe thiệt ngộ” [25].

- Trong bài Theo chân Bác - Nhà thơ Tố Hữu viết: “Hôm nay sáng mừng hai tháng Chín/ Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình/ Muôn triệu tim chờ, chim cũng nín/ Bỗng vang lên tiếng hát ân tình/Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.../Người đứng trên đài lặng phút giây/Trông đàn con đó vẫy hai tay/Cao cao vàng trán ngời đôi mắt/Độc lập bây giờ mới thấy đây”; "Việt Nam, ta lại gọi tên mình/Hạnh phúc nào hơn được tái sinh/Mát dạ ông cha nghìn thuở trước/Cho đời, hai tiếng mới quang vinh!" [26].

- Trong bài Vui bất tuyệt - Nhà thơ Tố Hữu viết: "Biển sóng trào lên thành đại hội/Muôn màu vũ trụ kết hoa đăng/ Xôn xao mặt đất, trắng là trăng/Chảy xiết ngân hà, muôn sao vàng rực/ Màu trời đỏ huyên kỳ mọc lên, ôi náo nức/ Nhạc nhân gian cuồn cuộn bốc hồng trần/ Ta đi đây là trăm vạn thiên thần/Chiều chiến thắng phá tan quân quỷ sứ/ Ta đi dưới bốn ngàn năm lịch sử/Đêm nay tràn hoa đỏ nhụy vàng tươi/ Ta đi đây của thế kỷ hai mươi/ Mạch suối trẻ trong lòng người vô địch" [27].

Ví dụ 3: Khi dạy học Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975) [1, tr. 127-235], để giới thiệu về Chiến thắng chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ xâm lược, làm mềm hóa và tăng sức hấp dẫn với người học:

Bước 1: Xác định, lựa chọn nội dung cần vận dụng tri thức liên ngành: Chiến thắng chống thực dân Pháp 1954, chống đế quốc Mỹ xâm lược 1975

Bước 2: Sắp xếp tri thức liên ngành được lựa chọn phù hợp với nội dung kiến thức để hướng SV nghiên cứu, tìm hiểu: Chiến thắng chống thực dân Pháp 1954, chống đế quốc Mỹ xâm lược 1975

Bước 3: Thực hiện sự kết nối tri thức liên ngành với nội dung bài giảng, kết hợp với phân tích, bình luận, khái quát vấn đề:

- Trong bài Đất nước, Nhà thơ Nguyễn Đình Thi viết: "Súng nổ rung trời giận dữ/ Người lên như nước vỡ bờ/Nước Việt Nam từ máu lửa/Rũ bùn đứng dậy sáng lòa"[28].

- Trong bài "Nghĩ về thơ", Chế Lan Viên viết: "Phải đặt kẻ trồng hoa sau người trồng lúa/ Đặt tất cả" những bài thơ thiên tài về Điện Biên sau "những Điện Biên". Ôi kháng chiến mười năm qua như ngọn lửa/Nghìn năm sau còn đủ sức soi đường ..." [29].

- Trong bài Hoan hô chiến sĩ Điện Biên- Nhà thơ Tố Hữu viết: "Hoan hô chiến sĩ Điện Biên/Chiến sĩ anh hùng/Đầu nung lửa sắt/Năm mươi sáu ngày đêm, khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt/Máu trộn bùn non Gan không núngChí không mòn!/Những đồng chí, thân chôn làm giá súng/Đầu bịt lỗ châu mai/Băng mình qua núi thép gai/Ào ào vũ bão, Những đồng chí chèn lưng cứu pháo/Nát thân, nhắm mắt, còn ôm./Những bàn tay xẻ núi, lặn bom/Nhất định mở đường cho xe ta lên chiến trường tiếp viện./Và những chị, những anh, ngày đêm ra tiền tuyến/Mấy tầng mây, gió lớn mưa to/Dốc Pha Đin, chị gánh anh thồ/Đèo Lũng Lô, anh hò chị hát/Dù bom đạn, xương tan thịt nát/Không sờn lòng, không tiếc tuổi xanh./Hỡi các chị, các anh" [30].

- Mười năm sau chiến thắng Điện Biên phủ, ngày 12-11-1964, trên báo Nhân dân số 3878, với bút danh "Chiến sĩ", Bác viết bài văn Uy danh lừng lẫy khắp năm châu, trong đó có bốn câu thơ Bác nói về Uy danh của Điện Biên phủ và dự báo sự thất bại của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam: "*Uy danh lừng lẫy khắp năm châu/Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu/Thành đồng trồng thắng lay Lầu trắng/Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu*" [31].

- Trong bài Chào xuân 67 - Nhà thơ Tố Hữu viết: "Và ở đâu? Trên trái đất này/Người vẫn ngọt ngào qua muôn nỗi đắng cay/Sống chết từng giây, mưa bom bão đạn/Lòng nóng bỏng căm thù vẫn mát tươi tình bạn./Việt Nam, ôi Tổ quốc thương yêu!/Trong khổ đau, Người đẹp hơn nhiều/Như bà mẹ sớm chiều gánh nặng/Nhẫn nại nuôi con, suốt đời im lặng.../Biết hy sinh nên chẳng nhiều lời/Gì quý hơn giá trị con người?/Ta hiểu vì sao ta chiến đấu/Ta hiểu vì ai ta hiến máu./Mác – Lê-nin, vĩnh viễn mặt trời/Giữa mây đục, càng sáng ngời chân lý"[32].

- Trong bài Dáng đứng Việt Nam - Nhà thơ Lê Anh Xuân viết: "Anh ngã xuống đường băng Tân Sơn Nhứt/Nhung Anh gượng đứng lên tì súng trên xác trực thăng/Và Anh chết trong khi đang đứng bắn/Máu Anh phun theo lửa đạn cầu vồng... Anh là chiến sỹ Giải phóng quân./Tên Anh đã thành tên đất nước/...Từ dáng đứng của Anh giữa đường băng Tân Sơn Nhứt/Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân"³[33]

- Trong bài Toàn thắng về ta - Nhà thơ Tố Hữu viết: "Lịch sử sang xuân. Anh vào trận cuối cùng/Đại lộ Hồ Chí Minh, thác réo, quân đi cuộn cuộn./Anh đánh như sét nổ, trời rung/Anh chuyển như lũ dồn, bão cuốn.../Chặt Buôn Mê Thuật, rụng cả Tây Nguyên/Quét Huế - Thừa Thiên, đổ nhào Đà Nẵng./Và Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên/Và Phan Thiết, Phan Rang, Đà Lạt, Nha Trang, lũ nguy cuồng cuồng, rũ rượi một màu tang cờ trắng./Đường tiến quân ào ào chiến thắng./Phía trước chờ Anh, người mẹ mong con./Pháo hãy gầm lên, đỏ nòng bắn thẳng/Rộn rục xe tăng chồm tới Sài Gòn! Ôi, buổi trưa nay, tuyệt trần nắng đẹp/Bác Hồ ơi! Toàn thắng về ta/Chúng con đến, xanh ngời ánh thép/Thành phố tên Người lộng lẫy cờ hoa" [34]....

2.1.5. Nâng cao tính tự giác, tinh thần tự học; coi trọng việc hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Tự học, tự nghiên cứu có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học đại học của SV, nhằm phát huy tính tự giác học và nghiên cứu của họ, tự học giúp cho SV rèn luyện khả năng tư duy và sáng tạo của cá nhân. Tự học, tự nghiên cứu là cốt lõi của học tập, nghiên cứu; là một mục tiêu quan trọng; là bản chất, động lực nội lực quyết định chất lượng dạy học, nghiên cứu khoa học chỉ là ngoại lực, là tác nhân, hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo cho SV tự học; vấn đề quan trọng cơ bản nhất không phải là dạy của SV, mà là học tập, nghiên cứu của SV; hơn nữa, xét về thời gian việc học cơ bản diễn ra không phải bên trong mà là bên ngoài lớp học. Bản chất của việc dạy học nói chung và dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nói riêng, cũng như thực tiễn dạy học hiện nay, quy định hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu thành một mục tiêu quan trọng. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có tri thức khá trừu tượng, phong phú, sinh động. Nhiều nội dung tri thức học phần, SV tự mình khó có thể tự học, tự nghiên cứu hiệu quả nếu không có hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu của SV. Hiện nay, các trường đại học đang triển khai đào tạo học phần theo học chế tín chỉ, quá trình dạy học được rút ngắn thời gian trên lớp, tăng thời gian tự học của SV, trong khi đó, ở khả năng, năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV là rất hạn chế; SV ít có

được sự hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu phù hợp giúp họ sử dụng tối ưu hóa cơ hội học tập đến với họ. Tự học, tự nghiên cứu là yếu tố quyết định chất lượng học tập, chất lượng đào tạo, là con đường tối ưu giúp SV chinh phục con đường học vấn và sự hiểu biết vốn tri thức của nhân loại. Tự học không những giúp SV đào sâu, nắm vững kiến thức đã học trên lớp; mở rộng, cập nhật những kiến thức mới; mà còn giúp SV hình thành kỹ năng học tập; bồi dưỡng hứng thú học tập; đặc biệt tự học là công cụ giúp SV học tập suốt đời. Từ đó cho thấy, tự học, tự nghiên cứu của SV và hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu cho SV là rất cần thiết, quan trọng. Vì vậy, phải coi trọng tự học, tự nghiên cứu và tiến hành đổi mới phương pháp dạy học, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực tự học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của SV.

* Tự học, tự nghiên cứu có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào việc dạy tự học của GV. Để nâng cao chất lượng giảng dạy Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, GV cần:

- Giúp SV hiểu được: vị trí vai trò và ý nghĩa của tự học, các hoạt động tự học, cũng như các yêu cầu của việc tự học đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong buổi đầu khi giới thiệu học phần đồng thời cần chuyển cho SV đề cương chi tiết học phần để SV tiện theo dõi.

- Xác định rõ đâu là nội dung sẽ giảng trên lớp và đâu là những nội dung SV phải tự nghiên cứu thêm ở từng bài học, chương học và của cả học phần. Từ đó thông báo với SV một cách cụ thể, rõ ràng về các nhiệm vụ tự học. Chẳng hạn, trên lớp GV chỉ nên tập trung đi phân tích nội dung đường lối của Đảng còn phần kết quả, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm nên giao cho SV tự học.

- Có những quy định cụ thể, rõ ràng về cách thức đánh giá kết quả tự học của SV. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của SV; sử dụng kết quả đánh giá việc tự học của SV vào đánh giá điểm quá trình học phần

- Khởi gợi các nội dung tự học mà SV quan tâm, yêu thích; Động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời những SV học tập và tự học tốt, tạo nên phong trào thi đua học tập, tự học trong lớp học... Khích lệ SV phát triển bền vững động cơ đã có và lôi cuốn SV biết hoàn thiện các động cơ học tập và tự học của mình.

- Giúp đỡ SV giải quyết các khó khăn nảy sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ tự học; Hướng dẫn SV đọc sách và tài liệu trong hoạt động tự học; Dạy SV cách nghe giảng và ghi chép theo tinh thần tự học ...

* Giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là tài liệu “hạt nhân”, là nguồn kiến thức chính, chủ đạo, là sự triển khai và phát triển chương trình trong quá trình dạy học học phần. Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu là định hướng, dẫn dắt, gợi mở của SV để SV tự giác, chủ động, độc lập, tự mình phát huy các phẩm chất, năng lực trí tuệ và hành động, sức mạnh trí tuệ và cơ bắp trong học tập, nghiên cứu để chiếm lĩnh tri thức của nhân loại, phát triển và hoàn thiện các năng lực, phẩm chất của cá nhân. Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu, có nhiều cách thức: Hướng dẫn cách lập kế hoạch tự học; cách tự xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, biện pháp học tập; cách nghe, cách ghi, cách nhớ nội dung dạy học; cách nghiên cứu giáo trình; cách khai thác, lựa chọn tài liệu học tập và huy động các nguồn lực phục vụ cho quá trình tự học, tự nghiên cứu... Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu cần triển khai theo hướng: Lựa chọn nội dung; xác định loại hình; thiết kế và thực hiện nội dung dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu.

Hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cho SV là đưa ra những định hướng, dẫn dắt, gợi mở để SV nghiên ngẫm, suy xét, nghiên cứu, tìm ra phương pháp, cách thức, kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cơ bản, cần thiết để khai thác, phát huy, giá trị, hiệu quả của giáo trình học phần. Quy trình thực hiện hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam:

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong giáo trình học phần có những vấn đề SV có thể tự học, tự nghiên cứu được; có những vấn đề SV không hoặc khó tự học, tự nghiên cứu được. Vì vậy, khâu đầu tiên của hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình học phần là phải xác định, nghiên cứu, tìm hiểu lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Căn cứ vào nội dung trong giáo trình; đối tượng, trình độ, tư duy SV; năng lực GV, xác định, lựa chọn loại hình thức hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình cho phù hợp.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Ví dụ 1: Thực hiện hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nội dung " Quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam tìm tòi đường lối đổi mới nước (1975 - 1986)", Phần I. Lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986), Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-đến), [1; tr.238-260] trong giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; GV làm như sau:

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam tìm tòi đường lối đổi mới nước (1975 - 1986).

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Căn cứ vào nội dung trong giáo trình; đối tượng, trình độ, tư duy SV; năng lực GV, xác định, lựa chọn loại hình thức hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình cho phù hợp: Loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình nội dung "Quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam tìm tòi đường lối đổi mới nước (1975 - 1986)" theo hình thức đặt câu hỏi.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ trang 238-260, xác định trong quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam tìm tòi đường lối đổi mới nước giai đoạn (1975 - 1986), có bao nhiêu bước đột phá đổi mới kinh tế?

- Nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ trang 238-260, kể tên các bước đột phá đổi mới kinh tế trong quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam tìm tòi đường lối đổi mới nước giai đoạn (1975 - 1986)?

- Nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ trang 238-260, xác định các Văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết gắn với thời gian thực hiện các bước đột phá đổi mới kinh tế của Đảng ta trong giai đoạn (1975 - 1986)?

- Nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ trang 238-260, xác định nội dung cơ bản của các Văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết gắn với thời gian thực hiện các bước đột phá đổi mới kinh tế của Đảng ta trong

giai đoạn (1975 - 1986)?

- Nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ trang 238-260, phân tích tiến trình và nội dung cơ bản thể hiện các bước đột phá đổi mới kinh tế của Đảng ta trong quá trình tìm tòi đường lối đổi mới nước giai đoạn (1975 - 1986)?

Ví dụ 2: Thực hiện hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu nội dung "Đường lối đổi mới trên lĩnh vực văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay", Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-đến), [1; tr.237-407] trong giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; GV làm như sau:

Bước 1: Lựa chọn nội dung cần hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Đường lối đổi mới trên lĩnh vực văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay.

Bước 2: Xác định loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình. Căn cứ vào nội dung trong giáo trình; đối tượng, trình độ, tư duy SV; năng lực GV, xác định, lựa chọn loại hình thức hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình cho phù hợp: Loại hình hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình nội dung "Đường lối đổi mới trên lĩnh vực văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay" theo hình thức nêu vấn đề.

Bước 3: Thiết kế và thực hiện dạy học theo hướng hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ trang 237-407, xác định vấn đề: Đường lối đổi mới trên lĩnh vực văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay, được tập trung thể hiện ở những Văn bản, Chỉ thị, Nghị quyết cơ bản nào của Đảng?

- Nghiên cứu cho biết sau khi Đề cương về văn hóa Việt Nam năm 1943 - Cương lĩnh đầu tiên của Đảng về văn hóa, định hướng và soi đường cho nền văn hóa Việt Nam phát triển bền vững ra đời, đến nay nước ta đã tiến hành các Hội nghị Văn hóa toàn quốc như thế nào?

- Nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ trang 293-296, xác định vấn đề: Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7-1998) ban

hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với các nội dung cơ bản nào?

- Nghiên cứu giáo trình Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ trang 361-362, xác định vấn đề: Hội nghị Trung ương 9, khóa XI (5-2014) nêu chủ trương tiếp tục xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước⁴ với các nội dung cơ bản nào?

- Từ Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII (7-1998) ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đến Hội nghị Trung ương 9, khóa XI (5-2014) nêu chủ trương tiếp tục xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, đến Bài phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Đảng ta có bước phát triển cơ bản nào về văn hoá?

Bằng cách nêu vấn đề như trên, SV sẽ từng bước nghiên cứu, tìm hiểu đường lối đổi mới trên lĩnh vực văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay. Ngoài nội dung trong giáo trình, có những nội dung SV phải tự nghiên cứu, tìm hiểu cập nhật kiến thức ở bên ngoài để giải quyết các vấn đề đặt ra.

2.1.6. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi theo định hướng bám sát chuẩn đầu ra của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam xuất phát từ cơ sở: Dạy học là một quá trình toàn vẹn, thống nhất, đồng bộ, để nâng cao tính tích cực học tập của SV trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư, không thể không áp dụng biện pháp đổi mới cách kiểm tra, đánh giá, thi kết quả dạy học. Xuất phát từ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kiểm tra, đánh giá, đổi mới cách kiểm tra, đánh giá với việc nâng cao tính tích cực học tập của SV và những hạn chế thực tế trong công tác kiểm tra, đánh giá học phần ở nhà trường. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV là một mắt xích quan trọng trong quá trình đào tạo; thường nằm ở giai đoạn cuối cùng của một giai đoạn giáo dục và sẽ trở thành khởi điểm của một giai đoạn giáo dục tiếp theo với yêu cầu cao hơn, chất lượng mới hơn trong cả một quá trình giáo dục; là một trong các công cụ của hệ thống điều khiển quá trình đào tạo. Đó là quá trình thu thập và xử lý thông tin

về trình độ, khả năng thực hiện mục tiêu học tập của SV về tác động và nguyên nhân của tình hình đó, nhằm tạo cơ sở cho những quyết định của GV và nhà trường, cho bản thân SV để họ học tập ngày một tiến bộ hơn. Kiểm tra, đánh giá có hệ thống và thường xuyên sẽ cung cấp kịp thời những thông tin cần thiết giúp SV tự điều chỉnh hoạt động học, giúp GV có thông tin phản hồi để điều chỉnh và hoàn thiện quá trình dạy để từ đó nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường. Kiểm tra, đánh giá, thi không đúng đắn, chính xác phù hợp không những làm nghèo nàn đi cả nội dung và phương pháp dạy học, mà còn làm sai lệch cả mục tiêu dạy học. Kiểm tra, đánh giá đúng đắn, chính xác, thực chất sẽ tạo động lực phát huy tính tích cực học tập, chủ động, sáng tạo trong học tập, nâng cao chất lượng dạy và học. Thực hiện tốt biện pháp sẽ góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy SV nâng cao tính tích cực học tập hơn trong học tập Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, góp phần cải thiện chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nội dung và cách thức thực hiện biện pháp: Cải tiến cách kiểm tra, đánh giá cần được triển khai theo hướng:

- Một là, việc kiểm tra, đánh giá sẽ hướng vào việc bám sát mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng bài, từng chương và mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần. Các câu hỏi bài tập sẽ đo được mức độ thực hiện các mục tiêu được xác định. (Bám sát mục tiêu học phần và bài học, nội dung chương trình học phần, xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá toàn diện, hệ thống, với các tiêu chí phù hợp với mục tiêu dạy học học phần; việc ra đề kiểm tra, thi phải luôn dựa trên quan điểm tích cực hoá hoạt động học tập của SV; thực hiện đúng quy trình kiểm tra, thi kết quả học tập học phần nhằm nâng cao tính tích cực học tập của SV).

- Hai là, việc kiểm tra được triển khai theo hướng hướng vào việc đánh giá phương pháp, kỹ năng, cách thức tiếp cận vấn đề và nội dung cốt lõi sinh viên tiếp cận được từ phương pháp, kỹ năng, cách thức tiếp cận vấn đề đó; chuyển mạnh sang hướng đánh giá định hướng, định tính, tư duy, triển vọng; đánh giá khả năng tự học, tự nghiên cứu; tránh đánh giá theo hướng yêu cầu SV học thuộc.

- Ba là, việc đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi học phần cần hướng đến những vấn đề đòi hỏi SV khái quát, tổng hợp, phân tích kiến thức và đưa ra những cách tiếp cận, những nhận định, những đánh giá độc lập trên cơ sở hiểu

biết một vấn đề, một chủ đề, một lĩnh vực kiến thức cơ bản, cốt lõi của học phần. Hệ thống vấn đề, chủ đề đặt ra phải là những nội dung cơ bản, bản chất, toàn diện, hệ thống, hiện đại, thiết thực để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra và các mục tiêu cơ bản của học phần.

- Bốn là, việc đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi học phần phải được triển khai theo hướng nội dung kiểm tra, đánh giá, thi học phần bao hàm cả nội dung giảng, nội dung thảo luận, nội dung tự học, tự nghiên cứu; trong đó có cả nội dung GV chỉ định hướng, gợi mở còn SV phải tự học, tự nghiên cứu tìm hiểu qua hệ thống tư liệu, tài liệu, mà GV giới thiệu.

- Năm là, hệ thống câu hỏi kiểm tra, đánh giá, thi cũng cần thể hiện sự phân hóa, đảm bảo khoảng 60% câu hỏi bài tập đo được mức độ đạt trình độ chuẩn - mặt bằng về nội dung học vấn dành cho mọi SV và khoảng 40% còn lại phản ánh mức độ nâng cao, dành cho SV có năng lực trí tuệ và thực hành cao hơn.

Ví dụ 1: Chẳng hạn, để đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi theo các định hướng trên đây đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; chúng tôi yêu cầu SV nghiên cứu, học tập từng bước phải giải quyết được những vấn đề cơ bản sau:

Vấn đề 1: Khái quát, phân tích làm rõ ý nghĩa của việc nghiên cứu, học tập môn học đối với bản thân.

Vấn đề 2: Chứng minh sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) là một tất yếu lịch sử khách quan.

Vấn đề 3: Làm rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930)

Vấn đề 4: Khái quát nội dung Cương lĩnh Chính trị (2/1930). Làm rõ giá trị cốt lõi của Cương lĩnh Chính trị (2/1930) với các Cương lĩnh khác của Đảng.

Vấn đề 5: Làm rõ quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng trong giai đoạn 1939 – 1945.

Vấn đề 6: Những nhận thức căn bản về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Cách mạng Tháng 8/1945.

Vấn đề 7: Chứng minh Cách mạng Tháng 8/1945 không phải là "thứ quà ngọt trời cho", hoặc "là sự ăn may, ngẫu nhiên của lịch sử!", diễn ra trong bối

cảnh xuất hiện “khoảng trống quyền lực”; "những người làm cách mạng chỉ tiến công vào một cánh cửa chính trị khép hờ"... mà là do có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Vấn đề 8: Chứng minh sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng giai đoạn (1945-1946)

Vấn đề 9: Những nhận thức căn bản về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1946 – 1954).

Vấn đề 10: Những nhận thức căn bản về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 – 1975)

Vấn đề 11: Khái quát về cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc giai đoạn (1954-1975).

Vấn đề 12: Tại sao khi bước vào quá trình đổi mới đất nước, Đảng ta xác định quan điểm: Đổi mới trước hết là đổi mới tư duy, đổi mới tư duy trước hết phải đổi mới tư duy về kinh tế? Làm rõ quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện quan điểm trên trong tìm tòi đường lối đổi mới đất nước (1975 - 1986).

Vấn đề 13: Làm rõ quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam tìm tòi đường lối đổi mới đất nước (1975 - 1986).

Vấn đề 14: Phân tích quá trình Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội trong giai đoạn (1986-1996).

Vấn đề 15: Khái quát những nhận thức căn bản của mình về đường lối đổi mới trên lĩnh vực chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay.

Vấn đề 16: Khái quát những nhận thức căn bản của mình về đường lối đổi mới trên lĩnh vực kinh tế của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay.

Vấn đề 17: Khái quát những nhận thức căn bản của mình về đường lối đổi mới trên lĩnh vực văn hóa của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1996 đến nay.

Vấn đề 18: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam (1/2021), nhận định: “Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới... Chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử... Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay”. Phân tích làm rõ nhận định trên.

Vấn đề 19: Chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam....

Việc đổi mới cách kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học tại nhà trường đã được nhóm tác giả xây dựng bộ đề Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư. Kết quả việc đổi mới đó đã đem lại hiệu quả tích cực, qua theo dõi, trao đổi với các SV và GV giảng dạy, cho thấy các SV tích cực, hào hứng hơn với cách thức kiểm tra, đánh giá này, và kết quả học tập của các em được cải thiện, nâng cao. Điều đó cho thấy, giá trị, hiệu quả của biện pháp này đối với việc góp phần nâng cao hiệu quả dạy học học phần.

2.2. Thực nghiệm vận dụng biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư

2.2.1. Kế hoạch thực nghiệm

2.2.1.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành nhằm khẳng định tính cần thiết, khả thi, hiệu quả của các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư đã được đề xuất. Qua đó chứng tỏ, những biện pháp đề xuất có thể nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở trường Đại học Hoa Lư.

2.2.1.2. Nội dung thực nghiệm

Đề tài thực nghiệm 6 biện pháp: 2.1.1. Đổi mới công tác lãnh đạo quản lý chuyên môn Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.2. Nâng cao nhận thức của GV, SV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.3. Đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực” trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.4. Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.5. Nâng cao tính tự giác, tự học của SV đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2.1.6. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi theo định hướng bám sát chuẩn đầu ra của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đối với nhóm thực nghiệm: Áp dụng các biện pháp đã xây dựng trong việc nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đối với nhóm đối chứng: Thực hiện việc nâng cao hiệu quả dạy học thông thường, không áp dụng các biện pháp trên.

2.2.1.3. Đối tượng, địa điểm và thời gian thực nghiệm

- *Đối tượng thực nghiệm:*

+ Đối tượng thực nghiệm lần 1 là:

49 SV lớp D14, mã số lớp độc lập 230105070110403, làm lớp thực nghiệm (TN₁) và 49 lớp D14, mã số lớp độc lập 230105070110402 làm lớp đối chứng (ĐC₁).

+ Đối tượng thực nghiệm lần 2 là:

51 SV lớp D14, mã số lớp độc lập 230105070110401, làm lớp thực nghiệm (TN₂) và 54 lớp D14, mã số lớp độc lập 230105070110406 làm lớp đối chứng (ĐC₂).

- *Địa điểm thực nghiệm:* Trường Đại học Hoa Lư

- *Thời gian thực nghiệm:* Học kỳ 2 năm học 2023 - 2024

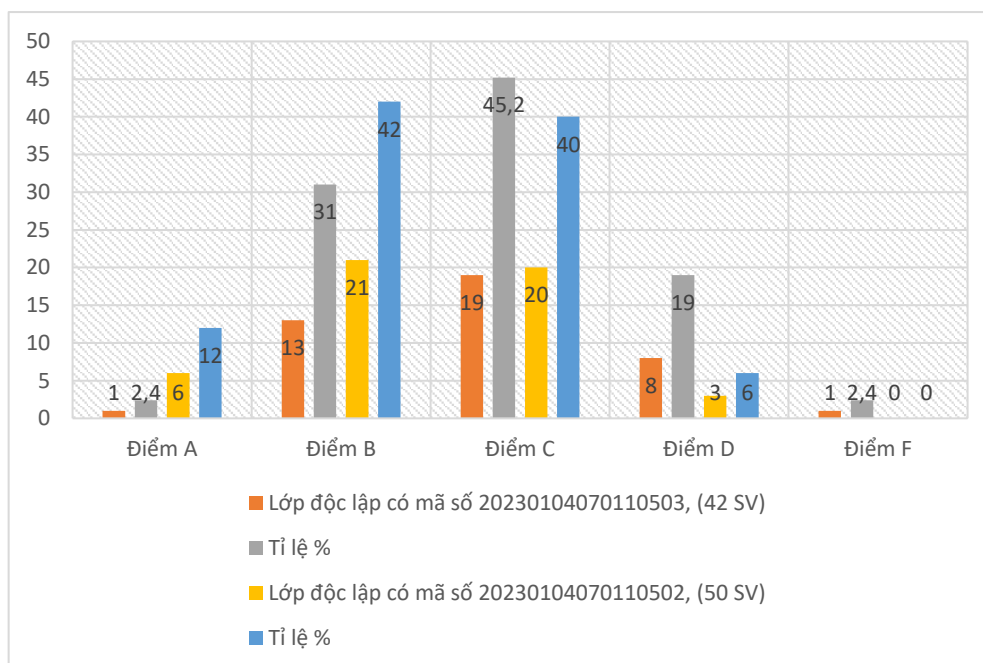
2.2.2. Tiến hành thực nghiệm

2.2.2.1. Khảo sát trước thực nghiệm

- Chúng tôi chọn lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110503, có 42 SV và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110502, có 50 SV, để khảo sát trước thực nghiệm, thông qua điểm tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm F
Lớp độc lập có mã số 20230104070110503, (42 SV)	1	13	19	8	1
Tỉ lệ %	2.4	31.0	45.2	19.0	2.4
Lớp độc lập có mã số 20230104070110502, (50 SV)	6	21	20	3	0
Tỉ lệ %	12.0	42.0	40.0	6.0	0.0

Bảng 2.1: Bảng điểm tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam lớp D14, mã số lớp độc lập 2023010407110503 và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110502.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ so sánh điểm tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam lớp D14, mã số lớp độc lập 202301040 7110503 và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110502.

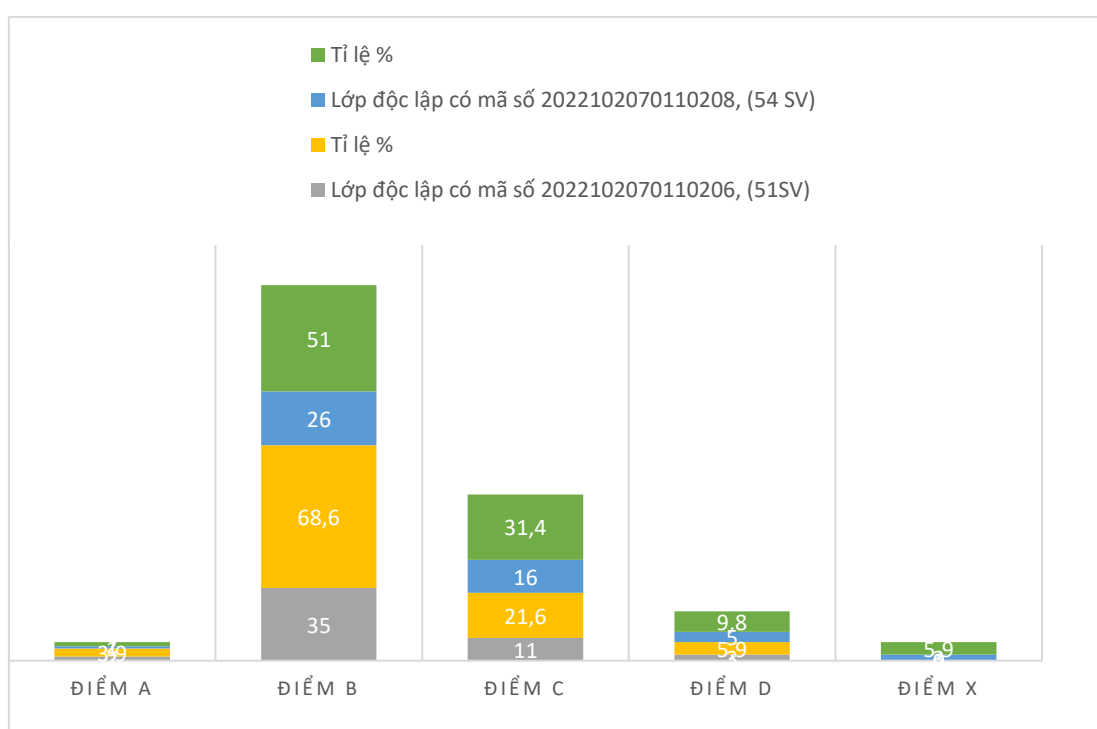
Kết quả trước thực nghiệm, cho thấy: Tỉ lệ SV xếp loại đánh giá Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, trên các phổ điểm A, B, C, D của lớp độc lập có mã số 20230 104070110503, (42 SV) và lớp độc lập có mã số 20230104070110502, (42 SV), cho thấy: Ngoài sự chênh lệch 13% điểm D của lớp độc lập có mã số 20230104070110503, (42 SV), so với lớp độc lập có mã số 20230104070110502, (50 SV) và 9,6% điểm A của lớp độc lập có mã số 20230104070110502 (50 SV), với lớp độc lập có mã số 202301 04070110503 (42 SV), còn về cơ bản, phổ biến là tương đương nhau. Do đó, mặt bằng chất lượng học tập là tương đương nhau, do đó chúng tôi lựa chọn lớp độc lập có mã số 20230104070110503 (42 SV) là lớp TN₁ và lớp độc lập có mã số 2023010 4070110502 (42 SV), là lớp ĐC₁. Tất nhiên, những sự chênh lệch khác biệt đáng kể trên cũng được chúng tôi chú ý, xem xét trong quá trình đánh giá kết quả thực nghiệm lần 1.

- Chúng tôi chọn lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110501, có 51

SV và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110506, có 54 SV để khảo sát trước thực nghiệm, thông qua điểm tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm F
Lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (51SV)	2	35	11	3	0
Tỉ lệ %	3.9	68.6	21.6	5.9	0
Lớp độc lập có mã số 2022102070110208, (54 SV)	1	26	16	5	3
Tỉ lệ %	2.0	51.0	31.4	9.8	5.9

Bảng 2.2: Bảng điểm tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1 lớp D14, mã số lớp độc lập 202301040 70110501 và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110506.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ so sánh tổng kết học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh, học phần trước Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1 lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110501 và lớp D14, mã số lớp độc lập 20230104070110506.

Kết quả trước thực nghiệm, cho thấy: Tỷ lệ SV đạt điểm A, B, C, D của lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (51 SV) và lớp độc lập có mã số 2022102070110208, (54 SV), về cơ bản là tương đương nhau, không có chỉ số chênh lệch nào quá cao. Do đó, mặt bằng chất lượng học tập là tương đương nhau, do đó chúng tôi lựa chọn lớp độc lập có mã số 2022102070110206, (51SV), là lớp TN₂ và lớp độc lập có mã số 20221020 70110208, (54 SV) là lớp ĐC₂

2.2.2.2. Thực nghiệm lần 1

*** Kết quả học tập của SV thông qua điểm tổng kết đánh giá học phần lớp TN₁ và ĐC₁ sau thực nghiệm lần 1**

Chúng tôi chọn lớp D14, mã số lớp độc lập 230105070110403, có 49 SV làm lớp thực nghiệm (TN₁) và lớp D14, mã số lớp độc lập 230105070110402, có 49 SV làm lớp đối chứng (ĐC₁).

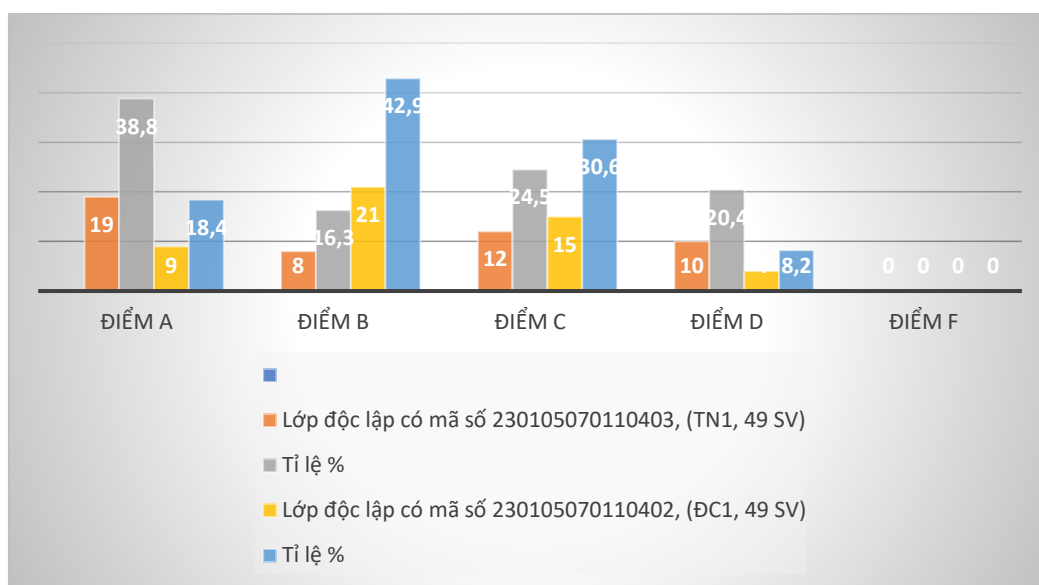
Trong quá trình dạy thực nghiệm, tại lớp thực nghiệm đối với học phần, chúng tôi áp dụng 6 biện pháp, tập trung vào việc nâng cao tính tích cực học tập học phần của SV đó là: "2.1.1. Đổi mới công tác lãnh đạo quản lý chuyên môn Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.2. Nâng cao nhận thức của GV, SV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.3. Đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực” trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.4. Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.5. Nâng cao tính tự giác, tự học của SV đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2.1.6. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi theo định hướng bám sát chuẩn đầu ra của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam".

Tại lớp đối chứng, chúng tôi không áp dụng 6 biện pháp, việc dạy học diễn ra bình thường. Qua quá trình đó chúng tôi thu được kết quả điểm đánh giá học phần ở lớp TN₁ và ĐC₁ như sau:

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm F
------------	--------	--------	--------	--------	--------

Lớp độc lập có mã số 230105070110403, (TN ₁ , 49 SV)	19	8	12	10	0
Tỉ lệ %	38.8	16.3	24.5	20.4	0.0
Lớp độc lập có mã số 230105070110402, (ĐC ₁ , 49 SV)	9	21	15	4	0
Tỉ lệ %	18.4	42.9	30.6	8.2	0.0

Bảng 2.3. Thống kê đánh giá kết quả học tập của SV lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ so sánh kết quả học tập của SV lớp TN1 và ĐC1 sau thực nghiệm lần 1

Kết quả thực nghiệm lần 1 biểu hiện qua Bảng 2.1 và Sơ đồ 2.1, cho thấy: Ở lớp TN₁ có 0/49, chiếm 0% SV có điểm F, ở lớp ĐC₁ có 0/49, chiếm 0 % SV có điểm F; Ở lớp TN₁ có 10/49, chiếm 20.4% SV có điểm D, ở lớp ĐC₁ vẫn có 4/49, chiếm 8.2 % SV có điểm D; Ở lớp TN₁ có 12/49, chiếm 24.5% SV có điểm C, ở lớp ĐC₁ có 15/49, chiếm 30.6 % SV có điểm C; Ở lớp TN₁ có 8/49, chiếm 16.3 % SV có điểm B, ở lớp ĐC₁ có 21/49, chiếm 42.9 % SV có điểm B; Ở lớp

TN₁ có 19/49, chiếm 38.8 % SV có điểm A, ở lớp ĐC₁ có 9/49, chiếm 18.4 % SV có điểm A. Như vậy, sau thực nghiệm có sự khác biệt rõ nét về chất lượng học tập của SV nhóm TN₁ so với SV nhóm ĐC₁. Ở lớp TN₁, ĐC₁ số SV có điểm F là tương đương nhau. Số SV có điểm D ở lớp TN₁ có 10/49 chiếm 20.4 % SV, cao hơn nhiều so với số SV có điểm D ở lớp ĐC₁ là 4/49 SV, chiếm 8.2 % SV. Đây là một điều bất thường trong kết quả thực nghiệm, tuy nhiên khi xem xét kỹ, thì vấn đề này lại có tính hợp lý. Vì kết quả điều tra trước thực nghiệm cho thấy (ở lớp độc lập có mã số 20230104070110503, (42 SV), sau này được chọn làm lớp TH₁ có 8/42 SV, chiếm tỉ lệ 19%, có điểm D; trong khi lớp độc lập có mã số 20230104070110502, (50 SV) chỉ có 3/50, chiếm tỉ lệ 6% có điểm D). Số SV có điểm C ở lớp TN₁ có 12/49 chiếm 24.5 % SV, ở lớp ĐC₁ là 15/49 SV, chiếm 30.6 % SV, có chênh lệch nhưng không nhiều, gần tương đương nhau. Số SV có điểm A, B ở lớp TN₁ là 55,1, ở lớp ĐC₁ là 61,3, cũng chênh lệch không nhiều, nhưng điều đáng chú ý là tỉ lệ số SV có điểm A ở lớp TN₁ là 19/49 chiếm 38.8 %, trong khi ở lớp ĐC₁ là 9/49, chiếm tỉ lệ 18.4%. Như vậy, sau thực nghiệm cho thấy, một vài chỉ số điểm số của lớp thực nghiệm cần phải cân nhắc, xem xét, đánh giá kỹ, tuy nhiên có sự khác biệt đáng kể về chất lượng học tập của lớp TN₁ so với lớp ĐC₁. Điều đó chứng tỏ chất lượng, hiệu quả dạy học ở lớp TN₁ cao hơn, tiến bộ hơn với SV nhóm ĐC₁. Điều này cũng cho thấy hiệu quả bước đầu của các biện pháp được áp dụng trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được triển khai, áp dụng đồng bộ tại lớp thực nghiệm.

2.2.2.3. Thực nghiệm lần 2

**** Kết quả học tập của SV thông qua điểm tổng kết đánh giá học phần lớp TN₂ và ĐC₂ sau thực nghiệm lần 2***

Chúng tôi chọn lớp D14, mã số lớp độc lập 230105070110401 làm lớp TN₂ và lớp D14, mã số lớp độc lập 230105070110406 làm lớp ĐC₂.

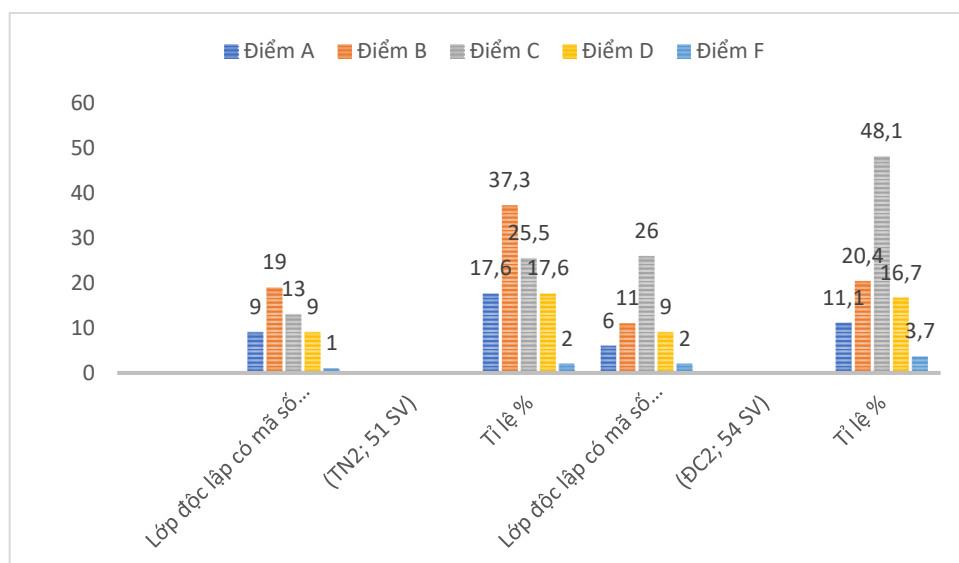
Trong quá trình dạy TN, tại lớp TN₂ đối với học phần, chúng tôi áp dụng 6 biện pháp, tập trung vào việc nâng cao tính tích cực học tập học phần của SV đó là: 2.1.1. Đổi mới công tác lãnh đạo quản lý chuyên môn Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.2. Nâng cao nhận thức của GV, SV về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.3. Đảm bảo kiến

thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực” trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.4. Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; 2.1.5. Nâng cao tính tự giác, tự học của SV đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. 2.1.6. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá, thi theo định hướng bám sát chuẩn đầu ra của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;

Tại lớp ĐC₂, chúng tôi không áp dụng 6 biện pháp, việc dạy học diễn ra bình thường. Qua quá trình đó chúng tôi thu được kết quả điểm đánh giá học phần, ở lớp TN₂ và ĐC₂ như sau:

Điểm/lớp/%	Điểm A	Điểm B	Điểm C	Điểm D	Điểm F
Lớp độc lập có mã số 230105070110401, (TN ₂ ; 51 SV)	9	19	13	9	1
Tỉ lệ %	17.6	37.3	25.5	17.6	2.0
Lớp độc lập có mã số 230105070110406, (ĐC ₂ ; 54 SV)	6	11	26	9	2
Tỉ lệ %	11.1	20.4	48.1	16.7	3.7

Bảng 2.4. Thống kê đánh giá kết quả học tập của SV lớp TN2 và ĐC2 sau thực nghiệm lần 2



Sơ đồ 2.4. Sơ đồ so sánh kết quả học tập của SV lớp TN₂ và ĐC₂ sau thực nghiệm lần 2

Kết quả thực nghiệm lần 2 biểu hiện qua Bảng 2.7 và Sơ đồ 2.7, cho thấy: Ở lớp TN₂ có 1/51, chiếm 2% SV có điểm F, ở lớp ĐC₂ vẫn có 2/54, chiếm 3.7% SV có điểm F; Ở lớp TN₂ có 9/51 chiếm 17.6 % SV có điểm D, ở lớp ĐC₂ vẫn có 9/54 SV, chiếm 16.7 % SV có điểm D; Ở lớp TN₂ có 13/51 chiếm 25.5 % SV có điểm C, ở lớp ĐC₂ có 26/54 SV, chiếm 48.1 % SV có điểm C; Ở lớp TN₂ có 19/51 chiếm 37.3 % SV có điểm B, ở lớp ĐC₂ vẫn có 11/54 SV, chiếm 20.4 % SV có điểm B; Ở lớp TN₂ có 9/51 chiếm 17.6 % SV có điểm A, ở lớp ĐC₂ vẫn có 6/54 SV, chiếm 11.1 % SV có điểm A. Như vậy, sau thực nghiệm có sự khác biệt rõ nét về chất lượng học tập của SV nhóm TN₂ so với SV nhóm ĐC₂. Ở lớp TN₂, ĐC₂ số SV có điểm D, F, có chênh lệch, khác biệt chút ít, nhưng cơ bản là tương đương nhau. Số SV có điểm C ở lớp ĐC₂ là 26/54 SV, chiếm 48.1 % SV; cao hơn rất nhiều, gần gấp đôi số SV lớp TN₂ có 13/51 chiếm 25.5 % SV có điểm C. Đặc biệt, số SV có điểm A, B ở lớp TN₂ lần lượt là 9/51 chiếm 17.6 % SV; 19/51 chiếm 37.3 % SV cao hơn vượt trội so với số SV có điểm A, B ở lớp ĐC₂ lần lượt là 6/54 SV, chiếm 11.1 % SV; 11/54 SV, chiếm 20.4 % SV có điểm B. Điều đó chứng tỏ chất lượng, hiệu quả dạy học ở lớp TN₂ cao hơn so với lớp ĐC₂. Điều này cho thấy hiệu quả của các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được triển khai, áp dụng đồng bộ tại lớp thực nghiệm.

2.2.2.4. Đánh giá chung về kết quả thực nghiệm

Chương 2, chúng tôi nghiên cứu: Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư, trong đó đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học học phần. Thực nghiệm biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư. Nhóm tác giả đã tập trung làm rõ 06 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư. Nhóm tác giả đã: Khái quát chung về thực nghiệm; vận dụng 06 biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư; Tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm.

Qua tiến hành thực nghiệm và đánh giá kết quả thực nghiệm, nhóm tác giả thu được các kết quả căn bản như sau: Kết quả học tập của SV lớp TN cao hơn kết quả học tập của SV lớp ĐC. Ở lớp TN₁, TN₂ chỉ có 28 SV có điểm A, ở lớp ĐC₁, ĐC₂ SV chỉ có 15 SV có điểm A; Ở lớp TN₁, TN₂ có 27 SV có điểm B, ở lớp ĐC₁, ĐC₂ SV có 33 SV có điểm B; Ở lớp TN₁, TN₂ chỉ có 25 SV có điểm C, ở lớp ĐC₁, ĐC₂ SV có tới 41 SV có điểm C; Ở lớp TN₁, TN₂ có 1 SV có điểm F, ở lớp ĐC₁, ĐC₂ SV có 2 SV có điểm F. Kết quả đánh giá trên đây cho thấy hiệu quả của các biện pháp biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở nhà trường.

Từ kết quả thu được qua 2 lần thực nghiệm cho phép khẳng định tính hiệu quả của bài thực nghiệm sư phạm là ổn định. Sau khi có những tác động sư phạm, bước đầu đã mang lại những hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Mức nâng cao hiệu quả dạy học lớp TN₁ và lớp TN₂ đã tăng lên, đã phát triển hơn so với hiệu quả dạy học của nhóm lớp ĐC₁ và ĐC₂. Điều đó khẳng định việc áp dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư. Kết quả trên đây đã chứng minh việc vận dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư đã có hiệu quả góp phần nâng cao tính tích cực học tập của SV, kết quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và hiệu quả đào tạo của nhà trường.

III. PHẦN KẾT LUẬN

Đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao chất lượng dạy và học, phát huy tính tích cực và phát triển các năng lực cho SV là một trong các mục tiêu then chốt của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế hiện nay. Đảng ta đã chỉ rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của SV; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để SV tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Chuyển từ học chủ yếu trên lớp sang tổ chức hình thức học tập đa dạng, chú ý các hoạt động xã hội, ngoại khóa, nghiên cứu

khoa học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”. Lựa chọn phương pháp dạy học tích cực đang được quan tâm, nghiên cứu và vận dụng ở các trường đại học ở nước ta hiện nay. Đề tài tập trung, nghiên cứu việc vận dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư.

Để có cơ sở khoa học cho việc tìm ra các biện pháp, về mặt lý luận, đề tài đã nghiên cứu có hệ thống các vấn đề như: Một số vấn đề lý luận cơ bản về biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư: Biện pháp, Biện pháp dạy học; Hiệu quả; Hiệu quả dạy học; Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Khái quát về học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư. Thực tiễn dạy học học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: Khái quát về dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Thực trạng sử dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn đó, nhóm tác giả của đề tài đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư.

Để thẩm định tính đúng đắn và giá trị khoa học của vận dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư, tác giả đã tiến hành thực nghiệm khoa học sư phạm: Xây dựng chương trình, kế hoạch thực nghiệm, thiết kế thực nghiệm; dạy bài thực nghiệm tại lớp thực nghiệm, đồng thời dạy lớp đối chứng cùng bài với lớp thực nghiệm nhưng không có vận dụng các biện pháp nêu trên. Sau khi tiến hành thực nghiệm, kết quả cho thấy: SV lớp thực nghiệm có ý thức, thái độ, kỷ luật học tập; hành động trí tuệ và nghị lực trong học tập, kết quả học tập cao hơn so với lớp đối chứng; kết quả học tập của các lớp thực nghiệm cao hơn các lớp đối chứng. Điều này đồng nghĩa với hiệu quả vận dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư được nâng cao. Tức là, các biện pháp nâng cao hiệu quả mà nhóm tác giả đề xuất vận dụng trong dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư tính khả thi, phù hợp và sát với thực tiễn môi trường đào tạo của nhà trường.

Kết quả thực nghiệm đã chứng minh tính hiệu quả của biện pháp sư phạm vận dụng nâng cao hiệu quả dạy Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư có tính khả thi, có thể áp dụng rộng rãi cho việc dạy học bộ môn hiện nay. Kết quả thực nghiệm sư phạm về mặt định tính và định lượng đã chứng minh tính hiệu quả, tính bền vững của các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học phần ở trường Đại học Hoa Lư đã được đề xuất trong đề tài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, ban hành kèm theo Quyết định số 4890/2019 /QĐ-BGDĐT ngày 3/12/2019.

[3] Denome Jean and Madeleine (2000), *Tiến tới một phương pháp sư phạm tương tác*, Nxb Thanh niên.

[4] Dự án Việt - Bỉ (2001), *Những thủ thuật trong dạy học (Bản dịch)*, Hà Nội.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 11, tr. 433.

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.82.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, Nxb CTQG-ST, H.2021, tr.235.

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tập 12, tr. 433.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Chính trị quốc gia, Hà Nội, t.47, tr.548.

[10] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, trang 574.

[11] Đinh Ngọc Thạch (2011): Giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên trong điều kiện hội nhập quốc tế – cần cách tiếp cận mới. Kỷ yếu Hội thảo: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục lý luận chính trị cho sinh viên ĐHQG Hồ Chí Minh.

[12] Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 5. Nxb. CTQG, Hà Nội, tr. 309

[13] Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 6. Nxb. CTQG, Hà Nội, tr. 311

[14] Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 12. Nxb. CTQG, Hà Nội, tr. 266

[15] Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, Chu Hà, Lê Xuân Choát (2004), *Bông sen vàng - Diễn ca về Bác Hồ vĩ đại*, NXB Văn học Việt Nam.

[16] Nguyễn Xuân Lạc (2000), *Thơ dân ca Bác - Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[17] Trần Trí Trung (2006), *Việt Nam thi sử hùng ca*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

2/ Tiếng Anh

[18] Wiktionary (Từ điển mở) (2021): "Phương pháp". [Online]. Available: vi.wiktionary.org/wiki/phuongphap #Tiếng_Việt. 10h.39AM. 12/10/2024

[19] William J. Duiker: The Communist Road to Power in Vietnam, Boulder Co., Westview Press, 1981, tr. 100 - 101

3/ Website

[20] <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghiquyet-so-37-nqtw-ngay-9102014-cua-bo-chinh-tri-ve-cong-tac-ly-luan-va-dinh-huong-nghien-cuu-den-nam-2030-192>. 10h.41AM. 12/10/ 2024

[21] <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/chi-thi-so-23-cttw-ngay-922018-cua-ban-bi-thu-ve-tiep-tuc-doi-moi-nang-cao-chat-luong-hieu-qua-hoc-tap-nghien-cuu-4004>. 10h.43AM. 12/10/ 2024

[22] <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/quy-dinh-so-57-qdtw-ngay-08022022-cua-ban-bi-thu-ve-doi-tuong-tieu-chuan-va-phan-cap-dao-tao-ly-luan-chinh-tri-8338>. 10h.50AM. 12/10/ 2024

[23] <https://vneconomy.vn/kinh-te-viet-nam-nhin-lai-sau-gan-40-nam-doi-moi>. 10h.49AM. 12/10/ 2024

[24] <https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-%C4%90%C3%ACh-Thi/%C4%90%1%BA%A5t-n%C6%B0%E1%BB%9Bc/poem-10h.4AM>. 12/10/ 2024

[25] https://www.thivien.net/T%E1%BB%91-H%E1%BB%AFu/Hu%E1%BA%BF-th%C3%A1ng-t%C3%A1m/poem-ap08-_10h.40AM. 12/10/ 2024

[26] <https://www.thivien.net/T%E1%BB%91-H%E1%BB%AFu/Theo-ch%C3%A2n-B/poem-euImnp4iLisTPNWkShms>. 10h.40AM. 12/10/ 2024

[27] <https://www.thivien.net/T%E1%BB%91-H%E1%BB%AFu/Vui-b%E1%BA%A5t-tuy%E1%BB%87t/poem-yOzhp1Finzin>. 10h.40AM. 12/10/ 2024

[28] <https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-%C4%90%C3%ACh-Thi/%90%E1%BA%A5t-n%C6%B0%E1%BB%10h.46AM>. 12/10/ 2024

[29] <https://www.thivien.net/Ch%E1%BA%BF-Lan-Vi%C3%AAAn/Ngh%C4%A9-v%E1%BB%81-th%C6%A1-II/poem-10h.46AM>. 12/10/ 2024

[30] <https://nhandan.vn/hoan-ho-chien-si-dien-bien-to-huu-post.html> 10h.46AM. 12/10/ 2024

[31] <https://tennguoidepnhat.net/2012/04/06/uy-danh-1%E1%BB%ABng-1%E1%BA%ABY-kh%E1%BA%AFp-n%C7%810h.46AM>. 12/10/ 2024

[32] <https://www.thivien.net/T%E1%BB%91-H%E1%BB%AFu/Ch%C3%A0o-xu%C3%A2n-67/poem-Z3kxdH4Bm8A>. 10h.49AM. 12/10/ 2024

[33] <https://www.thivien.net/L%C3%AA-Anh-Xu%C3%A2n/D%C3%A1ng-%C4%91%E1%BB%A9ng-Vi%E1%BB%10h.49AM>. 12/10/ 2024

[31]<https://www.thivien.net/T%E1%BB%91-H%E1%BB%AFu/-th%E1%BA%AFng-v%E1%BB%81-ta/poem-10h.55AM.12/10/2024>

[32] <https://www.thivien.net>. Tô Hữu, Ba mươi năm đời ta có Đảng. 10h.40AM. 12/10/2024

[33] <https://www.thivien.net>. Tô Hữu, Một nhà xuân. 11h. 40A M. 12/10/2024

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN

01 bài báo: “*Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư*”, Tạp chí Giáo dục và xã hội, ISSN 1859 – 3917, Số 164 (225) tháng 11/2024 (kì 2), tr.19-22,1.

TẠP CHÍ
GIÁO DỤC VÀ XÃ HỘI
Journal of Education and Society

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU, LÝ LUẬN, DIỄN ĐÀN GIÁO DỤC, KHOA HỌC
- VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ GIÁO DỤC ATEC THUỘC HIỆP HỘI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VIỆT NAM

ISSN 1859-3917

KỶ NIỆM 42 NĂM NGÀY NHÀ GIÁO VIỆT NAM
20/11/1982 - 20/11/2024



Số 164 (225) tháng 11/2024 (kì 2)

Tạp chí GIÁO DỤC & XÃ HỘI

JOURNAL OF EDUCATION AND SOCIETY

NĂM THỨ MUỖI TÁM (Bộ mới)

Số 164 (225), Tháng 11/2024 (kì 2)

ISSN 1859-3917

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

ĐÀO TRỌNG THI

CAO VĂN PHƯỜNG

VŨ DŨNG

TRẦN VĂN NHUNG

NGUYỄN MINH THUYẾT

TRẦN VĂN ĐỘ

BÙI ANH TUẤN

TRẦN ĐĂNG XUYỀN

TRẦN XUÂN NHĨ

TRẦN QUANG QUÝ

TRIỆU THẾ HÙNG

TRẦN BÁ DUNG

THÁI VĂN LONG

LÊ THỊ HÀNG

TỔNG BIÊN TẬP

ĐOÀN XUÂN TRƯỜNG

TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ

Phòng 308, Tập thể Tổng cục Thống kê, ngõ 54A, đường Nguyễn Chí Thanh,
phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024-62946516 **Fax:** 024-62732689

Email: tapchigiaoducvaxahoi@gmail.com **Website:** www.giaoducvaxahoi.vn

VĂN PHÒNG BẮC TRUNG BỘ

Phòng 1001, Toà nhà A6, số 565 Quang Trung, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Điện thoại: 0372.866.166

Email: giaoducxahoibtb@gmail.com

TRÌNH BÀY: THÀNH CÔNG

Giấy phép xuất bản số: 229/GP-BTTTT ngày 02/6/2020 - Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Công ty TNHH In Ấn Đa Sắc

Giá: 45.000 đồng

BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

ĐOÀN SỸ TUẤN
LÊ THỊ LAN ANH
Trưởng Đại học Hoa Lư

Nhận bài ngày 20/10/2024. Sửa chữa xong 26/10/2024. Duyệt đăng 28/10/2024.

Abstract

The article researches and proposes some basic teaching measures to contribute to improving the quality and effectiveness of teaching the subject History of the Communist Party of Vietnam at Hoa Lu University, including: Ensuring "basic, systematic, modern, practical" knowledge; Innovating the form of organization, teaching methods; Improving the self-awareness, self-study spirit of students in the process of teaching the subject. Hopefully, the results of the article will be suggestions to open new directions in approaching rich and diverse measures to contribute to improving the effectiveness of teaching the subject at school.

Keywords: Measures, teaching effectiveness, History of the Communist Party of Vietnam, Hoa Lu University.

1. Đặt vấn đề

Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục và Đào tạo luôn quan tâm đến chất lượng dạy học các học phần Lý luận chính trị (LLCT), trong đó có học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Theo Hướng dẫn số: 3056/BGDĐT-GDĐH, ngày 19/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc "Thực hiện Chương trình, Giáo trình các môn LLCT"; Quyết định số: 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc "Phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung cho các môn LLCT đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên LLCT", Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong năm học phần LLCT cơ bản có trong tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng ở Trường Đại học Hoa Lư. Nghiên cứu về dạy học học phần, tìm ra các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học học phần ở Trường Đại học Hoa Lư là hết sức cần thiết, quan trọng. Bài viết bước đầu nghiên cứu, đề xuất một số biện pháp dạy học cơ bản nhằm góp phần tích cực, thiết thực, có hiệu quả vào việc nâng cao chất lượng, hiệu quả dạy học học phần; bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất và bản lĩnh, giáo dục tư tưởng, lập trường khoa học, cách mạng cho người học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

Biện pháp là cách thức, kỹ thuật, thủ thuật hành động của con người trong các tình huống, hoạt động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển một quá trình cụ thể.

Nâng cao là thúc đẩy làm gia tăng, phát triển theo chiều hướng đi lên. Biện pháp nâng cao là hệ thống các cách thức, kỹ thuật, thủ thuật hành động của con người trong các tình huống hoạt động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển hiệu quả một quá trình cụ thể.

Hiệu quả (tiếng Anh: Efficiency) được xác định bởi tỉ số giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả đó. Hiệu quả là phạm trù kinh tế - xã hội, là một chỉ tiêu phản ánh trình độ của con người sử dụng các yếu tố cần thiết tham gia trong các hoạt động để đạt được kết quả với mục đích của mình.

Email: dstuan@hlu.edu.vn

Hiệu quả dạy học là kết quả dạy học nhưng được xem xét căn cứ vào mối quan hệ chung giữa sự đầu tư về mọi mặt và ảnh hưởng, tác dụng thực tế của dạy học; là tỉ số giữa kết quả đạt được và chi phí bỏ ra để đạt được kết quả trong dạy học.

Hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam mà ở đây nội dung bài viết hướng tới là hiệu quả được đánh giá trong phạm vi dạy học. Hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả dạy học Học phần, được xem xét căn cứ vào mối quan hệ chung giữa sự đầu tư về mọi mặt và ảnh hưởng, tác dụng thực tế của dạy học Học phần. Biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là hệ thống các cách thức, kỹ thuật, thủ thuật hành động của con người trong các tình huống hoạt động nhỏ nhằm thực hiện và điều khiển hiệu quả quá trình dạy học Học phần; làm giảm sự chi phí đầu tư, tăng ảnh hưởng, tác dụng thực tế của dạy học học phần, đạt mục đích học phần đề ra.

2.2. Một số biện pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư

2.2.1. Đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực” trong dạy học

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có khối lượng kiến thức lớn bao gồm các trục kiến thức cơ bản là: Tri thức phong phú về lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam; Hệ thống các Cương lĩnh, chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, hiện thực hóa cương lĩnh, chủ trương, đường lối cách mạng; những kết quả, bài học kinh nghiệm của Đảng trải qua nhiều thời kỳ, nhiều giai đoạn, từ đầu thế kỷ XX đến nay. Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật công nghệ và các phương tiện báo chí, truyền thông tạo điều kiện cho SV có thể tiếp cận thuận lợi khối lượng tri thức học phần phong phú, đa dạng; nhà trường, giảng viên (GV), quá trình học tập trên lớp không còn là nơi duy nhất đem đến tri thức về học phần cho sinh viên (SV). Vì vậy, trong dạy học Học phần phải đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực”. Để đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực”, cần sử dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học.

Ví dụ: Vận dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học Phần I “Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986), trong Chương 3. [1, tr. 238]

Bước 1: Xác định cấu trúc tri thức của nội dung dạy học: Ngoài những nội dung cơ bản như: Đảng lãnh đạo hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH (1975-1986); Đảng lãnh đạo cả nước bảo vệ Tổ quốc (1975-1986); Đảng lãnh đạo các bước đột phá đổi mới kinh tế (1975-1986), trong giáo trình còn trình bày cụ thể nhiều vấn đề, nhiều chi tiết cụ thể. Chẳng hạn, liên quan đến Đại hội IV (tháng 12/1976), Đại hội V (tháng 3/1982), trong giáo trình trình bày nhiều vấn đề, chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử.

Bước 2: Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm, tri thức đóng vai trò thứ yếu trong cấu trúc tri thức của nội dung dạy học

Xác định tri thức đóng vai trò trung tâm. Nghiên cứu khái quát về Phần I “Lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)” được trình bày trong giáo trình, ta thấy phần này để nhận thức được nội dung bài học, SV cần tập trung nghiên cứu, xác định, làm rõ 02 vấn đề: - Đường lối lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986), được tập trung thể hiện trong các Văn kiện đại hội, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương cơ bản nào?; Mốc thời gian và nội dung cơ bản của các Văn kiện đại hội, các Nghị quyết của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương...đó; - Trên cơ sở trên đây, tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ các nội dung và vấn đề căn bản sau: Đảng lãnh đạo hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước; Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH (1975-1986); Đảng lãnh đạo cả nước bảo vệ Tổ quốc (1975-1986); Đảng lãnh đạo các bước đột phá đổi mới kinh tế (1975-1986).

Xác định tri thức đóng vai trò thứ yếu: Nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử.

Bước 3: Trong giảng dạy trên lớp GV “lướt qua” những tri thức thứ yếu và “nhấn mạnh” những tri thức đóng vai trò trung tâm, tạo dựng tính hệ thống, đi sâu vào những tri thức cơ bản, hiện đại, thiết thực:

Lướt qua những tri thức thứ yếu có thể “lướt qua”: Nhiều vấn đề, nhiều chi tiết lịch sử cụ thể theo cách tiếp cận lịch sử được trình bày trong giáo trình.

Tập trung nghiên cứu những tri thức đóng vai trò trung tâm:

Thứ nhất, đường lối lãnh đạo cả nước xây dựng CNCH và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986), được tập trung thể hiện trong các Văn kiện đại hội, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương cơ bản nào?; Mốc thời gian và nội dung cơ bản của các Văn kiện đại hội, Nghị quyết Bộ Chính trị, Hội nghị Trung ương... đó.

- Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa III (tháng 8/1975) chủ trương hoàn thành thống nhất nước nhà; Chỉ thị số 228-CT/TW ngày 3/01/1976 của Bộ Chính trị, Trung ương Đảng khóa III nêu rõ tầm quan trọng của cuộc Tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử. ...

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12/1976) phản ánh đường lối chung của cách mạng XHCN và đường lối xây dựng nền kinh tế XHCN trong giai đoạn mới của nước ta; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (tháng 3/1982) khẳng định nước ta ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH; phải cụ thể hóa đường lối chung của cách mạng XHCN và đường lối xây dựng nền kinh tế XHCN, vạch ra chiến lược kinh tế, xã hội cho chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa XHCN. ...

- Hội nghị Trung ương 6, khóa IV (tháng 8/1979) được là bước đột phá đầu tiên đổi mới kinh tế của Đảng, Chỉ thị số 100-CT/TW (tháng 01/1981) của Ban Bí thư; Hội nghị Trung ương 6 (tháng 7/1984); 7 (tháng 12/1984); 8 (tháng 6/1985), khóa V là bước đột phá thứ hai trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng; Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (tháng 8/1986) là bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế của Đảng...

Thứ hai, trên cơ sở trên đây, tập trung đi sâu nghiên cứu làm rõ các nội dung và vấn đề căn bản sau: Đảng lãnh đạo hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước; Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng CNXH (1975-1986); Đảng lãnh đạo cả nước bảo vệ Tổ quốc (1975-1986); Đảng lãnh đạo các bước đột phá đổi mới kinh tế (1975-1986).

Sử dụng biện pháp tinh giản nội dung dạy học trên đây sẽ đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực” trong dạy học, làm cho người học dễ tiếp cận, tiếp cận hiệu quả nội dung bài học, với một tinh thần nhẹ nhàng, thoải mái, tích cực, phấn khởi.

2.2.2. Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

Một trong các mục tiêu trung tâm, cốt lõi của của công tác đổi mới giáo dục, đào tạo, dạy học theo hệ thống tín chỉ hiện nay là thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học. Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư cần phải đổi mới hình thức tổ chức dạy học phù hợp với yêu cầu đổi mới giáo dục, dạy học theo hệ thống tín chỉ; chú trọng việc tổ chức các hoạt động học tập của SV; tạo điều kiện tối đa cho SV tham gia vào các hoạt động học tập. Thực tiễn dạy học cho thấy, không có phương pháp nào là phương pháp vạn năng, phù hợp cho tất cả, tối ưu mọi quá trình dạy học, mọi môn học, cho tất cả mọi người. Vì vậy, trong dạy học Học phần, đổi mới phương pháp dạy học là việc làm cần thiết, thường xuyên nhưng vận dụng phương pháp phải phù hợp với từng đối tượng dạy học. Sử dụng linh hoạt đồng bộ nhiều phương pháp như: Đổi mới phương pháp thuyết trình theo hướng sử dụng các hình thức thuyết trình phù hợp: Thuyết trình theo kiểu thuật chuyện, mô tả, phân tích, “luận chiến” - phê phán; phương pháp đàm thoại; phương pháp giải quyết vấn đề; phương pháp nghiên cứu trường hợp; phương pháp thảo luận nhóm, seminar; phương pháp vận dụng tri thức liên ngành...

Ví dụ 1: Khi dạy học Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), GV có thể vận dụng thuyết trình theo kiểu thuật chuyện.

Chiếu hoặc giới thiệu cho SV về nhà tự xem các video, clip, bộ phim dưới đây:

Phim tài liệu *Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh - Biên niên sử truyền hình*, dài 90 tập; “*Sao Tháng Tám*” của cố đạo diễn, NSND Trần Đắc; *Việt Nam: Cuộc chiến mười nghìn ngày* (tiếng Anh: *Vietnam: The Ten Thousand Day War*) 13 tập, của đạo diễn Michael Maclear; *Vietnam: A Television History (Việt Nam: Thiên lịch sử truyền hình)* dài 13 tập của tác giả Stanley Karnow, do hãng thông tấn PBS (Public Broadcasting Service - Mỹ) sản xuất; “*Những hình ảnh chưa biết về cuộc chiến tranh Việt Nam*”, 3 tập, của Daniel Costelle; *Bộ phim tài liệu “Mùa đông 1991”* 10 tập...

Sau đó, trên lớp GV đưa ra những dẫn dắt, nhận định, đánh giá gắn với nội dung học tập để làm tăng sự hấp dẫn với người học trong quá trình dạy học Học phần.

Ví dụ 2: Khi dạy học Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) [1, tr. 36-70], để giới thiệu về Hội nghị thành lập Đảng, làm mềm hóa và tăng sức hấp dẫn với người học:

- Khi nói về bối cảnh dân tộc Việt Nam, thời gian, địa điểm diễn ra Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam từ ngày 03-07/02/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), GV có thể đưa ra những trích đoạn: *"Quê hương từng mảnh phân chia/Hàng ngàn thủ cấp đầm đìa máu tuôn/Gióng Rồng Tiên một cội nguồn/Cành luôn liền gốc, lá luôn liền cành/Gốc bên vững, lá tươi xanh/Trước cơn giông bão, lá - cành xác xơ/Một cơ hội, một thời cơ/Lá xanh phát triển, cành tơ hình thành/Đảng Cộng sản được khai sanh/Giờ tổng khởi nghĩa liệt oanh khởi đầu"* [2, tr. 45]; *"Người thực hiện chủ trương quốc tế/Quyết ngăn ngừa chia rẽ bên trong/Người triệu tập về ngay Hương Cảng/Giữa Cửu Long các Đảng họp bàn/Lập nên Cộng sản Việt Nam/Vạch ra đường lối, chính cương rõ ràng/Muôn lòng một cung đàn hợp tấu/ Năm ba mươi ghi dấu sơn hà/Tháng hai nắng hồng mừng ba/Từ trong gian khổ Đảng ta ra đời"* [3, tr. 45]; *"Năm hai mươi của thế kỷ hai mươi/Tôi sinh ra nhưng chưa được làm người/Nước đã làm nô lệ/Ồi những ngày xưa mưa xứ Huế, mưa sao buồn vậy hồi mưa roi!/?Ngẩng đầu lên không thấy mặt trời/Đất lại lảng lảng những là nước mắt... Từ vô vọng mệnh mông đê mê tối/Người đã đến chói chang nắng đội/Trong lòng tôi ôi Đảng thân yêu"* [4]; *"Như đứa trẻ sinh nằm trên cỏ/Không què hương, sương gió tới bồi/Đảng ta sinh ở trên đời/Một hòn máu đỏ nên Người hôm nay"* [5].

- Khi nói về người chủ trì: Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản Việt Nam từ ngày 03-07/02/1930 tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc), GV có thể đưa ra những trích đoạn: *"Đừng dặt nhẹ chuyện thần kỳ về Bác/Chữ thần kỳ Bác riêng tặng nhân dân/Đảng ta lập ra gian khổ muôn phần/Lập ra Đảng là một người giản dị/Người nguyện sống trọn cuộc đời chiến sĩ/Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra"* [6, tr. 219].

2.2.3. Nâng cao tính tự giác, tinh thần tự học của sinh viên

Tự học, tự nghiên cứu là cốt lõi của học tập, nghiên cứu; là một mục tiêu quan trọng; là bản chất, động lực nội lực quyết định chất lượng dạy học. Bản chất của việc dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam quy định hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu thành một mục tiêu quan trọng. Học phần có tri thức khá trừu tượng, phong phú, sinh động. Nhiều nội dung tri thức môn học, SV khó có thể tự học, tự nghiên cứu hiệu quả nếu không có hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu của SV. Hiện nay, các trường đại học đang triển khai đào tạo học phần theo học chế tín chỉ, quá trình dạy học được rút ngắn thời gian trên lớp, tăng thời gian tự học của SV, trong khi đó, ở khả năng, năng lực tự học, tự nghiên cứu của SV là rất hạn chế; SV ít có được sự hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu phù hợp giúp họ sử dụng tối ưu hóa cơ hội học tập đến với họ. Vì vậy, phải coi trọng tự học, tự nghiên cứu và tiến hành hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực tự học Học phần của SV.

Tự học có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào việc dạy tự học của GV. Để nâng cao chất lượng giảng dạy Học phần, GV cần hình thành ở SV nhận thức đúng đắn về hoạt động tự học, cụ thể: GV cần giúp SV hiểu được vị trí, vai trò và ý nghĩa của tự học, các hoạt động tự học cũng như yêu cầu của việc tự học đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trong buổi đầu khi giới thiệu môn học; Xác định rõ đâu là nội dung sẽ giảng trên lớp và đâu là những nội dung SV phải tự nghiên cứu thêm ở từng bài học, chương học và của cả môn học. Từ đó thông báo với SV một cách cụ thể, rõ ràng về các nhiệm vụ tự học; Có những quy định cụ thể, rõ ràng về cách thức đánh giá kết quả tự học của SV. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá kết quả tự học của SV; sử dụng kết quả đánh giá việc tự học của SV vào đánh giá điểm quá trình môn học; Khởi gợi các nội dung tự học mà SV quan tâm, yêu thích. Động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời những SV học tập và tự học tốt, tạo nên phong trào thi đua học tập, tự học trong lớp học. Khích lệ SV phát triển bền vững động cơ đã có và lôi cuốn người học biết hoàn thiện các động cơ học tập và tự học của mình; - Giúp đỡ SV giải quyết các khó khăn nảy sinh trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ tự học. Hướng dẫn SV đọc sách và tài liệu trong hoạt động tự học...

Xem tiếp trang 34

tạo tấm gương sáng cho các đơn vị, cơ quan khác học tập, noi theo. Từng bước đổi mới công tác dân vận, nâng cao chất lượng công tác dân vận vùng đồng bào DTTS ở tỉnh Đắk Nông.

3. Kết luận

Công tác dân vận có vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong chiến lược đại đoàn kết các dân tộc ở tỉnh Đắk Nông. Những năm qua, công tác này đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh, củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc; đồng thời cũng bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần tiếp tục được đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Với đặc điểm trên địa bàn tỉnh có đến 40 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong những năm qua, tỉnh Đắk Nông luôn chú trọng đến công tác dân vận trong vùng đồng bào DTTS, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Như vậy, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị chức năng đã đạt nhiều kết quả quan trọng trong phát triển KT-XH, đảm bảo quốc phòng - an ninh, góp phần xóa đói, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào DTTS, củng cố niềm tin của Nhân dân các dân tộc vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Xuân Hậu (2019), *70 năm Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm dân vận (1949-2019)*, NXB Đà Nẵng.
- [2] Ban Dân vận Trung ương (2023), *Báo cáo số 372-BC/BDVTU, ngày 19/12/2023 về công tác dân vận các cơ quan Nhà nước, dân tộc và tôn giáo năm 2023, phương hướng và nhiệm vụ năm 2024*, Đắk Nông.
- [3] Ban Dân tộc (2023), *Báo cáo số 1336/BC-BDT ngày 21/12/2023 về kết quả công tác dân tộc năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024*.
- [4] Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đắk Nông (2022), *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII, Số 22-NQ/TW, ngày 12/12/2022 về nhiệm vụ năm 2022*.
- [5] Chính phủ (2021), *Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*

BIỆN PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC...

Tiếp theo trang 22

3. Kết luận

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một trong 5 học phần cơ bản của các môn LLCT dạy trong tất cả các chương trình đào tạo tại các trường đại học, trong đó có Trường Đại học Hoa Lư, góp phần bồi dưỡng thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học, quan điểm, tư tưởng, lập trường cách mạng cho SV. Do đó, nghiên cứu, tìm ra các biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học Học phần, nâng cao chất lượng dạy học là đòi hỏi khách quan, cần thiết, cấp bách, quan trọng. Để góp phần nâng cao chất lượng dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở Trường Đại học Hoa Lư hiện nay có thể và cần thiết phải áp dụng toàn diện, đồng bộ nhiều biện pháp, song trước hết tập trung vào các biện pháp then chốt, cốt lõi: Đảm bảo kiến thức “cơ bản, hệ thống, hiện đại, thiết thực”; Đổi mới hình thức tổ chức, phương pháp dạy học; Nâng cao tính tự giác, tinh thần tự học của SV trong quá trình dạy học môn học. Thực tiễn dạy học Học phần có vận dụng các biện pháp cơ bản trên ở Trường Đại học Hoa Lư đã đem lại hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao tính tích cực học tập của người học, cải thiện kết quả đánh giá, xếp loại học tập, nâng cao chất lượng học phần.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [2] Trần Trí Trung (2006), *Việt Nam thi sử hùng ca*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
- [3] Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, Chu Hà, Lê Xuân Choát (2004), *Bông sen vàng - Diễn ca về Bác Hồ vĩ đại*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4] Tổ Hữu, *Ba mươi năm đời ta có Đảng*, <https://www.thivien.net>. 10h.40AM.12/11/2024
- [5] Tổ Hữu (1980), *Một nhánh xuân*, nguồn: <https://www.thivien.net>. 11h.40AM.12/11/2024.
- [6] Nguyễn Xuân Lạc (2000), *Thơ dâng Bác - Một con người chủ nghĩa Mác sinh ra*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Phụ lục 01:**MẪU PHIẾU ĐIỀU TRA**

Để nắm rõ thực trạng nhận thức của SV về Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và việc tổ chức dạy học học phần ở trường Đại học Hoa Lư, xin Anh (chị), vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu X vào ô thích hợp.

Câu 1: Mức độ yêu thích của anh/chị đối với Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam?

TT	Mức độ	Đánh dấu
1	Rất thích	
2	Thích	
3	Bình thường	
4	Không thích	

Câu 2: Vai trò của Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhận thức và hành động của bản thân?

TT	Nội dung	Đánh dấu
1	Rèn luyện tư duy chính trị, lập trường, tư tưởng, lý tưởng cách mạng	
2	Nắm được chủ trương, đường lối cách mạng cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam qua các thời kỳ	
3	Góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, yêu nước, bản lĩnh cách mạng của Đảng và dân tộc	
4	Tất cả các ý trên	

Câu 3: Những khó khăn gặp phải khi học tập Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam?

TT	Nội dung	Đánh dấu
1	Chương trình, giáo trình còn dài, dàn trải	
2	Nội dung học phần nhàm chán, khó ghi nhớ	
3	Hình thức tổ chức, phương pháp giảng dạy thiếu phù hợp, hấp dẫn	
4	Chưa phát huy được tính tự giác, tinh thần tự học của SV	
5	Cách thức kiểm tra, đánh giá chưa phù hợp	
6	Ý kiến khác	

Câu 4: Phương pháp giảng dạy chủ yếu được GV sử dụng trong dạy học Học phần ở trường Đại học Hoa Lư (Có thể có nhiều lựa chọn)

TT	Phương pháp sử dụng	Đánh dấu
1	Thuyết trình	
2	Vấn đáp	
3	Giải quyết vấn đề	
4	Thảo luận nhóm	
5	Đóng vai	
6	Trò chơi	
7	Dự án	
8	Ý kiến khác:.....	

Câu 5: Hình thức tổ chức dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tại trường Đại học Hoa Lư?

TT	Hình thức tổ chức dạy và học	Đánh dấu
1	Bài lớp	
2	Tự học	
3	Tham quan	
4	Giao lưu	
5	Hoạt động ngoại khóa	
6	Hỗ trợ, giúp đỡ riêng	
7	Ý kiến khác:.....	

Câu 6: Phương tiện dạy học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của trường Đại học Hoa Lư (Có thể có nhiều lựa chọn)

TT	Các phương tiện giảng dạy	Đánh dấu
1	Phấn, bảng, giáo trình	
2	Máy tính, máy chiếu, và các tài liệu tham khảo khác	
4	Video phục vụ cho nghiên cứu bài giảng, phân giảng do GV cung cấp	
5	Các địa chỉ mạng chính thống do GV cung cấp để SV khai thác học liệu, tài liệu trong quá trình học tập	
6	Ý kiến khác:.....	

Câu 7: Đánh giá của SV về kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ở trường Đại học Hoa Lư?

TT	Nội dung	Đánh dấu
1	Bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá về nội dung kiến thức của SV	
2	Bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá cả về nội dung kiến thức và kỹ năng vận dụng của SV	

3	Bài kiểm tra đảm bảo yêu cầu đánh giá về nội dung kiến thức, kỹ năng và thái độ của SV	
4	Phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá	
5	Ý kiến khác:.....	

Xin anh (chị) vui lòng cho biết một số thông tin:

- Họ và tên:.....

- Lớp:.....

Xin trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 02: DANH SÁCH BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN CÁC LỚP THỰC NGHIỆM VÀ ĐỐI CHỨNG HỌC PHẦN LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM.

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Học kỳ: II

Năm học:

2023-2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam . Số TC: 02

Lớp: D14TH1. Ngành đào tạo: Sư phạm Tiểu học

Mã lớp độc lập: 230105070110401

Lần đánh giá: Thứ nhất

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	TBKT	Điểm thi	Điểm HP	Điểm TC	Ghi chú
1	2552020299	Đinh Thị Thành	An	14/05/2003	7.8	1.5	4.7	D	
2	2552020344	Trần Quốc	An	19/10/2003	8.5	1.7	4.3	D	
3	2552020346	An Thị Phương	Anh	08/04/2003	7.8	7.7	7.7	B	
4	2552020347	An Thị Quỳnh	Anh	20/04/2003	8.0	3.8	5.9	C	
5	2552020345	Cao Ngọc	Anh	19/09/2003	8.3	1.8	4.2	D	
6	2552020300	Đinh Thị Lan	Anh	11/04/2003	7.8	5.5	6.4	C	
7	2552020303	Hà Lê Phương	Anh	29/03/2003	8.0	9.0	8.5	A	
8	2552020305	Ngô Kiều	Anh	15/08/2003	7.7	4.0	5.8	C	
9	2552020348	Nguyễn Thị Lan	Anh	10/07/2003	7.7	1.4	3.8	F	
10	2552020302	Nguyễn Thị Vân	Anh	22/11/2003	7.5	7.3	7.3	B	
11	2552020304	Phạm Thị Tuyết	Anh	06/05/2003	8.0	9.0	8.5	A	
12	2552020301	Tạ Thị Lan	Anh	24/11/2003	8.0	3.5	5.8	C	
13	2552020307	Đinh Thị Ngọc	Ánh	15/10/2003	8.0	9.0	8.5	A	
14	2552020306	Hà Nguyệt	Ánh	21/02/2003	8.0	6.0	7.0	B	
15	2552020349	Vũ Thị Ngọc	Ánh	25/12/2003	7.2	5.8	6.5	C	
16	2552020308	Đinh Thị	Đào	25/11/2003	8.0	8.5	8.3	B	
17	2552020309	Trần Hương	Giang	05/08/2003	8.0	1.0	4.5	D	
18	2552020311	Nguyễn Thị Thu	Hà	30/10/2002	7.8	3.8	5.8	C	
19	2552020312	Phạm Thị Thu	Hằng	08/08/2003	7.8	9.0	8.4	B	
20	2552020313	Phạm Thị Minh	Hạnh	17/01/2003	7.8	4.0	5.9	C	
21	2552020314	Nguyễn Thị Thu	Hiên	03/03/2003	7.8	9.0	8.4	B	
22	2552020315	Bùi Phương	Hiếu	12/05/2003	8.0	9.0	8.5	A	
23	2552020316	Phạm Thị Ánh	Hồng	15/01/2003	7.8	7.8	7.8	B	
24	2552020317	Chu Thị	Huế	05/07/2003	8.3	9.0	8.7	A	
25	2552020318	Nguyễn Thị	Hương	07/06/2003	8.3	6.5	7.4	B	
26	2552020319	Bùi Khánh	Huyền	09/11/2003	7.8	5.3	6.6	C	
27	2552020321	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	14/10/2003	7.8	5.0	6.4	C	
28	2552020322	Đinh Thị Kim	Khánh	29/06/2003	8.0	9.0	8.5	A	
29	2552020323	Nguyễn Lê Quý	Linh	14/09/2003	8.5	6.5	7.5	B	
30	2552020324	Bùi Xuân	Lộc	12/02/2003	8.2	8.0	8.1	B	
31	2552020325	Nguyễn Khánh	Ly	16/09/2003	7.8	6.5	7.2	B	
32	2552020327	Phạm Thị Thu	Ngà	01/10/2003	8.0	6.5	7.3	B	
33	2452020275	Nguyễn Song	Ngân	05/01/2002	7.8	3.0	4.8	D	
34	2552020328	Phạm Ngô Lam	Ngọc	11/09/2003	7.8	1.0	4.4	D	

35	2552020329	Vũ Thị	Ngọc	01/06/2003	7.8	2.0	4.9	D	
36	2552020330	Nguyễn Ánh	Nguyệt	25/03/2003	8.0	5.0	6.5	C	
37	2552020331	Lê Thanh	Nhàn	15/08/2003	8.3	9.0	8.7	A	
38	2552020332	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	17/04/2003	8.0	9.0	8.5	A	
39	2552020516	Phạm Minh	Quang	14/10/2003	9.0	9.0	9.0	A	
40	2552020333	Đinh Thị Như	Quỳnh	01/11/2003	8.3	8.5	8.4	B	
41	2552020334	Nguyễn Thị	Sâm	04/07/2003	8.0	6.3	7.2	B	
42	2552020335	Bùi Thị Phương	Thảo	16/11/2003	8.3	5.0	6.7	C	
43	2552020336	Nguyễn Văn	Thảo	27/07/2003	8.5	5.5	7.0	B	
44	2552020337	Phan Thị Thanh	Thương	19/01/2003	8.0	5.0	6.5	C	
45	2552020338	Đinh Thị Hà	Trang	22/09/2003	8.3	7.5	7.9	B	
46	2552020340	Lã Thị Thu	Trang	19/07/2003	7.8	8.4	8.1	B	
47	2552020339	Lê Thị Huyền	Trang	08/04/2003	8.8	1.8	4.4	D	
48	2552020341	Nguyễn Thị	Trang	27/11/2003	8.0	1.0	4.5	D	
49	2552020342	Nguyễn Vũ Tú	Uyên	20/11/2003	7.5	5.0	6.3	C	
50	2552020343	Hà Thị Thanh	Xuân	12/05/2003	8.0	6.0	7.0	B	
51	2552020514	Nguyễn Thị Hải	Yến	27/02/2003	8.0	7.0	7.5	B	

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Học kỳ: II

Năm học:

2023-2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam . Số TC: 02

Lớp: D14TH2. Ngành đào tạo: Sư phạm Tiểu học

Mã lớp độc lập: 230105070110402

Lần đánh giá: Thứ nhất

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	TBKT	Điểm thi	Điểm HP	Điểm TC	Ghi chú
1	2552020387	Lê Tuyết	Anh	28/05/2003	8.2	1.6	4.1	D	
2	2552020390	Phạm Minh	Anh	05/05/2003	7.4	7.0	7.2	B	
3	2552020388	Phạm Phương	Anh	30/07/2003	7.9	6.5	7.2	B	
4	2552020389	Phạm Thị Ngân	Anh	22/07/2003	7.8	8.8	8.3	B	
5	2552020386	Phạm Thị Ngọc	Anh	01/11/2003	7.2	8.0	7.6	B	
6	2552020391	Đình Thị Minh	Ánh	13/07/2003	8.8	8.3	8.6	A	
7	2552020392	Nguyễn Thị Khánh	Chi	22/07/2003	8.7	8.0	8.4	B	
8	2552020350	Đỗ Thành	Đạt	23/07/2003	7.9	5.0	6.5	C	
9	2552020393	Phạm Thị Thùy	Dung	19/11/2003	7.9	5.0	6.4	C	
10	2552020394	Đặng Hương	Giang	13/08/2003	8.6	9.0	8.8	A	
11	2552020352	Phạm Vũ Hương	Giang	06/05/2003	8.2	9.0	8.6	A	
12	2552020353	Lương Thị Hồng	Hà	14/02/2003	8.4	9.0	8.7	A	
13	2552020395	Dương Khánh	Hạ	24/05/2003	8.4	5.3	6.9	C	
14	2552020354	Nguyễn Đoàn Thu	Hằng	08/02/2003	8.1	9.0	8.6	A	
15	2552020355	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	30/01/2003	8.2	9.0	8.6	A	
16	2552020356	Phạm Thị Thu	Hiền	14/04/2003	8.0	9.0	8.5	A	
17	2552020509	Trần Thị Thúy	Hiền	11/03/2003	6.3	7.3	6.8	C	
18	2552020357	Nguyễn Văn	Hiếu	03/10/2003	7.7	8.0	7.8	B	
19	2552020358	Trần Thị Thu	Huê	04/10/2003	7.8	5.8	6.9	C	
20	2552020359	Bùi Thị Hồng	Huê	01/03/2003	7.9	7.5	7.7	B	
21	2552020360	Đình Thị Lan	Hương	02/01/2003	7.3	1.5	4.4	D	
22	2552020361	Nguyễn Thị Thu	Hương	18/5/2002	7.7	5.0	6.3	C	
23	2552020362	Đình Thị Khánh	Huyền	21/04/2003	8.6	4.3	6.4	C	
24	2452020220	Đình Thị Ngọc	Huyền	20/08/2002	7.6	6.3	6.8	C	
25	2552020363	Phạm Thị Khánh	Huyền	12/10/2003	7.3	5.5	6.5	C	
26	2552020512	Đình Thị Mai	Lan	21/07/2003	8.3	8.5	8.4	B	
27	2552020364	Nguyễn Thị Hương	Lan	01/09/2003	8.0	6.5	7.3	B	
28	2552020366	Phạm Thị Ngọc	Linh	16/8/2003	8.0	9.0	8.5	A	
29	2552020511	Tạ Thị Thùy	Linh	13/01/2003	8.4	6.5	7.5	B	
30	2552020365	Tổng Khánh	Linh	12/09/2003	7.7	1.5	4.6	D	
31	2552020367	Nguyễn Hoàng	Mai	06/09/2003	8.2	7.0	7.6	B	
32	2552020510	Phạm Thị	Mai	21/10/2003	8.5	9.0	8.8	A	
33	2552020368	Bùi Thị Thanh	Mùi 20	05/12/2003	7.9	8.3	8.1	B	

34	2552020369	Nguyễn Thị Phương	Ngoan	25/10/2003	8.3	8.0	8.2	B	
35	2552020370	Vũ Thị Bích	Ngọc	19/06/2003	8.2	5.3	6.8	C	
36	2552020371	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	19/02/2003	7.3	5.0	6.2	C	
37	2552020372	Phạm Thị Thanh	Nhàn	23/06/2003	8.5	8.3	8.4	B	
38	2552020527	Trần Thị Thanh	Nhàn	14/04/2003	7.7	9.0	8.4	B	
39	2552020373	Lê Thu	Phương	13/04/2003	7.8	9.0	8.4	B	
40	2552020374	Nguyễn Vũ Ngọc	Quỳnh	31/07/2003	7.3	8.0	7.7	B	
41	2552020375	Phạm Thị	Sinh	20/07/2003	7.5	6.5	7.0	B	
42	2552020377	Nguyễn Thị Phương	Thảo	18/08/2003	8.1	5.0	6.6	C	
43	2552020379	Nguyễn Thị	Thúy	11/11/2002	8.0	5.5	6.7	C	
44	2552020380	Nguyễn Thị Lệ	Thùy	16/02/2003	8.1	7.5	7.8	B	
45	2552020383	Điền Thị Thùy	Trang	02/06/2003	8.2	5.0	6.6	C	
46	2552020382	Lê Thị Hoài	Trang	03/03/2003	8.2	1.7	4.1	D	
47	2552020381	Lê Thị Huyền	Trang	08/01/2003	8.5	5.0	6.8	C	
48	2552020384	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/04/2003	7.7	7.3	7.5	B	
49	2552020385	Trần Hải	Yên	23/07/2003	8.6	6.0	7.3	B	

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Học kỳ: II

Năm học:

2023-2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam . Số TC: 02

Lớp: D14TH3. Ngành đào tạo: Sư phạm Tiểu học

Mã lớp độc lập: 230105070110403

Lần đánh giá: Thứ nhất

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	TBKT	Điểm thi	Điểm HP	Điểm TC
1	2552020432	Bùi Thị Lan	Anh	22/06/2003	8.0	5.5	6.7	C
2	2552020431	Quách Thị Lan	Anh	27/07/2003	8.5	9.0	8.7	A
3	2552020433	Phạm Thị Ngọc	Ánh	06/02/2003	7.5	9.0	8.3	B
4	2552020434	Hoàng Kim	Chi	5/6/2003	8.2	9.0	8.6	A
5	2552020435	Đặng Kiều	Chinh	24/7/2003	8.0	1.5	4.8	D
6	2552020436	Đèo Thị	Đào	26/6/2003	7.8	1.5	4.7	D
7	2552020437	Nguyễn Quỳnh	Dương	15/02/2003	8.5	9.0	8.7	A
8	2552020438	Nguyễn Tùng	Dương	09/09/2003	7.7	3.0	5.4	D
9	2552020439	Vũ Thị Thùy	Giang	10/05/2003	8.4	2.0	5.1	D
10	2552020440	Nguyễn Thu	Hà	18/03/2003	7.8	0.8	4.3	D
11	2552020396	Đỗ Thị Minh	Hàng	30/07/1995	8.0	5.0	6.5	C
12	2552020397	Nguyễn Hồng	Hạnh	08/03/2003	8.2	7.0	7.6	B
13	2552020398	Nguyễn Thu	Hiền	04/09/2003	8.5	8.5	8.5	A
14	2552020399	Lê Thị Thúy	Hoài	12/04/2003	8.5	2.0	5.3	D
15	2552020520	Trịnh Thị Ánh	Hoài	28/02/2003	8.8	9.0	8.9	A
16	2552020400	Lê Thanh	Huế	27/08/2003	8.2	2.0	5.1	D
17	2552020442	Vũ Minh	Huệ	12/02/2003	7.8	5.5	6.7	C
18	2552020401	Nguyễn Ngọc	Hưng	28/06/2003	8.0	3.3	5.7	C
19	2552020443	Dương Thị	Hương	27/2/2003	8.5	1.5	5.0	D
20	2552020444	Lê Thu	Hường	24/7/2003	7.8	5.0	6.4	C
21	2552020445	Nguyễn Quang	Huy	09/04/2003	7.7	9.0	8.3	B
22	2552020522	Đào Thanh	Huyền	18/10/2003	9.0	9.0	9.0	A
23	2552020320	Nguyễn Thị	Huyền	03/07/2003	8.3	9.0	8.7	A
24	2552020405	Nguyễn Thị	Huyền	22/02/2003	8.3	3.0	5.7	C
25	2552020403	Nguyễn Thu	Huyền	25/02/2003	8.2	5.5	6.9	C
26	2552020404	Phạm Thị Thanh	Huyền	20/05/2003	8.7	9.0	8.8	A
27	2552020406	Nguyễn Thị	Lan	04/01/2003	8.5	9.0	8.7	A
28	2552020407	Lê Thị Phương	Linh	14/05/2003	9.0	9.0	9.0	A
29	2552020408	Nguyễn Thị Phương	Loan	26/04/2003	8.5	8.0	8.3	B
30	2552020409	Vũ Thị Hiền	Mai	18/08/2003	9.0	9.0	9.0	A
31	2552020410	Đỗ Phương	Mây	26/11/2003	8.2	9.0	8.6	A
32	2552020411	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	03/10/2003	8.5	9.0	8.7	A
33	2552020413	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	10/03/2003	8.2	5.5	6.9	C
34	2552020414	Bùi Thị Thu	Nguyệt	20/06/2003	8.2	4.0	6.1	C

35	2552020415	Vũ Thị	Nhâm	13/02/2002	8.2	6.8	7.5	B
36	2552020528	Đinh Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	8.5	9.0	8.8	A
37	2552020416	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	26/07/2003	8.2	8.0	8.1	B
38	2552020417	Vũ Thị Thu	Phương	10/07/2003	8.2	9.0	8.6	A
39	2552020419	Nguyễn Ninh Khánh	Quỳnh	29/04/2003	8.7	9.0	8.8	A
40	2552020418	Vũ Thị Như	Quỳnh	03/06/2003	8.5	7.3	7.9	B
41	2552020517	Nguyễn Thị Thành	Thảo	28/02/2003	8.2	9.0	8.6	A
42	2552020515	Trần Mai	Thảo	24/10/2003	8.5	3.8	6.2	C
43	2552020421	Phạm Thị	Thơm	10/01/2003	8.2	4.0	6.1	C
44	2552020422	Mai Thị Hải	Thương	08/12/2003	8.2	5.0	6.6	C
45	2552020423	Phạm Công	Toàn	13/11/2002	8.0	0.0	4.0	D
46	2552020426	Bùi Linh	Trang	22/03/2003	9.0	8.5	8.8	A
47	2552020425	Nguyễn Thị Kim	Trang	19/06/2003	8.2	7.5	7.9	B
48	2552020427	Nguyễn Thị Minh	Trang	15/04/2003	8.2	7.8	8.0	B
49	2552020428	Hà Thị Hải	Yến	26/08/2003	8.2	8.8	8.5	A

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Học kỳ: II

Năm học:

2023-2024

Học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam . Số TC: 02

Lớp: D14MN. Ngành đào tạo: Sư phạm Mầm Non

Mã lớp độc lập: 230105070110406

Lần đánh giá: Thứ nhất

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	TBKT	Điểm thi	Điểm HP	Điểm TC
1	2442010492	Cao Thị Phương	Anh	29/8/2003	7.2	1.0	5.5	C
2	2552010978	Phạm Thị Lan	Anh	29/07/2001	8.0	4.0	6.0	C
3	2552010979	Ngô Thị Ngọc	Ánh	03/10/2003	7.7	5.0	6.4	C
4	2552010980	Nguyễn Thị	Bình	23/09/2002	8.1	6.5	7.4	B
5	2552010949	Hà Thị Mĩ	Duyên	24/05/2001	8.7	9.0	8.9	A
6	2552011016	Nguyễn Thị	Duyên	25/04/2003	8.1	9.0	8.6	A
7	2552010982	Hà Thị	Giang	13/08/2002	7.7	2.0	4.9	D
8	2552010983	Nguyễn Thị	Hà	02/11/2003	8.3	2.8	5.6	C
9	2552011024	Mai Thúy	Hằng	06/01/2003	7.2	2.8	5.0	D
10	2552011026	Nguyễn Thị	Hằng	14/12/2003	8.1	1.5	4.9	D
11	2552011012	Nguyễn Thu	Hằng	07/07/2003	8.3	0.5	4.5	D
12	2552011008	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/10/2003	7.3	9.0	8.2	B
13	2552010984	Nguyễn Thị	Hoa	21/09/2003	8.4	3.5	6.0	C
14	2342010480	Nguyễn Thị Minh	Hòa	05/11/2002	9.1	8.5	8.7	A
15	2552010985	Trần Lệ	Hồng	01/12/2003	7.3	3.5	5.5	C
16	2342010485	Phạm Thị	Huế	23/09/2001	6.2			I
17	2442010493	Lê Thị	Huệ	11/1/1998	0.0			I
18	2442010494	Điền Thị Mai	Hương	01/12/2003	7.1	1.0	4.8	D
19	2552011029	Đỗ Thị	Hương	18/05/2002	8.0	5.5	6.8	C
20	2552010986	Nguyễn Thị Thu	Hương	27/01/2003	8.1	5.0	6.6	C
21	2552011018	Hoàng Thị Thanh	Huyền	22/08/2001	8.7	5.0	6.9	C
22	2552011007	An Thị	Lan	16/01/2003	8.0	9.0	8.6	A
23	2552010987	Lê Thị Ngọc	Lan	15/10/2003	7.7	5.5	6.6	C
24	2552011020	Ngân Thị Nhật	Lệ	27/01/2003	8.2	6.0	7.1	B
25	2552011028	Đặng Thị Thùy	Linh	22/02/2002	8.1	9.0	8.6	A
26	2552010989	Đinh Thị Bảo	Linh	05/11/2003	8.1	5.5	6.9	C
27	2552010988	Hà Thị Kiều	Linh	25/01/2002	8.7	6.0	7.4	B
28	2552011019	Vương Hiếu	Linh	04/04/2003	8.0	4.0	6.1	C
29	2442010496	Vũ Thị Khánh	Ly	14/02/2002	8.3	6.3	7.1	B
30	2552010992	Vũ Thúy	Nga	20/12/2002	8.4	9.0	8.8	A
31	2342010486	Hoàng Minh	Ngọc	15/12/2002	8.0	5.8	6.6	C
32	2552011025	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	19/11/2003	7.7	6.5	7.2	B
33	2552010993	Nguyễn Thảo	Nguyên	11/11/2003	8.1	2.5	5.4	D
34	2552010994	Nguyễn Thị	Như	19/10/2003	8.1	8.0	8.1	B

35	2552011021	Nguyễn Thị Thanh	Oanh	15/02/2003	8.1	5.5	6.9	C
36	2552010995	Trịnh Thị Kim	Oanh	17/12/2002	8.1	4.5	6.4	C
37	2552010997	Hà Thị Thu	Phuong	10/01/2002	8.3	7.8	8.1	B
38	2552011031	Đỗ Thị	Quyên	09/08/2003	7.4	5.8	6.6	C
39	2552010998	Lại Thị Hương	Quỳnh	01/02/2002	8.4	7.5	8.0	B
40	2442010498	Đinh Thị	Thanh	29/10/2003	7.8	5.5	6.4	C
41	2552010999	Nguyễn Thị	Thanh	21/04/2003	8.3	5.0	6.7	C
42	2552011017	Trịnh Thị Phương	Thanh	27/10/2003	8.1	1.8	5.0	D
43	2552011000	Phạm Thị Thanh	Thảo	08/04/2002	8.4	5.0	6.8	C
44	2552011002	Nguyễn Thị Minh	Thúy	14/01/2001	8.8	1.0	4.9	D
45	2552011003	Hà Thị Hồng	Thủy	19/04/2003	8.1	0.0	4.1	D
46	2552011005	Bùi Kiều	Trang	30/08/2003	7.4	0.0	5.7	C
47	2552010973	Hoàng Thị Huyền	Trang	04/12/2002	8.1	5.0	6.5	C
48	2552011014	Nguyễn Huyền	Trang	24/09/2003	8.1	4.0	6.0	C
49	2552011004	Vũ Thị Huyền	Trang	11/01/2003	8.3	5.0	6.7	C
50	2552010974	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	23/05/2003	8.3	5.5	7.0	B
51	2442010497	Cao Thị	Uyên	08/07/2003	7.9	5.3	6.3	C
52	2552010976	Phạm Thu	Uyên	20/03/2003	7.9	5.0	6.5	C
53	2442010495	Hoàng Thanh	Vân	22/12/2003	7.4	4.5	5.6	C
54	2552010977	Hà Thị Hà	Vi	23/02/2003	7.8	7.0	7.4	B